

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN MẠNH HÙNG

**VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ
VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người
Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TS. THÁI VĨNH THẮNG

HÀ NỘI – 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

NGUYỄN MẠNH HÙNG

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM..... 6

1.1. Khái quát về quyền con người..... 6

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền con người 6

1.1.2. Yêu cầu bảo vệ quyền con người ở Việt Nam trong tình hình mới 8

1.2. Khái quát những nét mới về Quốc hội trong Hiến pháp năm 2013 12

1.2.1. Địa vị pháp lý của Quốc hội 12

1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội Việt Nam..... 13

1.2.3. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội..... 14

1.3. Lý luận về vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người..... 15

1.3.1. Khái quát về vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người 15

1.3.2. Mối quan hệ giữa Quốc hội với các cơ quan nhà nước khác trong việc bảo vệ quyền con người..... 17

1.4. Nội dung vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người..... 21

1.4.1. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động lập hiến, lập pháp..... 21

1.4.2. Bảo vệ quyền con người qua hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước 22

1.4.3.	Bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động giám sát tối cao.....	24
1.4.4.	Bảo vệ quyền con người qua hoạt động của đại biểu Quốc hội.....	26
1.5.	Yêu cầu xây dựng cơ quan chuyên trách về quyền con người	
	- Kinh nghiệm của thế giới.....	27
1.5.1.	Khái quát chung.....	27
1.5.2.	Mô hình Thanh tra Quốc hội (Parliamentary Ombudsman)	28
1.5.3.	Mô hình Ủy ban Quốc gia về quyền con người (National Human Rights Committee).....	29

Chương 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM	31
2.1. Quyền lập hiến bảo vệ quyền con người.....	32
2.1.1. Yêu cầu đặt ra đối với quy trình lập hiến	32
2.1.2. Nội dung quyền con người trong Hiến pháp mới.....	32
2.1.3. Trưng cầu dân ý, lấy ý kiến của nhân dân về sửa đổi Hiến pháp.....	34
2.1.4. Hội đồng bầu cử quốc gia - Thiết chế ra đời đảm bảo quyền bầu cử của công dân	36
2.2. Thực trạng hoạt động lập pháp bảo vệ quyền con người của Quốc hội.....	38
2.3. Thực trạng hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước bảo vệ quyền con người của Quốc hội.....	49
2.4. Thực trạng hoạt động Giám sát tối cao bảo vệ quyền con người của Quốc hội.....	58

Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM.....	66
3.1. Những quan điểm cơ bản nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động thực hiện chức năng của Quốc hội ...	66

3.2.	Đề xuất, kiến nghị nâng cao vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam	70
3.2.1.	Tăng cường chất lượng hoạt động lập pháp	70
3.2.2.	Cải thiện việc thực hiện chức năng "Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước" của Quốc hội	79
3.2.3	Nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động giám sát tối cao	84
3.2.4.	Tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan của Quốc hội	90
3.2.5.	Hoàn thiện bộ máy chuyên trách về quyền con người trong tổ chức của Quốc hội	95
	KẾT LUẬN	99
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HĐND	Hội đồng nhân dân
TAND	Tòa án nhân dân
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
UBTVQH	Ủy ban thường vụ Quốc hội
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là sự kết tinh những giá trị nhân văn cao quý của nền văn minh của nhân loại, là một phạm trù lịch sử có ảnh hưởng lớn tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên toàn thế giới. Điều 1 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định: *"Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền. Mọi người đều được tạo hóa ban cho lý trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em"* [3, Điều 1]. Quyền con người đã trở thành hệ thống các tiêu chuẩn pháp luật quốc tế có tính bắt buộc với mọi quốc gia, và việc tôn trọng, bảo vệ các quyền con người hiện đã trở thành thước đo căn bản về trình độ văn minh của các nước và các dân tộc trên thế giới.

Việt Nam, với một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, yêu chuộng hòa bình và có tư tưởng nhân đạo từ ngàn đời, cũng không đứng ngoài xu thế chung của nhân loại, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng ngày nay. Từ trước tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm tới nhiệm vụ bảo vệ và thúc đẩy sự hưởng thụ các quyền con người, thể hiện xuyên suốt trong mọi chính sách của đất nước. Ngày 12/11/2013, Việt Nam đã trúng cử với 184/192 phiếu và lần đầu tiên trở thành thành viên Hội đồng Quyền con người Liên Hợp Quốc. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với những thành tựu của Việt Nam trong việc đảm bảo ngày một tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tôn giáo, tín ngưỡng... Trong nhiệm kỳ ba năm sắp tới làm thành viên Hội đồng Quyền con người, Việt Nam sẽ có cơ hội đóng góp trực tiếp một cách xây dựng và trách nhiệm vào công cuộc bảo vệ và thúc đẩy các giá trị quyền con người trên phạm vi toàn thế giới, cũng như có điều kiện chia sẻ và học hỏi những kinh nghiệm tốt từ bạn bè quốc tế nhằm đảm bảo sự thụ hưởng ngày càng tốt hơn các quyền của mỗi người dân Việt Nam.

Một sự kiện rất nổi bật nữa đó là Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28/11/2013, thay thế cho Hiến pháp năm 1992. Từ vị trí thứ năm trong Hiến pháp năm 1992, nội dung quyền con người, quyền

công dân đã được chuyển lên vị trí thứ hai, thể hiện sự quan tâm vượt bậc, cũng như nhận thức thay đổi của các nhà lập hiến Việt Nam về tầm quan trọng của quyền con người. Chương Quyền con người và quyền công dân đã được đối chiếu tương đối toàn diện với tiêu chuẩn quyền con người của Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay, vấn đề bảo đảm và thúc đẩy quyền con người vừa được xem là một nhân tố khẳng định tính chất pháp quyền của Nhà nước, vừa là mục tiêu, là yêu cầu đòi hỏi các cơ quan trong bộ máy nhà nước phải chú trọng thực hiện trong thực tiễn hoạt động. Từ đó, nổi bật lên vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, xuất phát từ địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước [18, Điều 69].

Kế thừa Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp mới tiếp tục đặt Quốc hội ở vị trí cao nhất trong bộ máy Nhà nước Việt Nam vì lý do: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, là hình thức chủ yếu thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân. Với vị trí pháp lý như vậy, tất cả những hoạt động và quyết sách của Quốc hội sẽ tác động đến quyền và lợi ích của người dân, đồng nghĩa với việc có đảm bảo hay vi phạm quyền của công dân, hay rộng hơn là quyền con người.

Hiện nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về vai trò của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người, kể cả nghiên cứu về vai trò của Quốc hội trong việc đảm bảo các quyền con người. Tuy nhiên, trong tình hình mới, trong bối cảnh Hiến pháp mới ra đời, với những biến chuyển sâu sắc của thực tiễn, cho thấy cần phải có một nghiên cứu toàn diện hơn nữa về vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

Vì những lý do nêu trên, tôi lựa chọn đề tài "Vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam", nhằm nghiên cứu và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị mới, phù hợp với thực tiễn bảo đảm quyền con người, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hiện nay, trên thế giới, quyền con người là một vấn đề lý luận cơ bản và hết sức cấp thiết. Đảng và Chính phủ Việt Nam cũng luôn đặt con người vào vị trí trung tâm trong chính sách phát triển, đã xác lập các tiền đề vững chắc thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Do đó, vấn đề về quyền con người từ lâu đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Trong những năm gần đây, có rất nhiều công trình nghiên cứu về quyền con người trên các lĩnh vực:

- Kỷ yếu hội thảo khoa học *"Tổ chức bộ máy nhà nước theo Hiến pháp năm 2013"* - Cơ quan chủ trì hội thảo: Viện nghiên cứu lập pháp và Viện chính sách công và pháp luật, ngày 6/5/2014;

- Đề tài nghiên cứu: *"Sự tham gia của nhân dân vào quy trình lập hiến - Lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam"*, Cơ quan chủ trì: Viện chính sách công và pháp luật. Đồng chủ biên: GS.TSKH. Đào Trí Úc - GS.TS. Nguyễn Thị Mơ - TS. Nguyễn Văn Thuận - TS. Vũ Công Giao, năm 2013;

- *"Quyền tiếp cận thông tin - điều kiện thực hiện các quyền con người và quyền công dân"* - GS. TS. Thái Vĩnh Thắng, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Quốc hội, Số 17/2009, tr. 6 - 11;

- *"Đảm bảo quyền con người trong hoạt động của Quốc hội Việt Nam"* - Luận án Tiến sĩ Luật học, Tường Duy Kiên, 2004;

- Đề tài cấp cơ sở năm 2008: *"Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm quốc gia trong quá trình thực hiện quyền phát triển của con người"*- Viện Nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Chủ nhiệm đề tài: TS Nguyễn Duy Sơn;

- *"Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* (Sách chuyên khảo), PGS,TS Trần Ngọc Đường, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2008;

- Chương trình cấp Bộ: *"Một số vấn đề cơ bản về phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020"*, Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu con người, Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Chủ nhiệm đề tài: PGS,TS Mai Quỳnh Nam;

- *"Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam"*, Cơ quan chủ trì: Bộ Ngoại giao Việt Nam, năm 2005.

Ngoài ra, còn có nhiều các đề tài nghiên cứu khoa học, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và một số các bài viết chuyên sâu trên tạp chí về quyền con người. Tuy nhiên, chưa có một công trình chính thức tập trung nghiên cứu về đề tài: *"Vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam"* trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

3.1. Mục đích của đề tài

Đề xuất kiến nghị, giải pháp nhằm phát huy vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với thế giới, vị thế của Việt Nam trên trường Quốc tế ngày càng được cải thiện.

3.2. Nhiệm vụ của đề tài

- Trình bày rõ cơ sở lý luận về vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người;

- Đánh giá thực trạng việc phát huy vai trò của Quốc hội trong bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam;

- Đưa ra các giải pháp hoàn thiện nhằm phát huy vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người ở nước ta đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tình hình mới.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Các phương pháp khác: Phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp đối chiếu, phương pháp so sánh, phương pháp logic, phương pháp chứng minh...

5. Điểm mới của luận văn

Luận văn là công trình tập trung nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ và có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát huy vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh Quốc hội vừa ban hành bản Hiến pháp mới trong đó đề cao lĩnh vực quyền con người. Thông qua đánh giá thực tiễn, luận văn chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và kiến nghị một số giải pháp nhằm tăng cường vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa của luận văn

- Luận văn là một trong số ít các công trình nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Nội dung luận văn sẽ giúp mọi người có cái nhìn tổng thể và chính xác hơn về vị trí, vai trò, phương thức hoạt động của Quốc hội nói chung và tác động của nó đối với việc bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

- Những kiến nghị, giải pháp trong luận văn sẽ đóng góp có ý nghĩa thiết thực cho việc hoàn thiện vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

Chương 2. Thực trạng vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

Chương 3. Đề xuất, kiến nghị nâng cao vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1.1. Khái quát về quyền con người

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền con người

Những ý tưởng về quyền con người đã ra đời từ rất sớm cùng với sự phân chia giai cấp trong xã hội và hình thành Nhà nước. Ở Nhà nước chiếm hữu nô lệ, tư tưởng về bình đẳng, dân chủ, pháp luật hoá tư tưởng về quyền con người đã được thể hiện dù còn hạn chế, điển hình là trong Bộ luật Hamurabi. Hay như ở xã hội phong kiến Việt Nam, tính dân tộc, nhân đạo, tiến bộ cũng được thể hiện rõ nét và xuyên suốt qua nhiều triều đại, nổi bật là Quốc triều Hình Luật của nhà Lê được ban hành dưới triều vua Lê Thánh Tông vào thế kỷ XV. Thế kỷ XVII - XVIII ở châu Âu, trường phái pháp luật tự nhiên với các đại diện như: Spinoda, Hobbes, Kant... đã mở ra một trang mới cho sự phát triển tư tưởng bảo vệ quyền cá nhân chống lại sự vi phạm từ phía quyền lực. Tư tưởng này góp phần vào thắng lợi của cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến tàn bạo, thiết lập nhà nước mà ở đó phẩm giá con người được nâng lên thành công dân của xã hội chứ không phải thần dân của vua.

Tuyên ngôn độc lập của Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ năm 1776 khẳng định: "*Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền được sống, quyền tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc*" [2,tr.41]. Những tuyên bố này đã được tái khẳng định trong Bản Tuyên ngôn Quyền công dân và Quyền con người 1789 của nước Pháp và Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tư tưởng về quyền con người thực sự trở thành vấn đề mang tính chất toàn cầu và dần được thể chế hóa toàn diện, có tính hệ thống vào pháp luật và đời sống chính trị quốc tế bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX khi các tổ chức quốc tế lớn ra đời như: Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (năm 1863), Hội Quốc Liên (1919), Tổ chức lao động Quốc tế (1919). Đặc biệt, sau khi Liên Hợp Quốc ra đời năm 1945 và ban hành Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 thì vấn đề quyền con người đã trở thành mục tiêu chung và căn bản của

toàn nhân loại, là động lực đấu tranh của tất cả nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Lời nói đầu của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 có nhân mạnh: *"Việc thừa nhận phẩm giá vốn có, các quyền bình đẳng và không thể tách rời của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là cơ sở cho tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới"* [3].

Đưa ra khái niệm về quyền con người, Văn phòng Cao ủy Liên hiệp Quốc về quyền con người đã định nghĩa như sau:

Những bảo đảm pháp lý toàn cầu (universal legal guarantees) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động (actions) hoặc sự bỏ mặc (omissions) mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép (entitlements) và tự do cơ bản (fundamental freedoms) của con người" [2,tr.37].

Cách hiểu về quyền con người của các chuyên gia, cơ quan nghiên cứu ở Việt Nam cũng không hoàn toàn đồng nhất, nhưng nhìn chung, đa số đều hiểu rằng quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Quyền con người được tiếp cận dưới góc độ là những quyền tự nhiên, vốn có nhưng phải được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Quyền con người được coi là những chuẩn mực được cộng đồng Quốc tế thừa nhận và tuân thủ và được áp dụng cho tất cả mọi người trên thế giới.

Quyền con người có những đặc điểm nổi bật sau:

- Quyền con người có tính tự nhiên: Đó là những đặc quyền mà con người sinh ra là tự nhiên có, mang tính tự nhiên mà nổi bật là quyền được sống, được bảo vệ, được tự do phát triển. Mặc dù, những đặc quyền đó có trước, song chừng nào chưa được pháp luật công nhận thì chúng không thể được đưa ra áp dụng.

- Quyền con người có tính phổ quát: Quyền con người được hầu hết các Quốc gia trên thế giới công nhận và tuân thủ, được áp dụng bình đẳng cho mọi người, không có sự phân biệt đối xử bởi bất kỳ lý do nào về chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, thành phần xuất thân...Như vậy, quyền con người là một giá trị chung của nhân loại, là mục đích vươn tới của nhân loại.

- Quyền con người có tính bất khả xâm phạm: Quyền con người là bất khả xâm phạm, không bị tước đoạt, ngoại trừ trong các tình huống cụ thể và theo đúng quy định của pháp luật quốc gia, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Ví dụ, quyền tự do có thể được hạn chế nếu một người bị kết án là phạm một tội theo quy định của pháp luật bởi một bản án có hiệu lực của tòa án có thẩm quyền.

- Quyền con người không thể phân chia, tách rời: Đó là các quyền dân sự và chính trị như quyền sống, bình đẳng trước pháp luật và tự do ngôn luận; các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, như các quyền được làm việc, an sinh xã hội và giáo dục; hoặc quyền của nhóm như quyền phát triển và tự quyết định. Các quyền này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, việc cải thiện một trong những quyền có thể tạo điều kiện đảm bảo tốt các quyền khác. Trái lại, việc một quyền bị xâm phạm hay tước đoạt cũng có thể ảnh hưởng xấu đến những quyền khác. Các quyền của con người thường được thể hiện và đảm bảo theo quy định của pháp luật quốc gia, các điều ước, cam kết, thỏa thuận hoặc tập quán quốc tế. Luật pháp quốc tế về quyền con người đặt ra nghĩa vụ đối với mỗi quốc gia thành viên nhằm buộc các quốc gia phải hành động theo những cách nhất định hoặc tránh một số hành vi nhất định để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

- Quyền con người có tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau: Quyền con người mang tính toàn diện, chúng không tồn tại một cách độc lập, tách rời với nhau mà tồn tại trong một tổng thể có mối liên hệ mật thiết, chúng phụ thuộc, ràng buộc lẫn nhau, trong đó, việc đảm bảo toàn bộ hoặc một phần các quyền này là điều kiện để đảm bảo toàn bộ hoặc một phần các quyền khác và ngược lại. Một xã hội phát triển, đảm bảo tốt các quyền và tự do chính trị, dân sự sẽ có những tác động tích cực trực tiếp và gián tiếp đảm bảo các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Và ngược lại, các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội được đảm bảo thì các quyền chính trị, dân sự sẽ được thực thi tốt.

1.1.2. Yêu cầu bảo vệ quyền con người ở Việt Nam trong tình hình mới

Với đường lối đổi mới, tập trung xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, đất nước ta đang từng bước vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giành được những thành tựu đáng ghi nhận, trước sự tác động phức tạp của tình hình thế giới, khu vực. Lĩnh vực

kinh tế - xã hội ngày một phát triển, chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường; đời sống của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ không ngừng được cải thiện; uy tín, vị thế của nước ta không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

Ngày 12/11/2013, với tỷ lệ phiếu thuận 184/192, Việt Nam đã lần đầu tiên trở thành thành viên Hội đồng Quyền con người Liên Hợp Quốc.

Ngày 28/11/2013, Hiến pháp mới đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua, thay thế cho Hiến pháp năm 1992. Đặt những quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại Chương II, Hiến pháp đã khẳng định tầm quan trọng của quyền con người, quyền công dân, thể hiện sự nhất quán đường lối của Đảng và Nhà nước ta trong việc công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định quyền sống; quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, nghiên cứu và thụ hưởng các kết quả khoa học; quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền được sống trong môi trường trong lành... Đáng chú ý trong Hiến pháp 2013 cũng đã có sự thể hiện rõ sự thống nhất giữa quyền con người và quyền công dân, quyền nào là nhóm quyền được áp dụng đối với mọi cá nhân với tư cách là quyền con người, quyền nào là nhóm quyền chỉ áp dụng đối với công dân Việt Nam với tư cách là các quyền công dân. Quyền con người cũng là quyền công dân, nhưng phải có một sự phân định rạch ròi, những thứ mà mọi người được hưởng thì đó là quyền con người; những gì công dân được hưởng thì đó là quyền công dân.

Những thay đổi trên khiến cho chế định này của Hiến pháp phù hợp hơn với nội dung của các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, cũng như với chế định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp các nước dân chủ. Phần lớn những thay đổi trên nhằm khắc phục những hạn chế của các Hiến pháp trước đây về quyền con người, quyền công dân.

Hiến pháp năm 2013 về cơ bản đã tiếp thu quy định của Công ước quốc tế về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, văn hóa và Tuyên ngôn quyền con người năm 1948. Sự tiếp thu này là phù hợp với thời kỳ toàn cầu hóa, và để những quy định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp được đầy đủ hơn. Đây

cũng là điều kiện để Việt Nam thực hiện tốt các nghĩa vụ và cam kết của một Quốc gia thành viên Hội đồng Quyền con người và thành viên Liên Hợp Quốc trong nhiệm kỳ 2014 – 2016.

Với mục đích tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực phục vụ cho việc bảo đảm tốt hơn các quyền con người, Chính phủ Việt Nam chủ trương tiếp tục tăng cường hợp tác với tất cả các quốc gia, các cơ chế và tổ chức chuyên môn của Liên hợp Quốc có liên quan đến quyền con người; tham gia tích cực và có trách nhiệm vào công việc của Hội đồng Quyền con người, hợp tác đầy đủ và xây dựng với các Thủ tục đặc biệt, trong đó có việc xem xét tích cực các đề nghị vào thăm; thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ đối với các Công ước quyền con người quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường hiệu quả các cơ chế đối thoại song phương thường kỳ về quyền con người.

Bên cạnh những điểm tích cực nổi bật đó, vấn đề bảo vệ quyền con người ở Việt Nam vẫn đứng trước nhiều thách thức, khó khăn:

Thứ nhất, mặc dù khuôn khổ pháp lý đảm bảo quyền con người ở Việt Nam đang từng bước được kiện toàn nhưng vẫn chưa đồng bộ, một số lĩnh vực chưa theo kịp với sự thay đổi của cuộc sống, chậm được sửa đổi, bổ sung. Năng lực xây dựng thể chế, quản lý, điều hành, tổ chức thực thi pháp luật và việc tuyên truyền pháp luật về quyền con người đến các ngành, các cấp, các địa phương vẫn còn hạn chế, khiến cho việc triển khai còn khó khăn, bất cập. Trình độ và nhận thức về quyền con người của một bộ phận cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp trong bộ máy nhà nước, trong hệ thống chính trị, trong các tổ chức, đoàn thể xã hội còn nhiều hạn chế, kể cả ở TW và địa phương, trong tất cả các ngành và các lĩnh vực công tác. Bản thân người dân chưa hiểu biết đầy đủ về các quy định của pháp luật để thực hiện quyền của mình một cách đầy đủ và hiệu quả. Việc kiểm tra đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật còn lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng có những vi phạm chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

Thứ hai, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi từ môi trường bên ngoài, đặc biệt là từ cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu. Là một nước đang phát triển, Việt Nam đang phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt các nguồn lực

dành cho phát triển, đặc biệt trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ và bảo đảm các quyền của các nhóm yếu thế trong xã hội. Những rủi ro về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, mà đối tượng chịu tác động nặng nề nhất chính là các nhóm xã hội yếu thế, đặc biệt là người nghèo, vẫn là một thách thức không nhỏ đối với Việt Nam. Do thiếu hụt nguồn lực, tầm bao phủ của hệ thống an sinh xã hội hiện nay còn khiêm tốn, nhất là đối với người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương. Phần lớn người nghèo sống ở các khu vực nông thôn và miền núi, tham gia vào các hoạt động nông nghiệp và ít nhận được hỗ trợ từ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Thứ ba, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những khó khăn trong giải quyết vấn đề bất bình đẳng và giảm nghèo bền vững. Phần lớn người nghèo là cư dân nông thôn và người dân tộc thiểu số. Do người dân tộc thiểu số cư trú ở những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về các điều kiện sản xuất, phát triển kinh tế, giao thông, tiếp cận thị trường nên tỷ lệ hộ nghèo ở đó chiếm khá cao. Hơn nữa, giảm nghèo hiện nay chưa bền vững, một số hộ gia đình mặc dù đã thoát nghèo nhưng khả năng tái nghèo rất cao.

Thứ tư, giáo dục nước ta còn nhiều bất cập như sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; cải cách giáo dục trong công tác giảng dạy và học tập, cải tiến thiết bị, cơ sở vật chất trường học. Giáo dục về quyền con người trong các cấp học chưa được đầu tư thỏa đáng. Trong chương trình giáo dục phổ thông, nội dung giảng dạy về quyền con người nói chung và các quyền cụ thể còn sơ sài và chưa phù hợp với cấp học và độ tuổi.

Thứ năm, các quan niệm lạc hậu, cổ hủ vẫn còn tồn tại khiến cho nhiều nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số chưa ý thức và chủ động trong việc bảo vệ các quyền của chính mình. Tư tưởng "trọng nam hơn nữ" là trở lực cho nhận thức và thực hiện bình đẳng giới, định kiến xã hội vẫn tạo nên sự kỳ thị nhất định đối với người dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

Ngoài ra, còn nhiều các vấn đề khác gây nên những khó khăn cho việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người ở Việt Nam hiện nay. Trước những trở ngại, thách

thức đó, có thể thấy rõ yêu cầu cải cách hệ thống pháp luật, cải cách toàn diện nền hành chính và tư pháp hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ưu tiên phát triển thực hiện mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất và các nguồn lực xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước thực hiện các chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đồng thời phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, đảm bảo thực hiện các quyền và tự do cơ bản của con người.

1.2. Khái quát những nét mới về Quốc hội trong Hiến pháp năm 2013

Với tư cách là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, thể hiện bản chất dân chủ của một nhà nước, Quốc hội luôn chiếm một vị trí quan trọng trong các quy định pháp luật, mà trước hết là Hiến pháp, về thể chế chính trị nói chung và bộ máy nhà nước nói riêng. Việc ra đời Hiến pháp năm 2013 tất yếu kéo theo những thay đổi đối với chế định Quốc hội.

1.2.1. Địa vị pháp lý của Quốc hội

Hiến pháp năm 1992 quy định nhân dân chỉ thực hiện quyền lực nhà nước của mình thông qua Quốc hội và HĐND:

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân; thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước [36, Điều 83].

Xác định lại vị trí vai trò của Quốc hội, hiểu lại nguyên tắc tập quyền XHCN theo hướng quyền lực nhà nước thống nhất không phải vào Quốc hội mà vào nhân dân, Điều 69 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "*Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*" [18, Điều 69].

Quốc hội vẫn được Hiến pháp quy định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam như Hiến pháp năm

1992. Tuy nhiên, Quốc hội không còn là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, đây là một sự đổi mới căn bản về nhận thức. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước chẳng những thông qua các cơ quan đại diện là Quốc hội và HĐND và qua các cơ quan nhà nước khác, mà còn bằng các hình thức dân chủ trực tiếp như phúc quyết Hiến pháp và trưng cầu dân ý. Nhân dân sử dụng quyền lập hiến để thiết lập quyền lực nhà nước, trong đó có quyền lập pháp. Thông qua quyền lập hiến, nhân dân giao cho Quốc hội thực hiện quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp. Việc xác định vị trí của Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến như Hiến pháp 2013 là phù hợp với đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), đồng thời kế thừa và phát huy tư tưởng lập hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Hiến pháp năm 1946 và các kinh nghiệm lập hiến tiên bộ của thế giới.

1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội Việt Nam

Hiến pháp năm 2013 có sự đổi mới khi quy định chức năng của Quốc hội, không liệt kê dài dòng như Hiến pháp năm 1992: *"Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước"* [18, Điều 69].

Quy định này đã xác định chính xác hơn chức năng của Quốc hội, vì nếu trưng cầu dân ý để thông qua Hiến pháp thì Quốc hội không còn là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, còn lập pháp thì nhiều cơ quan nhà nước khác cũng có thẩm quyền.

Về chức năng "Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước", Hiến pháp mới không liệt kê quyết định những vấn đề gì như trước đây. Nó sẽ là cơ sở hiến định để thời gian tới các luật cụ thể hóa Hiến pháp sẽ phù hợp với vai trò của Quốc hội trong Nhà nước pháp quyền, không phải một Quốc hội toàn quyền như Hiến pháp năm 1992.

Quốc hội theo Hiến pháp năm 2013 được quy định hoạt động giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước chứ không "giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước" như trước, có nghĩa là phạm vi giám sát tối cao đã giới hạn.

Nhìn chung, vai trò của Quốc hội được Hiến pháp mới quy định phù hợp với thiết chế Quốc hội trong nhà nước pháp quyền đích thực, khắc phục những hạn chế của một Quốc hội toàn quyền, đảm bảo cho Quốc hội hoạt động có hiệu lực, hiệu quả nhưng không lạm quyền.

1.2.3. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội

Hiến pháp mới đã bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn mới cho UBTVQH là *"quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc TW"* [18, Điều 74]. Trước đây thẩm quyền này là của Thủ tướng Chính phủ, đến nay nhân dân đã giao cho cơ quan thường trực giữa hai kỳ họp của Quốc hội, nhằm đảm bảo cho việc phân chia đơn vị hành chính lãnh thổ dưới tỉnh thành trực thuộc TW được thực hiện theo một quy trình dân chủ hơn, chặt chẽ hơn. Đồng thời đây cũng là một phương thức để tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước giữa cơ quan lập pháp đối với cơ quan hành pháp, đảm bảo cho việc phân chia đơn vị hành chính lãnh thổ dưới tỉnh, thành trực thuộc TW phù hợp với ý nguyện của nhân dân, phòng chống chủ quan duy ý chí từ phía các cơ quan hành pháp có thẩm quyền.

Về Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Hiến pháp năm 2013 bổ sung thêm thẩm quyền *"yêu cầu thành viên của Chính phủ, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước và các cá nhân hữu quan báo cáo, giải trình hoặc cung cấp tài liệu về những vấn đề cần thiết"* [18, Điều 77]. Tăng cường giải trình của các cơ quan hữu quan trước Hội đồng dân tộc và các Ủy ban là một hoạt động thể hiện tính dân chủ và pháp quyền của nhà nước pháp quyền trong thời đại ngày nay. Thông qua giải trình làm cho hoạt động của nhà nước ngày càng minh bạch, công khai, trách nhiệm của nhà nước trước nhân dân được tăng cường, nhân dân có điều kiện để kiểm soát hoạt động của nhà nước.

Xuất phát từ thực tiễn, tạo điều kiện cho các đại biểu Quốc hội tham gia các Ủy ban và Hội đồng dân tộc một cách thuận lợi, thực chất, Hiến pháp năm 2013 quy định: *"Các Phó Chủ tịch, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban, các Ủy viên của Hội đồng dân tộc và các Ủy viên của các Ủy ban do UBTVQH phê chuẩn"* [18, Điều 75]. Quy định mới này chẳng những đổi mới cách thức tổ chức các cơ quan của

Quốc hội mà còn tạo điều kiện để luân chuyển cán bộ trong đó có các đại biểu Quốc hội theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

1.3. Lý luận về vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người

1.3.1. Khái quát về vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người

Quyền con người được bảo đảm thực hiện chủ yếu, thường xuyên bằng quyền lực nhà nước thông qua bộ máy nhà nước, bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, hệ thống pháp luật của nhà nước và đội ngũ các cán bộ, công chức thực hiện công vụ.

Quốc hội là bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, thiết chế đặc biệt chỉ ra đời, tồn tại trong nhà nước dân chủ, thừa nhận nguyên tắc chủ quyền thuộc về nhân dân. Trên thực tế, quá trình tồn tại và phát triển, cũng như cơ cấu tổ chức, bộ máy và hoạt động của Quốc hội ở mỗi nước lại không giống nhau, nhưng đều có vị trí, vai trò quan trọng trong bộ máy nhà nước, qua hai đặc trưng cơ bản là cơ quan đại diện của nhân dân và là cơ quan có quyền lập pháp.

Đề cập tới Quốc hội trong cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước đảm bảo quyền con người là xác định vị trí, vai trò của Quốc hội trong bộ máy nhà nước. Quốc hội - cơ quan lập pháp do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân, Chính phủ - cơ quan hành pháp do Quốc hội bầu, TAND tối cao và VKSND tối cao - cơ quan tư pháp do Quốc hội bầu, chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Mô hình này bảo đảm quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nhân dân, nhưng nhân dân không sử dụng quyền lực trực tiếp mà ủy quyền cho nhà nước thực hiện.

Là cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra, Quốc hội trở thành cơ quan đại biểu cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân cả nước, do đó, Quốc hội là thiết chế phù hợp nhất để biến ý chí của nhân dân thành pháp luật của Nhà nước và chính đặc trưng này đã quyết định đến vị trí, chức năng của Quốc hội và trở thành thiết chế có ưu thế hơn cả các thiết chế khác trong bộ máy nhà nước để bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người.

Để phát huy vai trò của Quốc hội trong việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người, cần có một số những điều kiện quan trọng về chính trị, hệ thống pháp luật, kinh tế - xã hội và điều kiện liên quan tới quốc tế.

Thứ nhất, đường lối chính trị của một quốc gia là nhằm xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nền kinh tế phát triển, nền dân chủ thực sự. Đường lối chính trị đó phải được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật. Điều 2 và Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là điều kiện tiên quyết bảo đảm Nhà nước Việt Nam là Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Đồng thời, Nhà nước Việt Nam luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhà nước Việt Nam khẳng định con người là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước:

Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện [18, Điều 3].

Thứ hai, để tạo điều kiện bảo đảm thực hiện, bảo vệ quyền con người, để đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng trở thành hiện thực trong cuộc sống xã hội thì sự lãnh đạo của Đảng phải được thể chế hóa thành pháp luật. Xuất phát từ chủ trương không ngừng phát triển quyền con người, cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp mới về quyền con người, quyền nghĩa vụ của công dân, Nhà nước Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để bảo đảm rằng các quyền con người phải được tôn trọng và thực hiện một cách đầy đủ nhất.

Thứ ba, phát triển kinh tế tạo cơ sở vật chất là một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo thực hiện quyền con người. Pháp luật do Quốc hội ban hành sẽ tạo khuôn khổ môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phát huy được mọi tiềm năng, hạn chế được các mặt tiêu cực. Đồng thời với phát triển kinh tế là phát triển xã hội nhằm mục đích vì quyền con người. Phát

triển văn hóa giáo dục, nâng cao dân trí cũng phải được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật, bảo đảm cho con người được phát triển tự do và toàn diện, tạo điều kiện cho mọi người được độc lập, nghiên cứu nâng cao nhận thức về mọi mặt.

Thứ tư, các quốc gia có trách nhiệm xây dựng hệ thống pháp luật trong nước phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, phù hợp với Tuyên ngôn quyền con người thế giới năm 1948 và các Công ước quốc tế quan trọng về quyền con người. Việc hợp tác và đối thoại giữa các quốc gia để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là một yêu cầu cần thiết và khách quan và cần sự ủng hộ tích cực của các quốc gia thành viên. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, việc thực hiện chủ trương đa dạng hoá và đa phương hoá các quan hệ đối ngoại, đường lối đối ngoại độc lập, hoạt động ngoại giao Nghị viện của Quốc hội nước ta ngày càng được tăng cường, bổ sung vào những nỗ lực của ngoại giao Chính phủ và hoạt động đối ngoại của các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội. Hiện nay, Quốc hội nước ta đã là thành viên của Liên minh Nghị viện thế giới (IPU), Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước ASEAN (AIPO), là thành viên sáng lập Diễn đàn nghị sĩ các nước Châu Á - Thái Bình Dương (APPF), Liên minh Nghị viện cộng đồng Pháp ngữ (APF). Quốc hội Việt Nam chính thức gia nhập IPU vào năm 1979, qua diễn đàn này, Việt Nam cũng đã thiết lập được quan hệ hữu nghị và hợp tác với Nghị viện của hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Các cam kết của Việt Nam trên chính trường quốc tế là một trong những điều kiện cần đảm bảo cho Nhà nước Việt Nam nói chung và Quốc hội nói riêng phát huy vai trò của mình trong bảo đảm, thúc đẩy việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Đồng thời, sự giám sát của các tổ chức quyền con người thế giới chính là điều kiện cần thiết để Quốc hội thận trọng trong việc điều hành nền hành chính nhà nước ngày càng hướng đến mục đích bảo đảm và thúc đẩy quyền con người một cách chủ động, tích cực và tự giác.

1.3.2 Mối quan hệ giữa Quốc hội với các cơ quan nhà nước khác trong việc bảo vệ quyền con người

Bảo đảm thực hiện quyền con người là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, toàn thể bộ máy nhà nước từ TW tới cơ sở, thực hiện một cách thống nhất, liên tục

và không thể tách rời một yếu tố nào, vì mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước có vị trí, chức năng riêng, song đều thực hiện quyền lực nhà nước. Xác định mối quan hệ giữa Quốc hội với các thiết chế nhà nước khác trong việc bảo đảm quyền con người chính là làm rõ vị trí, chức năng cũng như phương thức hoạt động của Quốc hội, thấy được mối quan hệ khăng khít trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm thực thi quyền lực nhà nước bảo đảm quyền con người: *"Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"* [18, Điều 2].

Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội và HĐND các cấp); hệ thống cơ quan hành chính (Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp); hệ thống cơ quan xét xử (TAND tối cao, TAND các cấp, tòa án quân sự); hệ thống viện kiểm sát (VKSND tối cao, VKSND các cấp và viện kiểm sát quân sự) và Chủ tịch nước.

** Chủ tịch nước*

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam *"là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại"* [18, Điều 86]. *"Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội"* [18, Điều 87]. Quốc hội có quyền bãi bỏ các văn bản của chủ tịch nước nếu thấy các văn bản trái với các quy định về quyền con người được quy định trong hiến pháp, luật và Nghị quyết của Quốc hội.

** Chính phủ*

Đảm bảo quyền con người trong hoạt động của Chính phủ được xác định cụ thể bằng việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ.

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, UBTWQH, Chủ tịch nước [18, Điều 94].

Chính phủ quán triệt Hiến pháp và pháp luật, tiến hành lập quy và xây dựng hệ thống thể chế hành chính nhằm bảo đảm và thúc đẩy thực hiện quyền con người

trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Chính phủ là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong định hướng cho quốc gia bằng việc soạn thảo các chiến lược phát triển, các kế hoạch, các dự án luật và các bộ luật... trình Quốc hội và đồng thời là người trực tiếp và thường xuyên điều hành việc thực hiện các chiến lược, các kế hoạch, các đạo luật, bộ luật sau khi được Quốc hội xem xét thông qua. Chính phủ đứng đầu cơ quan hành pháp, thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội và đối ngoại của nhà nước. và vì dân, là công vụ hữu hiệu bảo đảm thực hiện và phát triển quyền con người.

Chính phủ huy động, cân đối, bố trí hợp lý các nguồn lực cho mục tiêu phát triển để đảm bảo và thực hiện tốt hơn quyền con người. Chính phủ thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát hành chính và xử lý sai phạm trong việc thực hiện quyền con người. Chính phủ tạo điều kiện pháp lý, đảm bảo tính công khai trong hoạt động của mình để người dân dễ dàng thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp và cung cấp các thiết chế để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Chính phủ đổi mới và quản lý quá trình cải cách hành chính nhằm nâng cao năng lực hành chính nhằm bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người. Chính phủ cũng nâng cao tính công khai, minh bạch, giản tiện trong hoạt động của nền hành chính. Chính phủ chỉ đạo, điều hành và phối hợp với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội để đảm bảo và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người.

Với tư cách là cơ quan chấp hành của Quốc hội, Chính phủ phải chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội, chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội và có nhiệm vụ bảo đảm thi hành các văn bản pháp luật của Quốc hội và UBTVQH. Các văn bản của Chính phủ ban hành phải phù hợp với Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH và sẽ bị đình chỉ, bãi bỏ nếu có dấu hiệu vi phạm. Các thành viên chính phủ có thể bị Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm, bãi nhiệm nếu không hoàn thành nhiệm vụ.

** Tòa án nhân dân*

Bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động xét xử, Tòa án thấy được thực trạng, những bất cập của hệ thống pháp luật trong việc bảo đảm quyền con người, sẽ là cơ sở quan trọng để kiến nghị với Quốc hội nhằm sửa đổi, bổ sung kịp thời.

TAND có quyền trình dự án luật ra trước Quốc hội, pháp lệnh ra trước UBTVQH, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ và phát triển quyền con người.

TAND là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; TAND có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân [18, Điều 102].

Nhiệm kỳ của Chánh án TAND tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Chánh án TAND tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước UBTVQH, Chủ tịch nước [18, Điều 105].

** Viện kiểm sát nhân dân:*

Là cơ quan giữ quyền công tố, VKSND có quyền truy tố hành vi vi phạm pháp luật của một người ra trước cơ quan xét xử nếu thấy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hoặc không truy tố nếu chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Là cơ quan có thẩm quyền kiểm sát các hoạt động tư pháp, VKSND góp phần bảo đảm cho hoạt động bắt, giam, giữ, xét xử, thi hành án hình sự phải đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Với chức năng này, VKSND góp phần bảo đảm pháp chế, giữ nghiêm kỷ cương phép nước và bảo vệ quyền lợi về tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của công dân, bảo đảm mọi hành vi xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tập thể, của công dân đều phải bị nghiêm trị theo pháp luật, đồng thời với việc trình dự án luật ra trước Quốc hội, pháp lệnh ra trước UBTVQH, VKSND tối cao góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ và phát triển quyền con người.

VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất [18, Điều 107].

Nhiệm kỳ của Viện trưởng VKSND tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Viện trưởng VKSND tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác

trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước UBTVQH, Chủ tịch nước [18, Điều 108].

Thông qua việc xem xét vị trí chức năng của hệ thống cơ quan nhà nước, có thể thấy rằng bộ máy nhà nước Việt Nam mặc dù trong hoạt động có tính độc lập, nhưng các thiết chế hành pháp, tư pháp lại phát sinh từ Quốc hội, do đó trong hoạt động phải báo cáo trước Quốc hội, chịu sự giám sát của Quốc hội và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của mình trước Quốc hội. Như vậy, so với nhánh quyền hành pháp và tư pháp, Quốc hội có ưu thế hơn trong việc thực hiện quyền lực nhà nước nhằm bảo vệ, thúc đẩy việc thực hiện các quyền con người, quyền công dân.

1.4. Nội dung vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người

Bảo đảm quyền con người trong hoạt động của Quốc hội được xác định cụ thể bằng việc Quốc hội thực hiện các chức năng của mình, đó là quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; đồng thời tiếp xúc công dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu; xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước.

1.4.1. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động lập hiến, lập pháp

Hoạt động lập pháp là hoạt động thực hiện chức năng cơ bản, quan trọng nhất của Quốc hội, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam thành các quy phạm pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. So với hàng loạt các quan hệ xã hội cần điều chỉnh bằng luật, quyền con người được xác định là nội dung ưu tiên trong hoạt động lập pháp.

Không chỉ Hiến pháp Việt Nam năm 2013 mà hầu hết Hiến pháp của các quốc gia trên thế giới đều có chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nhiều nước còn có riêng cả đạo luật có giá trị xếp ngang hàng Hiến pháp quy định về quyền con người như ở Anh, hay Hiến chương của Canada về quyền và các tự do cơ bản của con người. Một số nước ở châu Á và châu Đại Dương cũng có đạo luật riêng về quyền con người như: Ấn Độ (Đạo luật về bảo vệ quyền con người năm 1993), hay New Zealand (Đạo luật về quyền con người năm 1993) v.v...

Ở Việt Nam, hình thức văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật về quyền con người, quyền công dân bao gồm Hiến pháp và luật. Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: *"Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật"* [18, Điều 14].

So với hàng loạt các quan hệ xã hội cần điều chỉnh bằng luật, quyền con người được xác định là nội dung ưu tiên trong hoạt động lập pháp. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp tạo thành hệ thống các quyền và nghĩa vụ cơ bản, là những nguyên tắc hiến định. Các quyền được quy định trong luật là cụ thể hóa Hiến pháp. Dưới Hiến pháp, các luật và văn bản dưới luật chính là phương tiện ghi nhận hay "pháp lý hóa" các giá trị xã hội, quyền tự nhiên của con người, bởi vì chuyển trạng thái từ quyền tự nhiên sang quyền pháp lý thì quyền tự nhiên đó mới là quyền.

Trong quan hệ quốc tế, pháp luật còn thể hiện cam kết pháp lý của quốc gia với quốc gia, quốc gia với cộng đồng quốc tế về sự tôn trọng các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Điều này đòi hỏi quốc gia phải nỗ lực tham gia cùng với cộng đồng quốc tế để thiết lập cơ chế, chuẩn mực quyền con người chung, và tự mình cam kết, nỗ lực thực hiện thông qua các hành vi ký kết, phê chuẩn hay gia nhập các điều ước quốc tế về quyền con người. Trong hoạt động lập pháp của quốc gia không thể không tính đến việc chuẩn hóa nội dung, các quy phạm pháp lý quốc tế về quyền con người vào hệ thống pháp luật của quốc gia.

Tóm lại, Hiến pháp và toàn bộ các văn bản pháp luật của một quốc gia nếu không chứa đựng các quy định về quyền con người, quyền công dân thì khó có thể coi là một chế độ nhà nước dân chủ, chế độ vì quyền và lợi ích của con người, công dân đang sống và làm việc.

1.4.2. Bảo vệ quyền con người qua hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định chi tiết các vấn đề quan trọng của đất nước mà Quốc hội quyết định, xét theo nội dung có thể phân thành ba nhóm sau:

- Nhóm vấn đề có liên quan đến quyền con người: Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và các điều ước quốc tế khác trái với luật, Nghị quyết của Quốc hội; Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách TW và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

- Nhóm vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người: Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.

- Nhóm vấn đề có nội dung thể hiện quy phạm pháp luật về quyền con người: Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; Quyết định đại xá; Quyết định trưng cầu ý dân.

Bảo đảm quyền con người qua hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước là việc Quốc hội thay mặt nhân dân để quyết định, đòi hỏi mọi quyết định của Quốc hội phải thực sự thể hiện và thực hiện được ý chí của nhân dân, các quyết định được ban hành phải thận trọng, cân nhắc và suy tính kỹ càng trước khi thông qua. Hiệu quả và hiệu lực trong các quyết định của Quốc hội có tính đúng đắn và sáng suốt sẽ có tác động to lớn đến việc bảo đảm quyền con người và ngược lại, sự sơ suất, thiếu thận trọng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm quyền con người. Trong điều kiện hiện nay, bảo đảm quyền con người qua hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, còn là hoạt động thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về chiến lược con người, quyền con người được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết của Quốc hội. Theo khoản 3 Điều 11 Luật ban

hành văn bản quy phạm pháp luật 2008, thì những vấn đề quan trọng của đất nước được Quốc hội quyết định bằng Nghị quyết đó là:

Quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; điều chỉnh ngân sách nhà nước; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định chế độ làm việc của Quốc hội, UBTVQH, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, phê chuẩn điều ước quốc tế và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội [38].

1.4.3. Bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động giám sát tối cao

Hiến pháp năm 2013 quy định "*Quốc hội có quyền giám sát tối cao đối với hoạt động nhà nước*" [18, Điều 69]. So với Hiến pháp năm 1992 thì quy định này đã có thay đổi: Không quy định giám sát tối cao với "toàn bộ" hoạt động của nhà nước, như vậy là đã thu hẹp phạm vi giám sát tối cao của Quốc hội:

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và Nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, VKSND tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán Nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập [18, Điều 70].

Quyền con người, quyền công dân quy định trong Hiến pháp và pháp luật sẽ khó đi vào cuộc sống hoặc có thể bị vi phạm, hay ít được tôn trọng nếu như công tác giám sát của Quốc hội không được tăng cường để phát hiện những vi phạm hoặc tính thực thi kém của quy phạm pháp luật về quyền con người, từ đó kịp thời đề ra phương hướng và biện pháp cần thiết cho việc sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ những văn bản có nội dung trái Hiến pháp và pháp luật.

Hoạt động giám sát của Quốc hội mang tính chất quyền lực nhà nước, theo dõi kiểm tra, đánh giá, nhưng hoàn toàn khác với hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước khác.

Giám sát là việc Quốc hội, UBTVQH, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám

sát trong việc thi hành Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH [39, Điều 2].

Hoạt động thực hiện chức năng giám sát xuất phát từ vị trí và tính chất của Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Hơn nữa, giám sát của Quốc hội còn là quyền giám sát tối cao. Tính tối cao trong hoạt động giám sát của Quốc hội cũng chỉ rõ sự khác biệt về đối tượng, nội dung, phương thức và hậu quả pháp lý so với các hoạt động kiểm sát của VKSND, giám đốc xét xử của TAND và hoạt động thanh tra của Thanh tra Chính phủ. Quốc hội sử dụng các phương thức khác nhau để thực hiện giám sát tối cao:

- Xem xét báo cáo công tác của các đối tượng chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội. Tại kỳ họp cuối năm, Quốc hội xem xét báo cáo công tác hàng năm của UBTVQH, Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao, đồng thời các cơ quan này cũng gửi báo cáo công tác đến đại biểu Quốc hội. Đối với kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Quốc hội xem xét báo cáo công tác cả nhiệm kỳ của Quốc hội, Chủ tịch nước, UBTVQH, Thủ tướng, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao.

- Xem xét việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các đối tượng chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội. Quốc hội xem xét kiểm tra trên thực tế việc Chủ tịch nước, UBTVQH, Thủ tướng chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội.

- Xem xét việc trả lời chất vấn:

Chất vấn là một hoạt động giám sát, trong đó đại biểu Quốc hội nêu những vấn đề thuộc trách nhiệm của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao và yêu cầu những người này trả lời [39, Điều 2].

Đặc biệt, Quốc hội *"có thể bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn"* [18, Điều 70].

Như vậy, hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người. Cùng với việc thực hiện chức năng lập pháp, chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao của Quốc hội tạo thành cơ chế đồng bộ, bổ sung cho nhau trong hoạt động chung của Quốc hội, trong đó có hoạt động bảo đảm quyền con người. Với tính chất và vị trí pháp lý của mình, bảo đảm quyền con người, Quốc hội thực sự có ưu thế hơn so với hoạt động bảo đảm của các cơ quan nhà nước khác.

1.4.4. Bảo vệ quyền con người qua hoạt động của đại biểu Quốc hội

"Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước" [18, Điều 79]. Hoạt động của Quốc hội, của đại biểu Quốc hội là đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân cả nước, muốn bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước được sáng suốt, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp Quốc hội, theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013:

Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo [18, Điều 79].

Bên cạnh hoạt động chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội, đại biểu Quốc hội thể hiện vai trò của mình thông qua hoạt động tiếp công dân, tiếp xúc cử tri. Đây là một trong những trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại biểu, thể hiện tính liên kết chặt chẽ giữa Quốc hội với cử tri cả nước, là biểu hiện sinh động mối quan hệ gắn bó giữa nhà nước với công dân. Tiếp xúc với cử tri và tiếp công dân là tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân, thu thập ý kiến kiến nghị của nhân dân đối với Quốc hội, cũng như báo cáo hoạt động của chính đại biểu, hoạt động của Quốc hội trước và sau mỗi kỳ họp với cử tri. Qua đó, đại biểu có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ

công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật, qua đó, nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của đại biểu.

Tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân. Đó là việc làm thường xuyên và quan trọng của Quốc hội, cũng là cách thức thể hiện quyền lực trực tiếp của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, của đại biểu Quốc hội đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân về những hành vi sai trái của cán bộ, công chức nhà nước, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và lợi ích của Nhà nước. Việc tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước giúp cho Quốc hội thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân trên tất cả các vấn đề mà cử tri quan tâm, lo lắng, các ý kiến của cử tri là đa dạng và phong phú trong đó có những vấn đề bức xúc mà cử tri đề nghị Quốc hội phải quan tâm giải quyết. Qua đó, giúp cho Quốc hội và các cơ quan nhà nước ban hành quyết sách đúng đắn, hợp lòng dân.

Ngoài ra, *"đại biểu Quốc hội còn có trách nhiệm phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật"* [18, Điều 79]. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để công dân nắm bắt được nội dung, tinh thần của Hiến pháp và pháp luật, hiểu biết về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của chính bản thân mình, để sống và làm việc trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

1.5. Yêu cầu xây dựng cơ quan chuyên trách về quyền con người - Kinh nghiệm của thế giới

1.5.1. Khái quát chung

Như đã phân tích ở trên, bảo đảm quyền con người trong hoạt động của Quốc hội không chỉ được thực hiện tại các kỳ họp, mà trong thời gian Quốc hội không họp thì thông qua hoạt động của cơ quan thường trực, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, xu thế chung trên thế giới hiện nay là thành lập một cơ chế chuyên biệt bảo vệ quyền con người trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, với hai hình thức chính là Cơ quan thanh tra Quốc hội (Ombudsman) và Ủy ban Quốc gia về quyền con người (National Human Rights Committee) và một số hình thức khác.

Đây không phải là một tổ chức phi chính phủ, không phải cơ quan lập pháp, cũng không có chức năng tài phán của cơ quan tư pháp, đồng thời cũng không hẳn là một cơ quan hành chính. Mặc dù tồn tại dưới nhiều hình thức, song các cơ quan này đều tuân thủ những nguyên tắc chung về tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền con người quốc gia - gọi tắt là "Các Nguyên tắc Paris". Đây là một văn kiện quốc tế có tính khuyến nghị được Đại Hội đồng Liên hợp Quốc thông qua theo Nghị quyết 48/134 ngày 20/11/1993 tại Paris, trong đó xác định những nguyên tắc nền tảng cho việc thành lập và hoạt động của các cơ quan quốc gia về quyền con người trên thế giới:

- Cơ quan quốc gia về quyền con người phải được Hiến pháp hoặc một đạo luật quy định, đồng thời phải được giao quyền và nhiệm vụ càng rộng càng tốt. Theo Văn phòng Cao ủy Liên hợp Quốc về quyền con người (OHCHR) với 61 cơ quan quyền con người trên thế giới (tháng 7/2009):

Có 33% cơ quan được thành lập bởi một quy định trong Hiến pháp, 31% cơ quan thành lập theo quy định trong luật. Số được thành lập bởi nghị định hoặc một văn bản pháp luật khác chiếm 21%, còn lại 15% được thành lập bởi nhiều dạng văn bản [17].

- Thành phần của cơ quan này phải bao gồm đại diện của nhiều tầng lớp, nhóm lợi ích trong xã hội, ví dụ như các NGOs, trường đại học, viện nghiên cứu, các chuyên gia có uy tín; thành viên của các Nghị viện; chuyên viên chính phủ...

- Các cơ quan này cần phải có tính độc lập với các cơ quan nhà nước khác; mức độ độc lập càng cao càng tốt. Cụ thể như: có trụ sở, trang thiết bị làm việc hiện đại, đặc biệt là phải có yếu tố độc lập về tài chính.

1.5.2. Mô hình Thanh tra Quốc hội (Parliamentary Ombudsman)

Đây là mô hình phổ biến ở các nước Bắc Âu và châu Mỹ, có nguồn gốc từ Thụy Điển, được thành lập từ năm 1809 và sau đó phát triển rộng sang các nước như Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Canada... Mô hình này hiện đã được áp dụng tại trên 80 quốc gia (chiếm tỷ lệ là 40%). Ombudsman là một tổ chức do Quốc hội thành lập, nhưng hoạt động độc lập với tất cả các cơ quan nhà nước, chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc hội về toàn bộ hoạt động của mình. Chức năng, nhiệm

vụ chính là giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và Tòa án trong việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm tính khách quan, công bằng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân không bị xâm phạm bởi hoạt động của cơ quan nhà nước. Thanh tra Quốc hội không can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án, nhưng lại có quyền giám sát việc chấp hành pháp luật và thực thi chức trách công vụ của các Thẩm phán và nhân viên Tòa án. Bên cạnh đó, Thanh tra Quốc hội còn thực hiện chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, tiến hành các hoạt động kiểm tra giám sát đối với trại giam, bệnh viện và một số cơ sở của nhà nước theo quy định của pháp luật, những nơi có công dân bị tước quyền tự do hoặc có nguy cơ bị đe dọa tước quyền tự do. Khi cần thiết, Thanh tra Quốc hội thực hiện quyền điều tra xem xét làm rõ vụ việc theo đơn tố giác của công dân, tin tức do báo chí công bố hoặc có dư luận. Nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm, Thanh tra viên có quyền tiến hành điều tra sơ bộ, khởi tố vụ án hình sự, đề nghị cơ quan công tố truy tố trước pháp luật.

1.5.3. Mô hình Ủy ban Quốc gia về quyền con người (National Human Rights Committee)

Ra đời muộn hơn Ombudsman, mô hình này đã phát triển ở các nước châu Á như: Úc, Ấn Độ, Indonesia, Nepal, New Zealand, Philippin, Sri Lanka, Fiji, Mông Cổ, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan... "*Tuy nhiên nó lại phát triển hơn Ombudsman với số lượng chiếm khoảng 58% tổng số các cơ quan quốc gia về quyền con người trên thế giới*" [17].

Các Ủy ban này thông thường do Chính phủ thành lập nhưng có tính độc lập tương đối với các cơ quan hành pháp khác và có thể có nhiệm vụ báo cáo thường kỳ với cơ quan lập pháp. Nhìn chung, Ủy ban Quốc gia về quyền con người có chức năng là thúc đẩy và bảo vệ quyền con người thông qua việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về các chuẩn mực quốc tế và cả các quy định của quốc gia về quyền con người ở các cấp độ trong nước và khu vực; khuyến nghị với Chính phủ, các cơ quan Chính phủ về chính sách, pháp luật liên quan đến quyền con người; các vấn đề ảnh hưởng đến việc tuân thủ quyền con người; khuyến nghị Chính phủ tích cực tham gia phê chuẩn và gia nhập các điều ước quốc tế về quyền

con người; hợp tác với các tổ chức quyền con người của Liên Hợp Quốc, của khu vực và của các quốc gia khác; tiến hành các chương trình nghiên cứu, khảo sát thực tế về quyền con người; giám sát thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà quốc gia đã phê chuẩn hay gia nhập; đồng thời tích cực tham gia các hoạt động điều tra vi phạm quyền con người; nhận, xem xét và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của cá nhân; giám sát hoạt động giam giữ ở trại giam.

Ngoài ra, có một tỷ lệ nhỏ được thành lập dưới dạng thức khác, chiếm khoảng 7% số các cơ quan quốc gia về quyền con người, ví dụ như Trung tâm quyền con người, các ủy ban chuyên biệt về lao động, phụ nữ....hoặc theo cách thức hỗn hợp (tỷ lệ khoảng 5%).

Qua những kinh nghiệm trong việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các mô hình cơ chế quốc gia về quyền con người trên thế giới, có thể thấy việc hình thành mô hình này ở Việt Nam là cần thiết. Cơ quan này sẽ không thể thay thế vai trò Quốc hội, Chính phủ, Tòa án hay Viện kiểm sát, tổ chức chính trị xã hội hay tổ chức phi chính phủ mà trái lại nó giúp hoàn thiện hơn các cơ quan này bằng việc phối hợp đồng bộ, đảm bảo cho các cơ quan, cán bộ, công chức hoạt động có hiệu quả hơn, nâng cao ý thức trách nhiệm trong hoạt động của mình, giảm thiểu các nguy cơ xâm phạm quyền và các lợi ích hợp pháp của người dân từ phía cơ quan công quyền.

Chương 2

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Ngày 28/11/2013, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay thế cho Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Đây là một sự kiện chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng, đánh dấu một bước tiến mới trong lịch sử lập hiến của nước ta (Nhà nước ta đã ban hành trước đó 4 bản Hiến pháp vào các năm 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)).

Hiến pháp thực sự là Hiến pháp của thời kỳ đổi mới toàn diện, đồng bộ về kinh tế và chính trị, đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới. Hiến pháp có nhiều điểm mới cả về nội dung và kỹ thuật lập hiến; thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH; quy định rõ ràng, đúng đắn và đầy đủ về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bảo vệ Tổ quốc, tổ chức bộ máy nhà nước, về hiệu lực và quy trình sửa đổi Hiến pháp. Điều đó thể hiện bước tiến quan trọng trong công tác lập hiến của nước ta.

Tuy nhiên, vẫn cần thiết phải nhìn nhận rõ nét hơn về thực trạng việc thể hiện vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong giai đoạn vừa qua, có sự so sánh đánh giá với những điểm mới trong Hiến pháp năm 2013, nhằm định hướng cho việc xây dựng pháp luật phù hợp với tinh thần và nội dung của Hiến pháp mới, đặc biệt là nội dung về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Vì vậy, Chương này sẽ đi vào nghiên cứu thực trạng về vai trò của Quốc hội trong đảm bảo quyền con người trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay (nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII và khóa XIII). Đồng thời với việc nêu lên thực trạng hoạt động của Quốc hội hiện nay, luận văn sẽ trình bày các nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

2.1. Quyền lập hiến bảo vệ quyền con người

2.1.1. Yêu cầu đặt ra đối với quy trình lập hiến

Trên cơ sở của nhận thức mới về quyền lập hiến, Hiến pháp mới đã bỏ nội dung trước đây là Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp và chỉ Quốc hội mới có quyền sửa đổi Hiến pháp, thay vào đó là cơ chế về khả năng có sự kết hợp giữa thẩm quyền lập hiến của Quốc hội và sáng kiến lập hiến của các cơ quan cấp cao của Nhà nước, của đại biểu Quốc hội với quyền lập hiến của nhân dân dưới hình thức trưng cầu dân ý về bản Hiến pháp do Quốc hội thông qua.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay đòi hỏi mọi hoạt động của nhà nước đều dựa trên cơ sở pháp luật. Hoạt động lập hiến là hoạt động mang tính chất đặc thù - hoạt động liên quan tới văn bản luật có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật, vì vậy, hơn bất cứ hoạt động nào của nhà nước, hoạt động lập hiến cần phải được luật hoá.

Do vậy, yêu cầu soạn thảo, ban hành luật về thủ tục lập hiến, trong đó bao hàm các quy định về nguyên tắc chung của hoạt động lập hiến, chủ thể có quyền yêu cầu sửa đổi hiến pháp; thủ tục thành lập ban soạn thảo hiến pháp; thủ tục thảo luận, thông qua hiến pháp; thủ tục công bố hiến pháp trở nên hết sức cần thiết, nhất là khi Hiến pháp đã không còn trao toàn bộ quyền lập hiến cho Quốc hội. Việc ban hành luật về thủ tục lập hiến sẽ tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động sửa đổi Hiến pháp sau này, cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 mới được ban hành, đồng thời nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành.

2.1.2. Nội dung quyền con người trong Hiến pháp mới

Trước hết, với bố cục 11 chương, 120 điều (giảm 1 chương và 27 điều so với Hiến pháp năm 1992) Hiến pháp có bố cục gọn và kỹ thuật lập hiến chặt chẽ, hiện đại hơn, bảo đảm các quy định của Hiến pháp đúng tầm là đạo luật cơ bản, có tính ổn định lâu dài.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 có nhiều điểm bổ sung quan trọng về quyền con người trong Chương II như là một điểm nhấn và bước tiến đáng kể về tư duy nhà nước pháp quyền và thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Hơn thế nữa, tại

rất nhiều chương điều khác, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân cũng hiện diện trong nội dung chức năng và nhiệm vụ của các thiết chế Nhà nước như Quốc hội (Điều 70, khoản 14); Chính phủ (Điều 96, khoản 6); TAND (Điều 102, khoản 3); VKSND (Điều 107, khoản 3). Đây là những nội dung hoàn toàn mới so với Hiến pháp năm 1992 khi Hiến pháp 2013 trao những chức năng, nhiệm vụ cho các thiết chế, quyền lực nhà nước tương ứng.

Với quan niệm đề cao chủ quyền Nhân dân trong Hiến pháp, coi quyền lập hiến cao hơn quyền lập pháp, Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lập hiến, thông qua quyền lập hiến của mình, Nhân dân giao quyền cho các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và các thiết chế độc lập khác, thì quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phải được xác định ở vị trí trang trọng hàng đầu trong một bản Hiến pháp. Việc thay đổi này là sự kế thừa Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp của nhiều nước trên thế giới, thể hiện quan điểm đề cao nhân tố con người của Đảng và Nhà nước ta.

Hiến pháp năm 1992 thừa nhận thuật ngữ "quyền con người", không đồng nhất quyền con người với quyền công dân, nhưng chưa phân biệt được quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong các quy định của Hiến pháp. Khắc phục thiếu sót đó Hiến pháp sửa đổi năm 2013 đã có sự phân biệt sự khác nhau giữa "quyền con người" và "quyền công dân". Theo đó, quyền con người được quan niệm là quyền tự nhiên vốn có của con người từ lúc sinh ra; còn quyền công dân, trước hết cũng là quyền con người, nhưng việc thực hiện nó gắn với quốc tịch, tức là gắn với vị trí pháp lý của công dân trong quan hệ với nhà nước, được nhà nước đảm bảo đối với công dân của nước mình.

Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định quyền sống; quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, nghiên cứu và thụ hưởng các kết quả khoa học; quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền được sống trong môi trường trong lành.... Lần đầu tiên ở nước ta đã hiến định đầy đủ nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội đối với người bị buộc tội hình sự.

Về nguyên tắc và điều kiện thực thi, Hiến pháp năm 2013 cũng xác định rõ nguyên tắc và điều kiện thực thi quyền công dân; cụ thể: Quyền công dân không

tách rời nghĩa vụ công dân. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. *"Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác"* [18, Điều 15]; Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác. Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Một điểm rất mới trong Hiến pháp năm 2013 là đã không còn các quy định theo cách thức được Nhà nước thừa nhận các quyền con người, mà quyền con người ở đây được hưởng một cách mặc nhiên và Nhà nước phải có trách nhiệm đảm bảo cũng như phải bảo vệ cho những quyền đó được thực hiện trên thực tế. Ví dụ như *"Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật"* [18, Điều 19].

Hiến pháp năm 2013 đã tiếp thu Công ước quốc tế về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, văn hóa và Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948. Sự tiếp thu này là phù hợp với thời kỳ toàn cầu hóa, và để những quy định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp được đầy đủ hơn. Đây là điều kiện để Việt Nam thực hiện tốt các cam kết của một quốc gia thành viên Hội đồng Quyền con người và thành viên Liên Hợp quốc trong nhiệm kỳ 2014 - 2016.

2.1.3. Trung cầu dân ý, lấy ý kiến của nhân dân về sửa đổi Hiến pháp

Hình thức phúc quyết của cử tri thông qua trung cầu dân ý là hình thức dân chủ và rất phổ biến ở nhiều nước trên thế giới (Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ, Nigeria..): chỉ sau kết quả ưng thuận của cử tri với một tỉ lệ phiếu nhất định thì Hiến pháp mới có giá trị pháp lý. Việt Nam cũng đã quy định trong Hiến pháp về việc trưng cầu dân ý sửa đổi Hiến pháp. Hiến pháp 1960 quy định rằng những điều đã được thay đổi khi đã được nghị viện ưng chuẩn thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết. Đây là hình thức dân chủ trực tiếp, có khả năng biểu thị trực tiếp ý chí của nhân dân đối với các quyết sách lớn, nhỏ của đời sống chính trị - xã hội. Nó cũng chính là động lực để

người dân tự giác thực hiện các chính sách và quy định do chính họ quyết định thông qua.

Tuy nhiên, sau Hiến pháp 1946, các Hiến pháp về sau đã không kế thừa được quy định rất tiến bộ, dân chủ này, mặc dù vẫn đề ngỏ khả năng Quốc hội "quyết định việc trưng cầu dân ý". Trên thực tế, chúng ta chưa bao giờ tổ chức được việc trưng cầu dân ý về bất cứ một vấn đề nào, trong đó có việc trưng cầu dân ý về Hiến pháp. Kể cả đối với Hiến pháp năm 2013, Nhà nước cũng mới chỉ lấy ý kiến của nhân dân. Tính đến ngày 30/3/2013, theo thống kê của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố trực thuộc TW và các tổ chức chính trị - xã hội (chưa bao gồm các tổ chức thành viên khác) đã có:

Tổng số 3.181.529 lượt người tham gia ý kiến sửa đổi Hiến pháp năm 1992, trong đó có: 676 lượt người tham gia ý kiến tại các Hội nghị do Ban Thường trực Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức; 964.349 lượt người tham gia ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW; 2.216.504 lượt người tham gia ý kiến của 05 tổ chức chính trị - xã hội (chưa bao gồm các tổ chức thành viên khác). Tổng số có 8.071.919 ý kiến góp ý vào hầu hết các nội dung của Dự thảo Hiến pháp, kể cả về bố cục, hình thức, ngôn ngữ [43].

Như vậy, Hiến pháp năm 2013 ra đời đã có nhiều hơn sự đóng góp từ phía người dân, thể hiện rõ hơn tính dân chủ trong hoạt động lập hiến. Tuy nhiên, tỷ lệ hơn 8.000.000 ý kiến trên tổng số hơn 88.000.000 người dân Việt Nam (thống kê năm 2012) đóng góp ý kiến, liệu hoạt động lập hiến đã thực sự có sự đóng góp ý kiến của toàn dân hay chưa?

Nếu trong việc làm luật cần tăng sự đóng góp của nhân dân thì trong việc ban hành, sửa đổi Hiến pháp, nhất thiết phải có sự trưng cầu dân ý. Yêu cầu đó xuất phát từ tính tối cao của Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền, đồng thời cũng là sự kế thừa tư tưởng nhân dân phúc quyết Hiến pháp của Hiến pháp năm 1946. Quốc hội ban hành Hiến pháp nhưng Hiến pháp phải thể hiện do nhân dân làm ra. Hiến pháp do nhân dân làm ra thể hiện ở sự đa dạng về thành phần tham gia Ủy ban soạn thảo Hiến pháp, sự trưng cầu dân ý toàn bộ nội dung Hiến pháp. Ở đây đặt ra yêu

cầu phải có những quy định pháp luật riêng về trưng cầu dân ý trong việc làm Hiến pháp hoặc sửa đổi Hiến pháp hay rộng hơn là quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước, đây là một xu hướng phổ biến của chủ nghĩa hợp hiến hiện đại. Việt Nam cũng nên đi theo xu hướng này trong việc sửa đổi Hiến pháp trong tương lai, và trên thực tế, Luật trưng cầu dân ý cũng đang được các vị đại biểu Quốc hội bàn thảo, nhưng vẫn chưa đi đến thống nhất.

Hoạt động trưng cầu dân ý trong việc thực hiện quyền lập hiến ở Việt Nam hiện nay rất cần thiết vì: Trưng cầu dân ý thể hiện chủ quyền nhân dân và tính dân chủ trong xây dựng, sửa đổi Hiến pháp, là sự bảo đảm đầy đủ và cao nhất sự tham gia của nhân dân vào tiến trình xây dựng, sửa đổi Hiến pháp. Thứ hai, đây là hình thức nhân dân giám sát các nhà lập hiến, kết quả trưng cầu dân ý chính là một sự đánh giá kết quả công việc của những nhà lập hiến, giúp tăng cường trách nhiệm của các nhà lập hiến, vì nó tạo cơ hội cho các tranh luận rộng rãi và khả năng phủ quyết những dự thảo hiến pháp không phù hợp lòng dân. Thứ ba, trưng cầu dân ý giúp thúc đẩy sự thỏa hiệp giữa các nhóm trong xã hội. Thứ tư, trưng cầu dân ý giúp ngăn ngừa việc sửa đổi Hiến pháp vội vã, thiếu cân nhắc. Thứ năm, hoạt động này giúp nâng cao kiến thức về các vấn đề Hiến pháp cho nhân dân. Cuối cùng, trưng cầu dân ý bảo đảm tính chính danh của hiến pháp. Việc được bỏ phiếu quyết định số phận của một bản Hiến pháp sẽ giúp người dân cảm thấy rõ ràng vị thế chủ thể quyền lực của họ, khác với việc họ phải chấp thuận một bản Hiến pháp chỉ do Quốc hội xây dựng rồi thông qua, đảm bảo được quyền con người về chính trị.

2.1.4. Hội đồng bầu cử quốc gia - Thiết chế ra đời đảm bảo quyền bầu cử của công dân

Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán Nhà nước lần đầu tiên được thể chế hóa trong Hiến pháp nước ta với tư cách là các thiết chế Hiến định và được quy định trong Chương X của Hiến pháp năm 2013. Đây là xu hướng lập hiến, pháp quyền hiện đại. Việc ra đời hai thiết chế này trong Hiến pháp nước ta là tiếp tục phát huy dân chủ, thực hiện nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, Nhà nước ta do nhân dân làm chủ, tạo điều kiện và cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình trong bầu cử và trong kiểm soát quyền lực nhà

nước. Theo đó, *"Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, chỉ đạo và hướng dẫn bầu cử đại biểu HĐND các cấp"* [18, Điều 117].

Giữa Hội đồng bầu cử quốc gia và Quốc hội vừa có mối quan hệ độc lập tương đối: Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức và tiến hành các cuộc bầu cử Quốc hội. Bên cạnh đó, Hội đồng bầu cử Quốc gia còn có nhiệm vụ xác định tư cách đại biểu và giải quyết các tranh chấp và khiếu kiện về tư cách đại biểu trong suốt nhiệm kỳ Quốc hội. Hội đồng bầu cử gồm những người không phải là ứng viên trong các cuộc bầu cử Quốc hội, HĐND.

Tuy Hội đồng bầu cử quốc gia có tính độc lập tương đối với Quốc hội, nhưng lại có quan hệ phụ thuộc với Quốc hội: Về cơ cấu tổ chức, Hội đồng bầu cử Quốc gia do Quốc hội thành lập. Quốc hội quy định các nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong đạo luật về tổ chức bầu cử. Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ báo cáo công tác trước Quốc hội và chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia chịu sự chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Thiết chế Hội đồng bầu cử quốc gia được hiến định nhằm tạo điều kiện để các cuộc bầu cử diễn ra dân chủ, tự do, bình đẳng, đoàn kết, minh bạch và chặt chẽ hơn nữa so với hiện nay. Theo kinh nghiệm của các nước thì một trong những nhiệm vụ quan trọng của cơ quan bầu cử quốc gia là tuyên truyền giáo dục công dân về ý thức bầu cử và pháp luật về bầu cử. Ngoài ra, sau khi bầu cử, việc xác định tư cách đại biểu trúng cử cũng là nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử quốc gia. Với cách tổ chức bầu cử và Ủy ban xác định tư cách đại biểu theo quy định hiện nay thì đối với một số đại biểu tự mình công bố mình trúng cử và có đủ tư cách đại biểu mà không phải do một tổ chức bầu cử xác định. Những kẽ hở này trong tổ chức bầu cử cần được sửa đổi để bảo đảm tính khách quan và minh bạch. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động của các cơ quan dân cử, có thể có đại biểu bị bãi nhiệm, từ trần, cần phải tiến hành bầu cử bổ sung để bảo đảm đủ đại diện, hoặc có các khiếu kiện về tư cách đại biểu, theo kinh nghiệm của các nước đều do cơ quan bầu cử chuyên trách này đảm nhận.

Như vậy, có thể thấy rằng việc thiết lập cơ quan bầu cử quốc gia theo mô hình Hội đồng bầu cử có tính độc lập, do Quốc hội thành lập, chịu trách nhiệm trước Quốc hội để chuyên trách chăm lo công việc bầu cử ở nước ta là có cơ sở lý luận và

thực tiễn, góp phần khắc phục được những tồn tại hạn chế của mô hình tổ chức bầu cử hiện nay; nâng cao chất lượng của các cuộc bầu cử, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, các cuộc bầu cử được tiến hành minh bạch; phòng chống được các thế lực thù địch lợi dụng tìm cách chống phá. Điều quan trọng là khi thiết chế này ra đời, sẽ đảm bảo quyền con người trong hoạt động bầu cử, ứng cử được đảm bảo và thực thi trên thực tế.

2.2. Thực trạng hoạt động lập pháp bảo vệ quyền con người của Quốc hội

Hoạt động lập pháp nhìn chung tiếp tục được đẩy mạnh, có nhiều tiến bộ cả về số lượng, chất lượng và quy trình, thủ tục; cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. Nội dung các quan hệ xã hội được điều chỉnh trong các đạo luật liên quan hầu hết các lĩnh vực, từ quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật đến các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tổ chức bộ máy nhà nước, hành chính, dân sự, hình sự, tư pháp. Một số luật quan trọng như luật thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế tài nguyên; thuế thu nhập cá nhân, đã được Quốc hội dành nhiều thời gian, trí tuệ, công sức xây dựng và ban hành. Đồng thời, quan tâm sửa đổi, bổ sung kịp thời một số chế định pháp luật không còn phù hợp thuộc các lĩnh vực: ngân hàng; tín dụng; thuế; đầu tư xây dựng cơ bản; phòng, chống tham nhũng; quốc tịch; giao thông đường bộ; xuất bản; sở hữu trí tuệ,... để đáp ứng nhu cầu hội nhập, phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Quy trình lập pháp tiếp tục được đổi mới, cải tiến theo hướng nâng cao chất lượng, tăng tính chủ động, dân chủ, cụ thể trong văn bản pháp luật. Với việc thông qua Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, một số khâu trong quy trình lập pháp đã có sự thay đổi, bảo đảm khoa học, dân chủ và chặt chẽ hơn. Việc điều chỉnh thời gian Quốc hội thông qua chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm vào kỳ họp đầu năm của năm trước thay vì kỳ họp cuối năm đã tạo điều kiện để cơ quan soạn thảo, cơ quan trình dự án có thêm thời gian, chủ động trong việc chuẩn bị, xây dựng văn bản. Việc công khai dự thảo văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên các trang thông tin điện tử đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt được

dự kiến những thay đổi về chính sách, pháp luật để đóng góp ý kiến xây dựng văn bản và chuẩn bị các điều kiện cho việc thực hiện sau này.

Hoạt động lập pháp đảm bảo và phát triển quyền con người trong giai đoạn hiện nay được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của công cuộc đổi mới là vì con người, lấy con người làm trung tâm, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy xã hội phát triển, đề cao các giá trị của quyền con người là nhân tố tạo dựng xã hội dân chủ và tiến bộ. Chế định quyền con người, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 đã toàn diện hơn và khá tương thích với pháp luật quốc tế về quyền con người, bao gồm các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa; các quyền có tính tập thể như quyền trẻ em, quyền bình đẳng của phụ nữ, quyền của những công dân cao tuổi và người khuyết tật... Các quyền này ngay từ trước đó, cũng đã được cụ thể hóa trong các văn bản luật: Tính từ năm 2009 đến nay, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi nhiều đạo luật quan trọng nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc cho việc tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người. Các đạo luật được ban hành liên quan đến quyền con người nhằm điều chỉnh một số nhóm người và lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội như: Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước năm 2009, Luật Người cao tuổi năm 2010, Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật nuôi con nuôi năm 2010, Luật Thi hành án năm 2010, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, Luật Phòng chống Mua bán người năm 2011, Luật Công đoàn năm 2012, Luật Xử lý các vi phạm hành chính năm 2012, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012... Một số đạo luật quan trọng khác cũng được Quốc hội sửa đổi, bổ sung như: Luật Bầu cử Quốc hội sửa đổi và Luật bầu cử Đại biểu HĐND sửa đổi năm 2010, Bộ Luật Lao động sửa đổi năm 2012, Luật Luật sư sửa đổi, bổ sung năm 2012, Luật Xuất bản sửa đổi năm 2012. Chính phủ cũng ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Đối với quyền dân sự, chính trị:

Quyền dân sự, chính trị thể hiện nhu cầu tự do cá nhân, xác lập mối quan hệ pháp lý chặt chẽ giữa một cá nhân với Nhà nước. Nhà nước là cơ quan công quyền, có trách nhiệm bảo vệ quyền tự do của cá nhân, công dân và cá nhân, công dân có

trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ quyền đã được Hiến pháp và pháp luật quy định. Điều đó đồng nghĩa với quyền đi đôi với nghĩa vụ; quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Do đó, hệ thống pháp luật đồng bộ và hoàn chỉnh bảo đảm thực hiện các quyền dân sự và chính trị ở nước ta hiện nay được xây dựng trên cơ sở xác lập quyền và nghĩa vụ giữa cá nhân, công dân với Nhà nước theo hướng công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, Nhà nước, cán bộ, công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật quy định.

- *Quyền bầu cử của công dân*: Quyền bầu cử và ứng cử là quyền rất cơ bản, quan trọng, thể hiện và thực hiện quyền lực của nhân dân tham gia xây dựng và tổ chức chính quyền. Thông qua thực hiện quyền bầu cử, công dân lựa chọn những người có đức và có tài tham gia bộ máy nhà nước. Về bảo đảm quyền bầu cử của công dân, Quốc hội đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về bầu cử: Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu HĐND được sửa đổi bổ sung năm 2010. Về phạm vi sửa đổi, bổ sung, Luật này tập trung vào một số vấn đề thật sự cần thiết liên quan đến công tác tổ chức bầu cử khi tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp trong cùng một ngày, nhằm bảo đảm sự thành công của cuộc bầu cử. Tuy nhiên, các quy định về tiêu chuẩn đại biểu trong luật bầu cử vẫn còn chung chung, nhất là các quy định về trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức của những người ứng cử... nên trong quá trình hiệp thương gặp khó khăn, thậm chí có nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo về tư cách người ứng cử không thể giải quyết được. Điều kiện ứng cử của người Việt Nam ở nước ngoài cũng chưa được đề cập tới. Hơn nữa, pháp luật chưa quy định các tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với trường hợp tự ứng cử nên chất lượng người tự ứng cử nhìn chung chưa cao, tỷ lệ trúng cử rất thấp.

- *Quyền tham gia công việc nhà nước và xã hội*: công dân tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý. "*Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân*" [18, Điều 30]. Để tạo cơ sở pháp lý bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, tăng cường hiệu lực và hiệu

quả của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, nâng cao hơn nữa tính trách nhiệm của cán bộ công chức nhà nước, Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 đã được tách thành Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Tố cáo năm 2011. Về trình tự khiếu nại, giải quyết khiếu nại, trình tự tố cáo, giải quyết tố cáo, Luật đã quy định đầy đủ hơn về quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo, quy định rõ hơn về thẩm quyền giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại... Trên thực tế hiện nay, các hành vi vi phạm pháp luật diễn ra rất đa dạng và phức tạp, nó có thể được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác nhau, với tính chất, mức độ vi phạm khác nhau, xâm phạm đến những quan hệ xã hội khác nhau được pháp luật bảo vệ, Nhà nước phải có cơ chế để khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thuận lợi để người dân phát hiện, tố cáo, phản ánh với các cơ quan nhà nước về hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, cho đến nay, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân vẫn không hề giảm mà còn tiếp tục gia tăng với quy mô lớn và tính chất rất nghiêm trọng. Đó là tình trạng khiếu nại vượt cấp, khiếu nại đông người và kéo dài dẫn tới sự mất ổn định chính trị ở nhiều địa phương

- *Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí: "công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí"* [18, Điều 25]. Các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do thông tin ở Việt Nam đã được quy định rõ trong Hiến pháp, pháp luật; được đảm bảo ngày càng tốt hơn nhờ sự phát triển nhanh chóng, đa dạng về loại hình và phong phú về nội dung của các phương tiện thông tin đại chúng. Các cuộc tranh luận, chất vấn, phản biện về chủ trương, chính sách tại Quốc hội, các cuộc tọa đàm, tranh luận, các thông tin đa chiều trên phương tiện thông tin đại chúng về mọi vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, với sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị, xã hội và người dân là thực tiễn diễn ra hàng ngày trong đời sống của người dân Việt Nam. Việc Dự thảo Hiến pháp sửa đổi được đăng công khai và nhận được hơn 20 triệu ý kiến đóng góp là một minh chứng rõ nét về tự do ngôn luận, bày tỏ chính kiến của người dân đối với những vấn đề quan trọng của đất nước. Tuy nhiên, Luật báo chí năm 1989, sửa đổi bổ sung năm 1999, hiện đã có nhiều điểm lạc hậu, không đảm bảo điều chỉnh được những vấn đề mới hiện nay liên quan đến báo chí điện tử, bản quyền báo mạng... Trước tình hình đó, luật

Báo chí sửa đổi sẽ được Chính phủ trình Quốc hội trong năm 2015, hoàn thành quy hoạch báo chí toàn quốc đến năm 2020.

- *Quyền tự do hội họp, lập hội và biểu tình*: Ở Việt Nam hiện có khoảng "460 hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp (so với 380 hội năm 2009); 20 tổ chức công đoàn ngành; trên 36.000 tổ chức hội, hiệp hội, câu lạc bộ ở cấp địa phương, hoạt động trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội" [31]. Quyền tự do lập hội, hội họp được quy định trong điều 25 Hiến pháp năm 2013 và được pháp luật bảo vệ bằng nhiều văn bản luật và dưới luật như Luật Dân sự, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Bộ luật Lao động sửa đổi. Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã tạo cơ sở pháp lý cho công dân, tổ chức ở Việt Nam thành lập hội và tạo cơ chế, chính sách cho hoạt động của các hội, đảm bảo quyền lập hội của công dân. Hiện Quốc hội đang xây dựng các luật về lập hội, luật biểu tình, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tự do của người dân.

- *Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo*: Hiến pháp mới năm 2013 và văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về các hoạt động tôn giáo, các văn bản pháp luật khác của Nhà nước cũng có nhiều quy định liên quan đến chính sách tôn giáo. Bộ luật dân sự năm 2005, đã thể hiện rõ chính sách bình đẳng, không phân biệt đối xử trong giao dịch dân sự như việc ký kết hợp đồng, tự do kết hôn, lao động việc làm. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định và trừng trị các hành vi phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc, các tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; đồng thời, nghiêm trị hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; Bộ luật tố tụng hình sự quy định bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội... Về cơ bản, chính sách của Nhà nước Việt Nam là nhất quán, tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân thực hiện quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng; coi trọng chính sách đoàn kết và hòa hợp giữa các tôn giáo, đảm bảo sự bình đẳng, không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng, bảo hộ hoạt động của các tổ chức tôn giáo bằng pháp luật.

- *Quyền con người của bị can, bị cáo*: Lĩnh vực tư pháp hình sự, việc bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo, hoạt động lập pháp hình sự của Quốc hội đã có nhiều tiến bộ. Bộ Luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) trong đó xóa bỏ hình phạt tử hình với 8 tội danh, qua đó giảm số tội danh có thể áp dụng án tử hình từ 29 xuống còn 21 tội; không áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội; bổ sung các tội danh khủng bố và tài trợ khủng bố...

Với mục đích bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã đề cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong việc nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định của mình. Đặc biệt, Bộ luật này đã bổ sung những quy định mới về quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan (Điều 29); bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra (Điều 20).

Quyền bào chữa của bị can, bị cáo cũng là nội dung rất quan trọng trong tố tụng hình sự. Bộ luật tố tụng hình sự quy định rõ quyền của bị can, bị cáo trong đó có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa. Tùy từng vụ án cụ thể, người bào chữa có quyền tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can; hoặc tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ hay từ khi kết thúc điều tra (Điều 58).

Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc suy đoán vô tội: "*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*" [18, Điều 31]. Từ nội dung và đòi hỏi cơ bản nêu trên, nguyên tắc suy đoán vô tội sẽ đặt ra những đòi hỏi cụ thể hơn mà Tố tụng hình sự Việt Nam phải bảo đảm.

Đối với các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa

- *Quyền tự do kinh doanh và quyền sở hữu cá nhân (Điều 32, Điều 33)*

Để bảo đảm các quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu của người dân, đặt ra yêu cầu của Quốc hội trong việc sửa đổi Luật Doanh nghiệp hiện hành. Bởi Điều 33 của Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người tự do kinh doanh trong những ngành

nghe mà pháp luật không cấm. Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 cũng quy định *"quyền của con người, của công dân chỉ bị hạn chế theo quy định của luật trong những trường hợp cần thiết, vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng"* [18, Điều 14]. Hiện nay, trong một số văn bản luật đã có quy định về lĩnh vực, ngành, nghề, hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh. Như vậy, cần cụ thể hóa những ngành, nghề cấm kinh doanh và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để đảm bảo công dân có thể thực hiện quyền của mình mà không vi phạm pháp luật.

- Quyền lao động (Điều 35 Hiến pháp năm 2013)

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến quý IV/2012, có 52,79 triệu người trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên), đem lại lợi thế lớn về nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội, song cũng tạo nên sức ép lớn về nhu cầu việc làm mỗi năm.

Tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm khoảng 46%, trong đó lao động đã qua đào tạo nghề là 33,5%, bước đầu đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước giảm rõ rệt từ 2,9% năm 2009 xuống còn 1,99% năm 2012. Riêng năm 2012, đã tạo thêm 1,52 triệu việc làm, trong đó 80 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Thu nhập bình quân đầu người theo giá thực tế năm 2010 tăng gấp 3,5 lần so với năm 2000 [31].

Để phát triển thị trường lao động và tạo việc làm, Nhà nước chú trọng củng cố hệ thống chính sách, pháp luật về lao động và nâng cao hiệu quả các biện pháp triển khai trên thực tế. Việc sửa đổi Bộ luật Lao động (có hiệu lực từ 1/5/2013) và ban hành Chính sách bảo hiểm thất nghiệp (có hiệu lực từ năm 2009) là những bước phát triển mới về hoàn thiện khung chính sách trong lĩnh vực này.

- Quyền có nhà ở (Điều 32)

Việt Nam cũng đang nghiên cứu, soạn thảo Luật Nhà ở sửa đổi để sớm trình Quốc hội thông qua, trong đó tập trung vào các chính sách hỗ trợ cho người nghèo (cả đô thị và nông thôn), người thu nhập thấp và các đối tượng ưu tiên khác như công nhân tại khu công nghiệp, học sinh, sinh viên. Trong thời gian tới, Việt Nam

tiếp tục hoàn thiện chính sách về phát triển nhà ở xã hội, nhà cho thuê ở khu vực đô thị và nhà ở tái định cư; thúc đẩy các biện pháp tăng cường trách nhiệm của Nhà nước, các tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc xây dựng nhà ở cho người nghèo nhằm hỗ trợ các đối tượng khó khăn có nhà ở, ổn định cuộc sống.

- Quyền được chăm sóc sức khỏe (Điều 38)

Việt Nam xác định chăm sóc sức khỏe cộng đồng là ưu tiên hàng đầu trong các chiến lược phát triển, chương trình mục tiêu quốc gia và đã đạt được nhiều tiến bộ trong lĩnh vực này. Tính đến năm 2012, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 68%. Dự thảo Luật Bảo hiểm Y tế sửa đổi có nhiều thay đổi nhằm khắc phục những bất cập của Luật Bảo hiểm Y tế hiện hành theo hướng có lợi hơn cho người bệnh, xác định gói quyền lợi của người tham gia Bảo hiểm Y tế một cách minh bạch, công bằng hơn và tiến tới thực hiện lộ trình Bảo hiểm Y tế toàn dân.

- Quyền được học tập, nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học nghệ thuật, thụ hưởng văn hóa (Điều 39, 40, 41)

Giáo dục và đào tạo cũng đã có chuyển biến tích cực. Chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo đã đạt một số kết quả, thể hiện ở việc huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường học, đầu tư mở trường, bổ sung kinh phí cho giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau. Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, đang tiến tới hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở. "*Năm 2012, tỉ lệ nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học là 97,7% và bậc trung học cơ sở là 87,2%*" [31].

Đối với nhóm dễ bị tổn thương:

- Người cao tuổi: Luật Người cao tuổi đã được Quốc hội ban hành và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/7/2010. Luật đã thể chế hoá chính sách của Việt Nam về người cao tuổi một cách hệ thống, đầy đủ và toàn diện, đảm bảo cho sự tham gia vào hoạt động xã hội của người cao tuổi, đồng thời khuyến khích sự quan tâm của các tổ chức xã hội, cá nhân trong công tác chăm sóc người cao tuổi. "*Số lượng người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay là khoảng 7,5 triệu người, chiếm khoảng 8,7% dân số cả nước*" [31]. Việc bảo đảm quyền của người cao tuổi được Nhà nước quan tâm, thông qua việc thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các chương trình quốc gia, các đề án hoặc dự án hỗ trợ.

- *Bình đẳng giới và bảo đảm quyền của phụ nữ*: Chính phủ Việt Nam luôn coi trọng xây dựng và phát triển các chính sách, chương trình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, tạo điều kiện để đảm bảo quyền của phụ nữ. Trong thời gian vừa qua, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu quan trọng trong việc thúc đẩy quyền phụ nữ như: xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy thể hiện nguyên tắc về bình đẳng giới và không phân biệt đối xử theo quy định của Luật Bình đẳng giới 2006 và Công ước CEDAW; lồng ghép bình đẳng giới trong việc xây dựng và thực thi pháp luật; ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 với mục tiêu nâng cao nhận thức, thu hẹp khoảng cách về giới và nâng cao vị thế của phụ nữ; tích cực thực hiện các sáng kiến quốc tế và khu vực nhằm thúc đẩy việc bảo vệ quyền của phụ nữ và chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2012 quy định tăng thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ từ 4 tháng lên thành 6 tháng. Tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội khóa XIII (2011-2016) đạt 24,4%, đưa Việt Nam nằm trong nhóm nước có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội cao ở khu vực và thế giới (đứng thứ 43/143 nước trên thế giới và thứ 2 trong ASEAN). Phụ nữ đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt của đất nước như Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, có 2 nữ Bộ trưởng; 14/30 Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ có nữ Thứ trưởng.

- *Trẻ em*: Việt Nam là nước đầu tiên tại Châu Á và là nước thứ hai trên thế giới tham gia Công ước về Quyền trẻ em (CRC) và Nghị định thư bổ sung số 1 và số 2. Nhà nước Việt Nam đã và đang có những nỗ lực lớn trong việc triển khai thực hiện trên phương diện hoàn thiện chính sách pháp luật, nội luật hoá các quy định của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền trẻ em vào hệ thống pháp luật quốc gia, và tổ chức triển khai thực hiện trong thực tế để bảo vệ quyền và lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Việt Nam cũng tích cực tham gia các sáng kiến khu vực và quốc tế nhằm thực hiện việc bảo vệ các quyền của trẻ em; tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế có liên quan.

- *Người khuyết tật*: Việt Nam đã ký Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2008 và dự kiến hoàn thành thủ tục phê chuẩn trong năm 2014, cũng như đang nỗ lực xây dựng và hoàn thiện luật pháp, chính sách nhằm thúc đẩy quyền của

người khuyết tật. Trong lộ trình phê chuẩn Công ước về quyền của người khuyết tật, Việt Nam đã ban hành Luật về người khuyết tật năm 2010 và xây dựng các văn bản thi hành. Trong giai đoạn 2010-2013, đã có 13 văn bản dưới luật được ban hành có liên quan tới người khuyết tật trong các lĩnh vực truyền thông, thể thao, du lịch, tiếp cận an sinh xã hội và thúc đẩy thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ.

- *Người dân tộc thiểu số*: Nhà nước Việt Nam thực hiện đường lối nhất quán là: các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ. Hệ thống pháp luật Việt Nam liên tục được hoàn thiện, đáp ứng cơ bản chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có việc bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các dân tộc thiểu số. Người dân tộc thiểu số được tạo điều kiện tham gia hệ thống chính trị, quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham chính ngày càng tăng, số lượng đại biểu Quốc hội là dân tộc thiểu số luôn chiếm tỷ lệ cao hơn so với tỷ lệ dân số. Trong bốn nhiệm kỳ Quốc hội gần đây, tỷ lệ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số chiếm từ 15,6% đến 17,27%, trong khi người dân tộc thiểu số chỉ chiếm 14,3% dân số. "*Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia HĐND cấp tỉnh nhiệm kỳ 2011 - 2016 là 18% cấp huyện là 20%, cấp xã là 22,5%*" [31].

Trong giai đoạn 2006 - 2012, Nhà nước đã có 160 văn bản quy phạm pháp luật về chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, với kinh phí từ ngân sách lên tới 55.000 tỷ VNĐ. Với nguồn lực như vậy, nhiều chính sách đã phát huy hiệu quả tốt như Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về giảm nghèo bền vững; chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; Chương trình phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số.

"*Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng có đông người dân tộc thiểu số giảm từ 32,6% năm 2009 xuống còn 24,3% năm 2012. Cơ sở hạ tầng có sự cải thiện rõ rệt: 98,6% xã có đường ô tô; 99,8% số xã và 95,5% số thôn được sử dụng điện sinh hoạt*" [31].

*** Những hạn chế của hoạt động lập pháp**

Hoạt động lập pháp của Quốc hội trong việc bảo đảm, thúc đẩy và phát triển quyền con người so với giai đoạn trước là sự phát triển vượt bậc tính cả về nội

dung, số lượng văn bản cũng như tính khả thi của từng văn bản. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trong hoạt động lập pháp thời gian qua, việc đảm bảo quyền con người trong hoạt động lập pháp của Quốc hội vẫn bộc lộ những vấn đề cần khắc phục sau đây:

- Chưa thể hiện đầy đủ quan điểm chỉ đạo của Đảng là bên cạnh các luật về kinh tế, ưu tiên xây dựng các luật về quyền và nghĩa vụ của công dân. Hệ thống pháp luật bảo vệ các quyền tự do dân chủ về chính trị được xây dựng và hoàn thiện với tốc độ chậm. Nhiều luật liên quan đến quyền tự do, dân chủ của công dân đã được ban hành từ lâu, đến nay hầu như không còn phù hợp, nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung. Do đó, nhiều quan hệ xã hội nảy sinh, nhưng chưa có các quy định của pháp luật điều chỉnh;

- Nội dung và hình thức thể hiện trong một số văn bản do Quốc hội, UBTWQH ban hành bộc lộ rõ nét tính không đồng bộ, thống nhất cả về nội dung và hình thức thể hiện văn bản. Thực tế cho thấy, những vấn đề có liên quan đến quyền con người chưa có sự phân định rạch ròi những nội dung cần phải được quy định bằng luật, pháp lệnh hay nghị quyết;

- Nhiều quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp chưa được cụ thể hóa bằng luật nên chưa thực hiện được trên thực tế. Hơn nữa, các luật do Quốc hội ban hành có quy định về quyền con người, quyền công dân còn là quy định khung nên tính khả thi trong thực tiễn chưa cao, hầu hết đều cần văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp dưới. Trong khi đó, một số văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp dưới không chỉ hướng dẫn thủ tục thực hiện quyền mà lại có xu hướng phức tạp hóa việc thực hiện quyền hoặc hạn chế quyền của cá nhân, công dân đã được Hiến pháp và luật quy định;

- Các văn bản luật ở Việt Nam thường thiếu tính cụ thể, nên không áp dụng ngay khi có hiệu lực pháp luật mà phải chờ Nghị định của Chính phủ cụ thể hóa và các Bộ ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành.

Tính riêng trong năm 2013, các cơ quan nhà nước ở TW đã ban hành Hiến pháp sửa đổi, 17 luật, 22 Nghị quyết của Quốc hội; 03 pháp lệnh, 08 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; 215 nghị định của Chính

phủ; 703 thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; 106 thông tư liên tịch...[26]

Luật đã có hiệu lực, nhưng thường chưa thể thi hành được vì vẫn phải chờ văn bản hướng dẫn. Điều đó nảy sinh cách hiểu những văn bản hướng dẫn thi hành luật hóa ra quan trọng hơn cả luật. Như vậy trật tự, nguyên tắc và giá trị vốn có của hệ thống pháp luật sẽ bị đảo lộn, tạo điều kiện nảy sinh sự tùy tiện trong giải thích và thực thi luật pháp của các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền. Do có quá nhiều văn bản hướng dẫn thi hành, nên không tránh khỏi tình trạng nội dung và tinh thần của luật bị biến dạng, biến tướng hoặc không gần với đối tượng được điều chỉnh, tạo tiền lệ là dễ cho việc quản lý, nhưng lại khó cho người dân thực hiện. Ủy quyền cho Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn, nhưng chưa có cơ chế xác định rõ nội dung, mục đích và phạm vi ủy quyền, hình thức giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện nghĩa vụ ban hành qui phạm được ủy quyền ra sao.

2.3. Thực trạng hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước bảo vệ quyền con người của Quốc hội

Trong những năm gần đây, cùng với việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, tăng cường chức năng lập pháp, giám sát tối cao thì chức năng quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội của đất nước được Quốc hội chú trọng hơn, đầu tư thời gian và công sức ngày càng nhiều hơn. Chức năng này tiếp tục được khẳng định tại Điều 69 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước có liên quan, ảnh hưởng và có nội dung chứa đựng quy phạm pháp luật về quyền con người còn được Luật tổ chức Quốc hội, Nội quy kỳ họp của Quốc hội và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết.

Với số lượng lớn các Nghị quyết đã được thông qua, Quốc hội thực sự đóng vai trò là cơ quan thay mặt nhân dân để quyết định những vấn đề hệ trọng của dân tộc có liên quan tới bảo vệ, phát triển quyền con người, quyền tự do của công dân. Hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước bước đầu tuân theo quy trình thảo luận dân chủ và không ngừng được đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 53/2013/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, một quyết sách rất quan trọng và có ảnh hưởng lớn tới việc đảm bảo quyền con người trong thời kỳ mới. Nghị quyết chỉ rõ:

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo; trong nước, những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế chậm được khắc phục cùng với những vấn đề mới phát sinh tác động không thuận đến ổn định kinh tế vĩ mô. Thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra, gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

...Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 đã có chuyển biến tích cực, đúng hướng và thực hiện được mục tiêu đề ra, Kết quả 3 năm 2011-2013 cơ bản thực hiện mục tiêu theo Nghị quyết Quốc hội là "tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tăng trưởng ở mức hợp lý"; một số cân đối lớn của nền kinh tế đạt kết quả tích cực hơn [37].

Trong hai năm 2014 và 2015, Quốc hội yêu cầu Chính phủ tập trung chỉ đạo, điều hành tập trung chống thất thu, thực hiện triệt để tiết kiệm, kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết; tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo.

Mục tiêu tổng quát được Quốc hội đưa ra liên quan đến bảo đảm quyền con người trong Nghị quyết này là: Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Cải thiện môi trường kinh doanh. Bảo đảm quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, giải quyết những vấn đề bức xúc xã hội, khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là những vụ việc liên quan đến đất đai. Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm; giữ vững an ninh quốc gia; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; giảm số vụ, số

người bị thương và bị tử vong do tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng chống cháy nổ. Thực hiện các giải pháp mạnh mẽ ngăn ngừa sự xuống cấp về lối sống và đạo đức xã hội....

Cụ thể, những mục tiêu chi tiết được Quốc hội đặt ra, có ý nghĩa bảo vệ và thúc đẩy quyền con người là:

Giải quyết việc làm cho 3,0 - 3,2 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55% vào năm 2015; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,5% - 2%/năm, riêng các huyện nghèo giảm 4%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 15,5%. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 22,5 giường. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 85%. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80%...[31]

Nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản đó, Quốc hội đề ra một số giải pháp định hướng: Mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế; trợ giúp xã hội đối với người có hoàn cảnh khó khăn, người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công. Chỉ đạo tốt công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ. Rà soát tổng thể chính sách giảm nghèo để điều chỉnh phù hợp, bảo đảm mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất y tế, tập trung xử lý giảm quá tải các bệnh viện tuyến trung ương. Triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, trước mắt cần tập trung đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động phòng tránh và giảm thiểu hậu quả thiên tai.

Quốc hội khóa X đã thông qua Nghị quyết số 66/2006/Quốc hội ngày 29/6/2006 về dự án công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư và đang có hướng sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Đây là vấn đề hệ trọng, bởi trên thực tế những công trình quan trọng Quốc gia có

ảnh hưởng lớn đến quyền con người, một mặt, triển khai thực hiện công tình quan trọng Quốc gia sẽ có ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái; mặt khác, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân như buộc phải di dân, tái định cư. Trên cơ sở các báo cáo và tờ trình của Chính phủ, Quốc hội đã thảo luận dân chủ, xem xét, cân nhắc toàn diện, nghiêm túc, kỹ lưỡng và quyết định chưa thông qua chủ trương đầu tư xây dựng dự án đường sắt cao tốc Hà Nội – TP HCM; giao Chính phủ rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể các loại hình vận tải Bắc - Nam, trên cơ sở đó trình Quốc hội xem xét, quyết định cụ thể vào thời gian thích hợp. Trong nhiệm kỳ khóa XII, Quốc hội đã quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Lai Châu và dự án điện hạt nhân Ninh Thuận. Ở nhiệm kỳ trước đó, trên cơ sở các tiêu chuẩn xác định công trình quan trọng quốc gia, Quốc hội đã xem xét và quyết định thực hiện một số dự án quan trọng là Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Dự án Khí - Điện - Đạm ở Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La...

Đối với các vấn đề có nội dung thể hiện và chứa đựng quy phạm pháp luật về quyền con người, Quốc hội quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; đại xá; phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước Quốc tế về quyền con người; trưng cầu dân ý; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm và cả nhiệm kỳ. Tuy vậy, thực tiễn hơn hai nhiệm kỳ qua, Quốc hội chưa quyết định và thông qua Nghị quyết nào về chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; đại xá; phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế về quyền con người cũng như quyết định tổ chức trưng cầu dân ý.

Một nhiệm vụ, quyền hạn hoàn toàn mới được hiến định cho Quốc hội là: *"Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương"* [18, Điều 70]. Việc này trước đây thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Qua thực thi cho thấy có ít nhất hai tình huống không hợp lý. Thứ nhất, cùng là thành lập, chia tách, sáp nhập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mà một phần việc này (đơn vị hành chính cấp tỉnh) do cơ quan lập pháp thực hiện, phần còn lại (đơn vị hành chính cấp huyện) do cơ quan hành pháp tiến hành. Thứ hai là, do bất hợp lý nói trên mà có những việc cụ thể rất khó giải quyết. Điều chỉnh địa giới hành chính của một huyện thuộc một tỉnh,

nhưng huyện đó lại giáp với tỉnh khác (tức là vừa điều chỉnh địa giới hành chính huyện, đồng thời phải điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, nếu Chính phủ làm thì vướng về địa giới hành chính tỉnh, nếu Quốc hội làm thì lại trùng lặp việc của Chính phủ là điều chỉnh địa giới hành chính huyện). Chính vì vậy, thẩm quyền này phải quy về một mối.

Hiến pháp năm 2013 quy định thêm nhiệm vụ, quyền hạn cho Quốc hội: "*Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn*" [18, Điều 70]. Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 4 đã thông qua Nghị quyết số 35/Quốc hội 12 ngày 21/11/2012 về lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Hiến pháp lần này từ "một chi tiết" đã nâng lên thành "một nhiệm vụ, quyền hạn" ngang hàng với các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quốc hội. Việc quy định "bỏ phiếu tín nhiệm" là một nhiệm vụ, quyền hạn "độc lập" với các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quốc hội là hoàn toàn phù hợp với tình hình hiện tại (khi cả nước đang quyết liệt thực hiện Nghị quyết TW 4 khóa XI - Một số nhiệm vụ cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay). Nhiệm vụ này sẽ góp phần thúc đẩy người giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước thực thi nhiệm vụ kịp thời hơn, mang tính thúc đẩy hơn và răn đe mạnh mẽ hơn; do đó cũng đáp ứng tốt hơn lòng mong đợi của cử tri.

**** Hạn chế trong hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của Quốc hội***

Việc Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước có nội dung ảnh hưởng đến quyền con người và nội dung thể hiện chứa đựng quy phạm pháp luật về quyền con người bằng thể thức văn bản là nghị quyết. Tuy nhiên, các Nghị quyết được Quốc hội thông qua vẫn còn nhiều vấn đề cần khắc phục:

Thứ nhất, còn thiếu các quyết định của Quốc hội về các vấn đề quan trọng của đất nước trong nhiều lĩnh vực. Nguyên nhân là từ sự thiếu chủ động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội trong việc nghiên cứu cũng như đề nghị xem xét. Có thể lấy ví dụ trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ để minh họa. Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Quốc hội quy định Quốc hội quyết định chính sách tài chính, chính sách tiền tệ quốc gia, nhưng nhiều vấn đề tài chính nhà nước mang tầm chiến lược, vĩ mô chưa được thảo luận một cách đầy đủ và thật thấu đáo, như quan điểm về mô hình phát

triển kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế trong một chiến lược dài hạn, định hướng và giải pháp cho phát triển kinh tế vùng, lãnh thổ, ngành động lực; định hướng, giải pháp huy động và phân bổ nguồn lực của đất nước trong từng giai đoạn phát triển. Rất nhiều cân đối vĩ mô của nền kinh tế, như cân đối tích lũy - tiêu dùng, cân đối tiền - hàng, cân đối thu chi ngân sách, cân đối xuất - nhập khẩu, cán cân thương mại, cán cân thanh toán trong nước và quốc tế, vay nợ và trả nợ, bội chi ngân sách và nguồn bù đắp bội chi... chưa được thảo luận thật thường xuyên và nghiêm túc. Thông thường, Quốc hội chỉ thảo luận, quyết định những nội dung Chính phủ trình, vì vậy, khi Chính phủ không trình những chính sách tài chính - tiền tệ ở tầm chiến lược thì Quốc hội không có cơ sở để thảo luận, quyết định, dẫn đến ảnh hưởng của Quốc hội đối với những vấn đề tài chính - tiền tệ ở tầm chiến lược còn hạn chế.

Đối với việc quyết định dự toán, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế đã trở thành hoạt động thường xuyên của Quốc hội, nhưng Quốc hội vẫn chưa thực hiện một cách đầy đủ thẩm quyền của mình do cách thức hạch toán ngân sách nhà nước hiện hành chưa phản ánh đầy đủ, toàn diện các khoản thu, chi ngân sách. Một số khoản thu, chi ngân sách mang bản chất là ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước nhưng vẫn để ngoài ngân sách như vốn vay ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, một số khoản phí, lệ phí,... Vì vậy, những khoản ngân sách này hiện vẫn nằm ngoài thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

Thứ hai, hiệu lực thực thi quyết định quan trọng của Quốc hội còn nhiều hạn chế. Quy trình ban hành, việc tổ chức thực hiện và những yếu tố bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội bộc lộ những hạn chế nhất định, không còn đủ mạnh và cụ thể để truyền tải quyết định của Quốc hội trong một số lĩnh vực vì:

- Hình thức là Nghị quyết nhưng chứa đựng nhiều nội dung khác nhau, có Nghị quyết chứa quy phạm pháp luật, có Nghị quyết đơn thuần thể hiện thái độ của Quốc hội, có Nghị quyết về kế hoạch, chủ trương... đã góp phần tạo ra hệ thống văn bản phức tạp, hiệu lực thực tế thi hành rất khác nhau.

- Nghị quyết không chứa đựng các quy phạm pháp luật thì tính ràng buộc

pháp lý thấp, không có chế tài xử lý, nên trong thực hiện sẽ trông chờ vào tính tự thân, tự nguyện, tự giác chấp hành cao hơn tính bắt buộc pháp lý. Mặt khác, do không có căn cứ cụ thể để giám sát, kiểm tra nên khó đánh giá trách nhiệm cụ thể khi Nghị quyết không được thực hiện đầy đủ. Các cơ quan, cá nhân có trách nhiệm thực hiện dễ xem nhẹ hiệu lực Nghị quyết hơn là thực thi luật, từ đó gây lãng phí tiền của của nhân dân.

Thứ ba, các nội dung để Quốc hội ban hành luật hay Nghị quyết không được phân biệt rõ ràng. Theo Điều 20 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì các vấn đề cơ bản, quan trọng thuộc các lĩnh vực về đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân là những nội dung do luật quy định, còn kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, chính sách dân tộc, tôn giáo, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước, phê chuẩn điều ước quốc tế, quyết định chế độ làm việc của Quốc hội, UBTWQH, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội là những nội dung do Nghị quyết quyết định. Điều này dễ dẫn đến sự tùy tiện trong cách lựa chọn hình thức văn bản và ảnh hưởng không nhỏ đến tính khả thi các quyết định của Quốc hội trong thực tế.

** Nguyên nhân của những hạn chế*

- Tính pháp lý về thẩm quyền của Quốc hội trong việc xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước về kinh tế - xã hội chưa cao. Một số thẩm quyền của Quốc hội được quy định trong Hiến pháp nhưng chưa được cụ thể hoá trong các luật hoặc Nghị quyết của Quốc hội như việc quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước 5 năm và hàng năm. Hiện chưa có quy định cụ thể của pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc lập kế hoạch, nội dung kế hoạch, cơ quan lập kế hoạch, quy trình thủ tục trong việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm (chất lượng nội dung, tiến độ thời gian) của các cơ quan trình các dự án để Quốc hội quyết định.

- Bên cạnh đó, một số tồn tại trong các văn bản luật là cơ sở pháp lý để Quốc

hội quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội có nhiều điểm bất cập, hạn chế nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời, ví dụ như Luật ngân sách nhà nước quy định về phạm vi ngân sách chưa đầy đủ. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X có khẳng định sẽ sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư các công trình phúc lợi về giáo dục, y tế; việc phân bổ đầu tư đối với từng công trình cụ thể do HĐND tỉnh, thành phố quyết định; không đưa nguồn thu này thành một nguồn thu thường xuyên, ổn định của ngân sách nhà nước. Năm 2007, Chính phủ đã trình Quốc hội quyết định không đưa số thu từ xổ số kiến thiết vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện quản lý thu, chi qua ngân sách nhà nước.

- Theo quy định hiện hành, Quốc hội xem xét quyết định dự toán ngân sách hàng năm mà chưa thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn và kế hoạch chi tiết trung hạn. Điều này hạn chế tính dự báo của ngân sách nhà nước, hạn chế tính chủ động của các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng kế hoạch.

- Quy trình thông qua các quyết định về các vấn đề quan trọng còn chưa được quy định thống nhất, thiếu chặt chẽ. Nội dung, tính chất, phạm vi của những vấn đề quan trọng do Quốc hội quyết định rất khác nhau nên trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết cũng khác nhau. Hiện nay, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành Nghị quyết được quy định trong nhiều văn bản như: Hiến pháp, Luật tổ chức Quốc hội, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nội quy kỳ họp Quốc hội, Quy chế hoạt động của UBTVQH và Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và trong các văn bản luật liên quan. Quy trình xem xét, thông qua Nghị quyết về những vấn đề quan trọng của đất nước chỉ là một yếu tố để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội nói chung và việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tuy nhiên, khi quy trình được quy định rải rác, thiếu chặt chẽ, cụ thể thì sẽ dẫn đến chồng chéo, dễ bị vận dụng tùy tiện. Đặc biệt là một số quy định của quy trình không thích ứng với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, không đảm bảo được tiến độ thời gian, đảm bảo cung cấp tài liệu, số liệu và khả năng, tốc độ nghiên cứu tư liệu, tài liệu của đại biểu Quốc hội. Chính điều này dẫn đến quy trình không được thực hiện nghiêm túc, không mang lại hiệu quả và làm giảm sút tính nghiêm minh của pháp luật.

- Thông tin đầu vào phục vụ cho việc thực hiện quyết định của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội còn nhiều hạn chế. Phần lớn đại biểu Quốc hội chỉ tham gia vào giai đoạn hoàn thiện chính sách nên việc thực sự nắm bắt đầy đủ, thấu hiểu các thông tin để đi đến quyết định bị hạn chế. Thực tế thời gian qua cho thấy, điều các đại biểu Quốc hội băn khoăn nhất là việc thiếu các thông tin liên quan đến các dự án, vấn đề trình Quốc hội xem xét, quyết định. Ngoài lý do một số cơ quan chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc cung cấp thông tin có liên quan đến dự án, thì các kênh thông tin có tính phản biện như thông tin từ các cơ quan nghiên cứu giúp việc cho Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong quá trình quyết định cũng chưa được quan tâm đúng mức.

- Năng lực quyết định các vấn đề quan trọng của Quốc hội còn hạn chế, nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời gian hoạt động của Quốc hội, thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu của từng đại biểu Quốc hội; tính chuyên nghiệp của các đại biểu; khả năng tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội; mức độ, yêu cầu đặt ra để Quốc hội quyết định cụ thể đến đâu...

- Về thời gian hoạt động của Quốc hội: hiện nay mỗi năm Quốc hội họp hai kỳ, mỗi kỳ khoảng 40 ngày làm việc. Trong khoảng thời gian ít ỏi của mỗi kỳ họp thì nhiệm vụ lập pháp chiếm khoảng 2/3 thời gian, 1/3 thời gian còn lại cho hoạt động giám sát, chất vấn, nghe và thảo luận các báo cáo hoạt động của bộ máy nhà nước... Thời gian cho việc thảo luận, xem xét quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước không nhiều. Thời gian không nhiều một phần do cách thức, nội dung Quốc hội xem xét quyết định các vấn đề quan trọng. Một phần do yêu cầu mức độ đặt ra cho Quốc hội quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội chủ yếu là phương hướng, có tính chất định tính rất ít các quyết định mang tính định lượng cần phải nghiên cứu, thảo luận kỹ lưỡng.

- Về tính chuyên nghiệp của đại biểu: Do bầu cử chưa có đổi mới mạnh mẽ nên đại biểu Quốc hội vẫn nặng về cơ cấu, kiêm nhiệm. Chế độ, trách nhiệm của đại biểu chuyên trách chưa đủ mạnh để đại biểu giành toàn tâm, toàn lực thực hiện nhiệm vụ đại diện. Chế độ trách nhiệm và quyền lợi của đại biểu chuyên trách và không chuyên trách chưa được làm rõ. Trình độ chuyên môn và khả năng tổ chức

thực hiện công việc của từng đại biểu còn chênh lệch và hạn chế. Và bị giới hạn bởi thời gian hoạt động, bởi cương vị công tác, bởi lệ thuộc ý thức về quan hệ hành chính cấp trên, cấp dưới, trách nhiệm đại diện cho cử tri trong mỗi quyết định còn mờ nhạt...

Những tồn tại này nếu không được khắc phục sẽ là rào cản đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính vì vậy, chủ trương *"tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội,...thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước"* [35] đã được khẳng định tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, trở thành một định hướng phát triển quan trọng của những khoá Quốc hội tiếp theo.

2.4. Thực trạng hoạt động Giám sát tối cao bảo vệ quyền con người của Quốc hội

Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định: *"Quốc hội giám sát tối cao đối với hoạt động nhà nước"* [18, Điều 69]. So với Hiến pháp trước đây thì quy định này đã không quy định Quốc hội giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của nhà nước, tức là thu hẹp phạm vi giám sát tối cao của Quốc hội. Ngoài ra, tại Khoản 2 Điều 70 đã bổ sung thêm hai chủ thể thuộc trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội là *"Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập"* [18, Điều 70]. Sở dĩ có sự thay đổi này là do chương X của Hiến pháp 2013 đã bổ sung hai thiết chế hiến định độc lập là Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán Nhà nước. Trong tương lai, khi thật sự cần thiết thì Quốc hội có thể sẽ thành lập thêm các cơ quan độc lập khác. Việc hiến định các cơ quan độc lập nói trên là góp phần làm rõ hơn chủ quyền nhân dân, làm rõ hơn cơ chế phân công, phối hợp trong việc kiểm soát quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội thực hiện theo các quy định của Hiến pháp năm 2013, các luật về tổ chức nhà nước, theo nội quy, quy chế hoạt động của Quốc hội, của UBTVQH, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội và đặc biệt là Luật hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003. Cụ thể, Quốc hội giao cho UBTVQH quyền giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội,

pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH; giám sát hoạt động của Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao; đình chỉ việc thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao trái với Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định hủy bỏ các văn bản đó; hủy bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao trái với Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH. Giám sát và hướng dẫn hoạt động của HĐND; bãi bỏ các Nghị quyết sai của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giải tán HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trong trường hợp HĐND đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân.

Hoạt động giám sát của Quốc hội nói chung, giám sát bảo đảm quyền con người nói riêng đã có những dấu hiệu khởi sắc. Công tác giám sát của Quốc hội được thực hiện tại kỳ họp và giữa hai kỳ họp là sự giám sát của UBTVQH, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội bên cạnh việc nghe báo cáo của các cơ quan, cá nhân thuộc đối tượng giám sát, còn thành lập các đoàn nghiên cứu, giám sát tại cơ sở. Quốc hội tập trung vào giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH; giám sát về thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; các vấn đề xã hội bức xúc; hoạt động của các cơ quan tư pháp trong việc bắt, tạm giam, tạm giữ, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, đặc xá, giải quyết các vụ án dân sự, kinh tế, lao động, giải quyết của các cơ quan hữu quan về một số vụ án tiêu biểu...

Hoạt động giám sát đư ợc tăng cường, có nhiều đổi mới về cách thức tiến hành, nhất là trong hoạt động chất vấn và giám sát theo chuyên đề. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn - một hình thức giám sát trực tiếp và quan trọng của Quốc hội, tiếp tục có những cải tiến mạnh mẽ theo hướng thực chất hơn, tập trung vào các vấn đề kinh tế-xã hội bức xúc nhất, thời sự nhất, phản ánh sát thực những tâm tư, nguyện vọng của cử tri và nhân dân, làm rõ thêm tình hình, sâu sắc thêm nguyên nhân, chỉ ra trách nhiệm và giải pháp nhằm thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội. Tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XII, lần đầu tiên Quốc hội ban hành Nghị quyết chung về hoạt động chất vấn, đây là

bước tiến tích cực, tạo tiền đề cho việc tiếp tục nghiên cứu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động này.

Tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XII, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về chất vấn, qua đó yêu cầu các vị trả lời chất vấn nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến xác đáng của các đại biểu Quốc hội, sớm triển khai thực hiện các lời hứa và nhiệm vụ thuộc chức trách của mình, ngành mình, khẩn trương khắc phục những khuyết điểm, hạn chế và báo cáo Quốc hội tại các kỳ họp sau.

Cách thức tiến hành, điều hành phiên chất vấn được cải tiến theo hướng chất vấn và trả lời chất vấn theo nhóm vấn đề với sự tham gia của nhiều bộ trưởng, và người đứng đầu các ngành; hạn chế đến mức thấp nhất thời gian trả lời bằng văn bản; đề nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ trả lời trực tiếp chất vấn của đại biểu Quốc hội; đã tăng thời gian đối thoại giữa đại biểu Quốc hội với người trả lời chất vấn. Sau chất vấn, các cá nhân và cơ quan có liên quan đã nghiêm túc xem xét có trách nhiệm những vấn đề mà đại biểu nêu lên, như việc rà soát quy hoạch, quản lý cấp phép các sân golf; điều hành thu mua xuất khẩu gạo; đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số công trình cơ bản; quản lý quy hoạch và cấp phép xây dựng một số công trình thủy điện; quản lý thị trường ngoại hối, thị trường vàng; các chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe người dân, chính sách đối với người có công...Việc tổng hợp chất vấn, theo dõi việc thực hiện lời hứa của người trả lời chất vấn, thông báo các nội dung có liên quan sau chất vấn...được thực hiện một cách thường xuyên hơn. Một trong những điểm mới trong hoạt động chất vấn là sau một số phiên, căn cứ vào tình hình thực tế, Quốc hội đã ra Nghị quyết về hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, trong đó yêu cầu người đã trả lời chất vấn phải có biện pháp cụ thể thực hiện có hiệu quả những vấn đề liên quan và báo cáo kết quả với Quốc hội tại kỳ họp sau. Một trong những điểm mới trong hoạt động giám sát là Quốc hội đã xem xét báo cáo của UBTVQH về kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri cả nước. Hoạt động này đã có những tác động tích cực đến tâm tư, tình cảm của nhân dân, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước; đồng thời, động viên, khuyến khích nhân dân tiếp tục tham gia tích cực hơn nữa vào các hoạt động quản lý nhà nước. Đây cũng chính là căn cứ để

đại biểu Quốc hội tiếp tục chất vấn, làm rõ trách nhiệm của các Bộ trưởng, Trưởng ngành, nhất là những vấn đề đã hứa trước Quốc hội và cử tri. Cũng tại nhiệm kỳ này, Quốc hội đã tổ chức thảo luận tại hội trường về báo cáo công tác của UBTVQH. Với tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, cởi mở, thẳng thắn, các vị đại biểu Quốc hội đã đóng góp nhiều ý kiến để UBTVQH nâng cao hiệu quả hoạt động của mình với trách nhiệm là cơ quan thường trực của Quốc hội.

Từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa X, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn được truyền trực tiếp trên sóng truyền hình, phát thanh và mô tả lại thông qua các báo viết, được nhân dân cả nước quan tâm theo dõi và đánh giá cao, thể hiện tính dân chủ, công khai trong sinh hoạt nhà nước.

Tại phiên họp thứ 7, UBTVQH đã triển khai thực hiện thí điểm hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại phiên họp. Giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp trong hoạt động kiểm sát và xét xử, Quốc hội xem xét báo cáo hoạt động của Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao. Bên cạnh việc phản ánh tình hình thực hiện chức năng xét xử, kiểm sát bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của công dân, báo cáo của TAND, VKSND còn phản ánh thực tiễn việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động kiểm sát và hoạt động xét xử.

Qua các phiên họp thảo luận ở hội trường và thảo luận ở tổ về báo cáo của hai ngành, các phương tiện thông tin đại chúng có điều kiện tiếp xúc và đưa tin kịp thời những vấn đề bức xúc trong hoạt động xét xử và hoạt động kiểm sát, buộc người đứng đầu hai ngành này phải có sự chỉ đạo, khắc phục những khiếm khuyết trong hoạt động.

Một trong những phương thức quan trọng trong hoạt động giám sát của Quốc hội bảo đảm quyền con người là hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội đối với cơ quan tư pháp. Phạm vi chất vấn của đại biểu thường rất rộng liên quan đến toàn bộ hoạt động thực hiện chức năng xét xử của TAND và kiểm sát của VKSND; xem xét trách nhiệm đối với Thẩm phán, Kiểm sát viên và các cán bộ có chức danh tư pháp như làm rõ trách nhiệm của VKSND trong việc phê chuẩn lệnh bắt tạm giam đối với các trường hợp đã được thả tự do xác định là oan sai, những tiêu cực trong ngành Tòa án. Có những vụ việc tuy giá trị vật chất được xác định là tài sản bị xâm

hại không lớn, hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấp, nhưng trong xử lý giải quyết vụ án lại mắc những sai lầm đáng tiếc nên có ảnh hưởng tiêu cực đến chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Nổi bật trong thời gian vừa qua là vụ án oan sai của ông Nguyễn Thanh Chấn chịu 10 năm bị tù oan gây bức xúc trong dư luận. Đại biểu Nguyễn Bá Thuyền (Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng) phát biểu tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, cho rằng: "Liệu còn có bao nhiêu con thỏ mà chúng ta lại tuyên là con gấu?...hàng năm vẫn có hàng chục ngàn đơn xin giám đốc thẩm, tái thẩm cho thấy niềm tin của người dân về công lý là chưa cao....Người ta cho rằng Nhất nhật tại tù, nghìn thu tại ngoại, vậy trách nhiệm của Chánh án tới đâu trong vụ án oan sai, có biện pháp gì để minh oan, bồi thường cho người bị oan?". Đại biểu Lê Thị Nga (Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên) cũng yêu cầu làm rõ trách nhiệm của cả TAND và VKSND trong việc để án oan, đặc biệt là với thông tin bị cáo khai bị ép cung, bức cung, nhục hình trong quá trình điều tra.

UBTVQH, Ủy ban pháp luật, Ủy ban các vấn đề xã hội còn tổ chức nhiều đoàn đi kiểm tra giám sát tại các bộ, ngành, địa phương về nhiều vấn đề trong đó có việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp; giám sát trại giam; tình hình tôn giáo; khám chữa bệnh cho người nghèo; Chương trình xóa đói giảm nghèo; di dân tự phát...UBTVQH đã tổ chức giám sát với phương thức làm việc là tiến hành kiểm tra sau khi nghe các cơ quan hữu quan báo cáo. Kết thúc đợt giám sát tại mỗi địa phương, Đoàn giám sát báo cáo kết quả gửi địa phương nơi tiến hành giám sát, đồng thời gửi cho các thành viên UBTƯQH.

Công tác giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đã được Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội ngày càng được quan tâm. Từ năm 2007 đến nay, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban dân nguyện đã tiếp nhận, cập nhật 59.215 đơn thư của công dân gửi đến Quốc hội, UBTƯQH, lãnh đạo Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; nghiên cứu, phân loại và chuyển 58.062 đơn, thư đến Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Ban công tác đại biểu để xử lý theo lĩnh vực phụ trách. Ban dân nguyện đã xử lý 1.153 đơn thuộc trách nhiệm của Ban và do lãnh đạo Quốc hội giao; qua nghiên cứu, Ban đã có 291 công văn chuyển

và đơn đốc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nhận được 105 văn bản trả lời. Đối với đơn thư thuộc trách nhiệm xử lý của mình, Ban đã thường xuyên chỉ đạo Vụ phục vụ nghiên cứu, đề xuất việc xử lý các đơn, thư cụ thể và kịp thời chuyển tới cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Nhiều vụ việc sau khi đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo pháp luật, Ban đã chỉ đạo Vụ dân nguyện chú trọng đến việc theo dõi kết quả giải quyết, qua đó cũng đã kịp thời đơn đốc, kiểm tra việc giải quyết đối với những vụ việc chậm được trả lời (trong năm 2010, Ban có 32 công văn đơn đốc việc giải quyết). Khi có văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền, Ban đã trực tiếp nghiên cứu và chỉ đạo Vụ dân nguyện rà soát, đánh giá nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan đó.

Từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, Ban dân nguyện đã tiếp và phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của TW Đảng và Nhà nước ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tiếp 28.630 lượt người và gần 400 lượt đoàn khiếu nại, tố cáo đông người (có đoàn tới gần 1.000 người) đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội về 9.921 vụ việc:

 Tiếp thường xuyên là 5.967 lượt người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về 4.260 vụ việc; trong đó tiếp tại Hà Nội là 3.861 lượt người, tại thành phố Hồ Chí Minh là 2.106 lượt người; phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp công dân phục vụ các kỳ họp (từ kỳ họp thứ 1 đến kỳ họp thứ 6) là 22.663 lượt người về 5.661 vụ việc, có 345 lượt đoàn đông người đến từ nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước [25].

Nhiệm vụ của Ban dân nguyện theo Nghị quyết số 695/2008/NQ-UBTVQH12 đã có sự điều chỉnh theo hướng bổ sung các nhiệm vụ có tính chuyên môn. Ngoài ra, Ban dân nguyện còn tích cực tham gia Ban chỉ đạo TW về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và chuẩn bị Báo cáo tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.

** Hạn chế và nguyên nhân:*

- Một số ý kiến cho rằng, quỹ thời gian dành cho hoạt động giám sát chuyên đề còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu báo cáo; công tác giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật chưa được quan tâm đúng mức; đặc biệt là việc thực hiện các kiến nghị, kết luận, đề xuất sau giám sát chưa được các cơ quan

chịu sự giám sát quan tâm, thực hiện triệt để, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát.

- Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp đã có nhiều cải tiến, tăng tính đối thoại trực tiếp với không khí sôi nổi, dân chủ, tập trung. Tuy nhiên, vấn đề trách nhiệm của người đứng đầu chưa được làm rõ; người trả lời chất vấn còn chung chung, chưa đúng trọng tâm câu hỏi; chất vấn chỉ mới dừng lại ở một số nhóm vấn đề chứ chưa bao trùm hết được tình hình bức xúc trên thực tế. Đại biểu Quốc hội cần cần đưa ra các kiến nghị, giải pháp để giúp cho việc điều hành của Chính phủ. Việc chất vấn của đại biểu Quốc hội tại hội trường về các vụ án cụ thể tuy có hiệu quả là nếu có vi phạm, sai lầm trong xử lý thì có thể khôi phục lại theo các quy định của pháp luật, nhưng nhiều chất vấn chỉ đề nghị kháng nghị để xét xử lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Chưa xem xét một cách toàn diện, sâu sắc đối với một số báo cáo công tác của các cơ quan nhà nước; nhiều kiến nghị giám sát chưa cụ thể; chưa xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể liên quan sau giám sát; chưa thường xuyên quan tâm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau hoạt động giám sát nên hiệu lực và hiệu quả giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chưa được như mong muốn. Chưa tiến hành thường xuyên việc giám sát ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh...

- Hiện nay, Quốc hội đã tập trung vào giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp nhiều hơn, nhất là việc giám sát vụ án cụ thể thông qua các cuộc chất vấn của đại biểu tại kỳ họp và hoạt động giám sát tại cơ sở của UBTVQH và Ủy ban pháp luật. Việc quyết định vụ việc đưa vào chương trình giám sát hoàn toàn do UBTVQH, Ủy ban pháp luật quyết định. Chưa có quy định của pháp luật hoặc giải thích của pháp luật về phạm vi giám sát vụ án tức là xem xét nội dung của quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Viện kiểm sát hay chỉ là việc thực hiện các quy định về thủ tục tố tụng. Việc không xác định được tiêu chí cũng là nguyên nhân làm hạn chế tính hiệu quả của việc thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội đối với hoạt động kiểm sát và hoạt động xét xử. Hàng năm số vụ khiếu kiện gửi đến Ủy ban pháp luật không ngừng tăng lên.

- Việc giám sát đối với hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao, nhất là phát hiện những văn bản ban hành có dấu hiệu trái với các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp, luật và Nghị quyết của Quốc hội hầu như chưa làm được.

- Hoạt động giám sát thực tế có được tăng cường, nhưng hình thức và phương pháp chậm đổi mới và đặc biệt tính hiệu lực và hiệu quả sau khi kết thúc các đợt giám sát vẫn còn rất yếu. Nhiều kiến nghị, yêu cầu của Đoàn giám sát chưa được các cơ quan hữu quan thực hiện nghiêm chỉnh.

- Công tác dân nguyện, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đạt hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu là do các đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội mới chỉ dừng lại ở đơn đốc giải quyết chứ chưa có cơ chế hữu hiệu trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tình trạng oan sai trong điều tra, truy tố, xét xử còn nhiều. *"Nhiều trường hợp khiếu nại đã được đại biểu Quốc hội chuyển tới cơ quan chức năng nhưng còn chậm được giải quyết. Giám sát về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đạt hiệu quả chưa cao"*[25].

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

3.1. Những quan điểm cơ bản nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động thực hiện chức năng của Quốc hội

Một là, tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định để Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, hoàn thành tốt trọng trách mà nhân dân ủy thác. Khác với Hiến pháp năm 1992, trong Hiến pháp mới đã bổ sung một nội dung rất quan trọng ở khoản 2 Điều 4: "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình" [18, Điều 4]. Đó vừa thể hiện bản chất của Đảng Cộng sản chân chính, vừa là điều kiện cho sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện trách nhiệm của Đảng trước nhân dân cũng như trách nhiệm của nhân dân đối với Đảng. Đây không chỉ là nguyên tắc trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước và hoạt động của bộ máy nhà nước mà còn là quan điểm chỉ đạo quá trình đổi mới, hoàn thiện nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động theo đúng định hướng chính trị của Đảng. Thực tế cho thấy, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng tạo khả năng xây dựng một cơ cấu tổ chức thống nhất của Quốc hội và là tiền đề để bảo đảm cho Quốc hội phát huy được vai trò của mình trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội chẳng những nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội mà còn bảo đảm thực hiện tốt các mối quan hệ giữa Quốc hội với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước.

Tuy nhiên, cần tránh quan điểm rằng Đảng làm thay chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội; cần phải định rõ những vấn đề thuộc về định hướng của Đảng, những vấn đề thuộc quyền quyết định của Quốc hội. Điều này đã được thể hiện trong định hướng của Nghị quyết Đại hội X của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó có nêu rõ *"Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà*

nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước" [35].

Hai là, phát huy dân chủ XHCN, quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường tính công khai, minh bạch trong sinh hoạt của Quốc hội là yêu cầu quan trọng tạo thêm sức mạnh và sự năng động, sáng tạo từ hệ thống chính trị của nước ta. Những nhiệm kỳ qua, Quốc hội đã tỏ rõ bản lĩnh, trách nhiệm, thảo luận, tranh luận đầy nhiệt huyết và mang tính xây dựng. Không ít các cuộc tranh luận, chất vấn tại nghị trường, các cuộc giám sát trong thực tiễn khá gay gắt và sôi nổi với nhiều lý lẽ có sức thuyết phục. Có những vấn đề phải nâng lên đặt xuống nhiều lần, qua phân tích từ nhiều góc độ đã làm cho tính chính xác cao hơn, tạo sự đồng thuận tốt hơn, giúp công tác chỉ đạo điều hành thuận lợi và hiệu quả, phù hợp với ý nguyện của đông đảo nhân dân. Dân chủ XHCN đòi hỏi nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước không chỉ bằng hình thức dân chủ đại diện mà còn bằng cả dân chủ trực tiếp, thông qua nhiều hình thức khác nhau. Có như vậy mới thể hiện hết được nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, yêu cầu về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân càng trở nên cần thiết. Có những vấn đề mang tính chính trị, những vấn đề trọng đại của đất nước, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của đất nước và nhân dân, ví dụ như tổ chức bộ máy nhà nước, nhân sự, điều chỉnh địa giới hành chính. Vì vậy, trước khi quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội phải nắm được nguyện vọng của nhân dân. Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể, công khai, minh bạch, khi đó người dân có nhiều cơ hội hơn để đề đạt ý kiến đến Quốc hội, để Quốc hội quyết định phù hợp với cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân.

Để làm tốt yêu cầu này, cần thiết phải quan tâm đến việc tham gia của Đảng viên, đặc biệt là Đảng viên là đại biểu Quốc hội và nhân dân đối với các vấn đề quan trọng của đất nước trình Quốc hội quyết định. Trên cơ sở ý kiến tham gia, cần có quy trình để đánh giá, phân tích đưa ra nhận định, tạo sự đồng thuận chung. Tránh tình trạng thực hiện trước, gặp vướng mắc và khó khăn thì mới thực hiện cơ chế xin chủ trương, lấy ý kiến của Quốc hội.

Ba là, đẩy mạnh sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, hỗ trợ thực hiện chức năng nhiệm vụ của Quốc hội

"Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" [18, Điều 2]. So với các bản Hiến pháp trước đây, Hiến pháp mới đã tiến thêm một bước là nhìn nhận được tầm quan trọng của yếu tố kiểm soát quyền lực. Hiến pháp xác định rõ ba bộ phận của quyền lực nhà nước với những thiết chế thực hiện: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp; TAND là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp; VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; Chính quyền địa phương là chế định được thay cho các thiết chế HĐND và UBND trong Hiến pháp hiện hành; hai thiết chế hiến định độc lập mới ra đời là Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước. Trong thời gian tới, các quy định của Chương X của Hiến pháp sẽ được các đạo luật cụ thể hóa. Hiến pháp năm 2013 cũng đã có những bổ sung quan trọng bảo đảm vị thế và tính độc lập của hoạt động tư pháp - một yêu cầu không thể thiếu được trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực ở nước ta.

Trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay, nội dung các vấn đề quan trọng của đất nước, nhất là về kinh tế - xã hội thường do Chính phủ chịu trách nhiệm chuẩn bị để trình Quốc hội quyết định, Chính phủ cần phân công cụ thể hơn một bộ, ngành là cơ quan giúp Chính phủ chuẩn bị các nội dung. Tùy thuộc phạm vi của vấn đề mà quá trình chuẩn bị cần có sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan chủ trì chuẩn bị với các bộ, ngành hoặc địa phương có liên quan. Sự chủ động, phát huy tinh thần trách nhiệm cao của cơ quan chủ trì cùng với sự phối hợp tốt với các bộ, ngành, địa phương trong việc chuẩn bị các nội dung liên quan là điều kiện quan trọng bảo đảm sự thống nhất, tính hiệu quả của quyết định khi được Quốc hội xem xét thông qua. Việc đóng góp ý kiến từ các bộ, ngành, địa phương sẽ là cơ sở quan trọng để Chính phủ lựa chọn phương án phù hợp để trình Quốc hội xem xét, quyết định. Đồng thời,

có sự kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các cơ quan nhà nước với nhau, tránh lạm quyền và vi phạm pháp luật trong việc thực hiện quyền lực nhà nước.

Hiến pháp năm 2013 bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thẩm phán TAND tối cao (khoản 7 điều 70) cho phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình TAND, làm rõ hơn vai trò của Quốc hội trong mối quan hệ với cơ quan thực hiện quyền tư pháp, thông qua đó, Quốc hội kiểm soát được nhân sự của Tòa án tối cao, cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời nâng cao vị trí của thẩm phán, góp phần đảm bảo cho thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật theo tinh thần cải cách tư pháp. Đây cũng là cách thức để Quốc hội thay mặt nhân dân kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp thông qua quyền phê chuẩn của mình.

Bốn là, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, nhất là các đại biểu Quốc hội chuyên trách. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban, chuyển trọng tâm hoạt động vào các cơ quan này; tăng cường chất lượng đại biểu Quốc hội có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Muốn vậy, cần có cơ chế, điều kiện để nhân dân lựa chọn được những người tiêu biểu vào Quốc hội; có những quy định cụ thể hơn, rõ ràng hơn nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội; trách nhiệm đại biểu chuyên trách; tăng cường quan hệ phối hợp công tác và bảo đảm các điều kiện hoạt động để phát huy vai trò nòng cốt đối với hoạt động chung của Quốc hội. Sự đồng thuận, trách nhiệm của tập thể UBTWQH, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội; sự phối hợp có hiệu quả của Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan, tổ chức hữu quan và sự đóng góp tích cực của cử tri và nhân dân cả nước là yếu tố rất quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần giúp Quốc hội hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao...

Năm là, các văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành phải phù hợp với các Công ước quốc tế về quyền con người mà Nhà nước ta đã tham gia ký kết, phê chuẩn hay gia nhập. Đến nay, Việt Nam là thành viên của 35 điều ước quốc tế về quyền con người và có liên quan đến quyền con người do Liên hợp quốc và các tổ

chức quốc tế khác thông qua. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tháng 4 năm 2001, Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định: *"tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia"* [34]. Điều 23 Pháp lệnh ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của Việt Nam cũng quy định: *"Việt Nam nghiêm chỉnh tuân thủ điều ước quốc tế mà mình ký kết, đồng thời đòi hỏi các bên ký kết khác cũng nghiêm chỉnh tuân thủ điều ước quốc tế đã được ký kết với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* [42].

3.2. Đề xuất, kiến nghị nâng cao vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

3.2.1. Tăng cường chất lượng hoạt động lập pháp

Quan điểm chỉ đạo của Quốc hội về tăng cường, cải thiện hoạt động lập pháp thời gian tới đó là: Tiếp tục tăng cường năng lực và nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội, bảo đảm tốt hơn tính dân chủ, pháp chế, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật. Đổi mới cách thức xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo hướng xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể liên quan, lựa chọn các dự án luật đã có quá trình chuẩn bị tương đối kỹ, có khả năng thực tế để triển khai tiếp các bước trong quy trình. Quán triệt, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và phân tích, nắm chắc yêu cầu thực tiễn cuộc sống để xác định thứ tự ưu tiên các lĩnh vực, dự án luật trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm và cả nhiệm kỳ. Nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để đến năm 2020 nước ta có đủ các đạo luật cơ bản điều chỉnh các quan hệ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. (Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII). Để cụ thể hóa Hiến pháp mới về chức năng nhiệm vụ của Quốc hội, nhiệm vụ đầu tiên trong hoạt động lập pháp của Quốc hội là cần phải nhanh chóng sửa đổi Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 (sửa đổi bổ sung năm 2007). Nhiều quy định của Luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, UBTVQH, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội còn chung chung, trùng lặp hoặc chưa thống nhất với các luật khác; nhiều quy định chưa có văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nên chưa được thực thi hoặc tính khả thi còn thấp như việc tổ chức trưng cầu ý dân, việc

trình dự án luật, kiến nghị về luật của đại biểu Quốc hội, việc đưa ra đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng, vấn đề bỏ phiếu tín nhiệm... Tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội tuy có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng lên nhưng còn một số hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Từ năm 2001 đến nay, trong quá trình tổ chức và hoạt động, Quốc hội luôn có những đổi mới, cải tiến về phương thức, chế độ làm việc theo hướng phát huy dân chủ, tăng tính chủ động, sáng tạo, phối hợp giữa các cơ quan hữu quan. Những đổi mới, cải tiến này được thực tiễn chứng minh là đúng nhưng chưa được ghi nhận trong Luật mà chỉ thể hiện trong nội quy, quy chế, Nghị quyết của Quốc hội.

Để quyền con người tiếp tục được bảo vệ và thúc đẩy trong thời kỳ mới, hoạt động lập pháp của Quốc hội cần được đẩy mạnh, cụ thể là:

Một là, đẩy mạnh hoạt động lập pháp bảo đảm các quyền và tự do, dân chủ của công dân trên lĩnh vực dân sự, chính trị

Ngay từ bây giờ, Quốc hội cũng như các thiết chế nhà nước khác cần nghiên cứu, rà soát hệ thống pháp luật hiện hành nhằm khắc phục những khiếm khuyết, bất cập, rào cản việc thực hiện quyền dân sự và chính trị của công dân, thể chế hóa các quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trên lĩnh vực dân sự, chính trị đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và tiếp tục nội luật hóa các quy định của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966.

- Đối với các quyền tự do về dân sự:

Các quyền tự do dân sự được quy định trong Công ước quốc tế, trong Hiến pháp và pháp luật Việt nam, có đặc điểm chung là thuộc về nhân thân, gắn liền với mỗi cá nhân con người cụ thể, chỉ cá nhân mới thực hiện được và không thể chuyển giao cho người khác.

+ Bảo đảm quyền được sống: *"Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật"* [18, Điều 19]. Quy phạm này thể hiện tinh thần của Điều 6 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 hiện đã giảm hình phạt tử hình từ 44 tội danh xuống còn 29 tội danh. Tuy nhiên,

cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi theo hướng giảm các tội danh có hình phạt tử hình, phù hợp với xu hướng quốc tế. Từ ngày 1/7/2011, Việt Nam bắt đầu áp dụng hình thức thi hành án tử hình mới: Tiêm thuốc độc. Đây là một vấn đề mới đối với nước ta và kể cả đối với nhiều nước trên thế giới. Quốc hội, Chính phủ, Bộ Công an và các bộ, ngành cần ban hành các văn bản pháp luật để quy định rõ cách thức tiêm thuốc độc trong thi hành án tử hình. Cần quy định rõ chủ thể tiến hành tiêm thuốc độc, các loại thuốc độc dùng để tiêm, trình tự tiêm, cách thức xác định cái chết của tử tội, v.v...

+ Để bảo đảm quyền tự do, không bị giam giữ, xét xử oan sai, bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình, trước hết Việt Nam cần sớm phê chuẩn và thực thi Công ước chống tra tấn và những hình thức đối xử hay trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ nhục (CAT) sau khi đã tiến hành ký vào ngày 7/11/2013.

Suốt quá trình điều tra, xét xử, sự có mặt của luật sư là không thể thiếu được và cần có quy định đảm bảo cho hoạt động của luật sư được thuận lợi, tránh trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng gây nhiều khó khăn, trở ngại cho luật sư. Ví dụ như: sớm bãi bỏ quy định về việc ở mỗi giai đoạn tố tụng, luật sư cần được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa, bảo vệ; luật sư có tiếng nói ngay khi cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung bị can.v.v... Cần xử lý thật nghiêm khắc, công minh đối với những cán bộ, người thi hành công vụ vi phạm pháp luật trong quá trình tố tụng, gây hậu quả nghiêm trọng như làm chết bị can bị cáo, gây tổn thương thể chất, tinh thần cho bị can bị cáo.v.v...

Cần áp dụng triệt để nguyên tắc suy đoán vô tội theo Điều 31 Hiến pháp năm 2013. Ở giai đoạn trước khi bản án do Tòa án tuyên có hiệu lực pháp luật thì bị can, bị cáo phải được đối xử như một người vô tội, nghĩa là phải bảo đảm cho họ tất cả các quyền và lợi ích hợp pháp như một người ngoại phạm, chỉ hạn chế một số quyền như quyền tự do đi lại, cư trú để bảo đảm điều tra. Trước đây, các bị cáo khi ra trước vành móng ngựa, dù bị tạm giam hay không, đều xuất hiện với "trang phục tù" là bộ đồng phục trại giam sọc trắng đen. Với bộ quần áo này, xã hội mặc nhiên nhìn bị cáo với con mắt của một tù nhân, dù có thể ngay tại tòa bị cáo được tuyên vô tội. Trong quá trình cải cách tư pháp, năm 2004, UBTVQH ra Nghị quyết số

743, có hiệu lực từ 29-1-2005, quy định: "*Tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự, bị cáo là người được tại ngoại và bị cáo là người đang bị tạm giam được sử dụng thường phục, nhưng phải bảo đảm sự trang nghiêm...*" [41].

Nghiên cứu hoàn thiện các quy định bảo đảm quyền của luật sư bào chữa tại phiên tòa, tiến tới hoạt động tố tụng tranh tụng như xu hướng tư pháp của thế giới. Sửa đổi Luật Tổ chức TAND theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập của hệ thống tòa án với các cơ quan lập pháp và hành pháp; kéo dài nhiệm kỳ thẩm phán và đảm bảo trả lương xứng đáng cho các thẩm phán; sửa đổi Bộ luật Tố tụng Hình sự và các luật về tố tụng khác cho phù hợp với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và tiếp thu những thực hành tốt về xét xử công bằng.

Bên cạnh đó, đối với việc khắc phục hậu quả giam giữ, xét xử oan sai, cần hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị oan sai: cụ thể là sửa đổi Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009, theo hướng làm rõ thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; kinh phí bồi thường và trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án.

Một số nội dung khác của Bộ Luật Hình sự cần tiếp tục được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường tính nhân đạo, bảo vệ tốt hơn các quyền con người và hài hòa các quy định của Bộ Luật Hình sự với các quy định của các điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm mà Việt Nam là thành viên, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Các lĩnh vực cụ thể bao gồm: giảm phạm vi áp dụng hình phạt tù và mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không giam giữ, chủ yếu áp dụng hình phạt tù đối với các tội phạm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; điều chỉnh các chế định loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn giảm hình phạt, xóa án tích, phi hình sự hóa một số hành vi phạm tội không còn tính nguy hiểm cho xã hội; sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt đối với người chưa thành niên, mở rộng điều kiện tha tù trước thời hạn với các đối tượng này. Hiện tại, Việt Nam cũng đang xem xét sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2003 theo hướng đảm bảo tốt hơn các quyền của người dân trong các hoạt động tố tụng hình sự.

+ Quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, quyền của dân tộc thiểu số là những vấn đề nhạy cảm không kém so với việc bắt, giam giữ công dân sai trái. Quốc hội cần hệ thống hóa lại các văn bản hiện nay về lĩnh vực này, từ đó, soạn thảo và ban hành thống nhất Luật dân tộc và Luật hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; nhằm đảm bảo cho mọi công dân được tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật.

- *Các quyền tự do dân chủ về chính trị:*

+ Trước tiên, là đảm bảo dân chủ trực tiếp thông qua hoạt động Trưng cầu dân ý: Quốc hội có nhiệm vụ ban hành Luật trưng cầu dân ý, tạo cơ sở pháp lý để nhân dân trực tiếp nói lên suy nghĩ, tâm tư nguyện vọng của mình đối với các quyết sách của nhà nước, các văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành, sau này là cả việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Luật sau khi được ban hành sẽ tránh cách hiểu thiếu sót là trưng cầu dân ý của Quốc hội chỉ là quyết định trưng cầu về một vấn đề, một chủ trương khi xét thấy cần thiết, mà cũng chưa có quy trình, thủ tục, trình tự thực hiện. Luật trưng cầu dân ý cần làm rõ phạm vi những vấn đề để nhân dân quyết định trực tiếp mà không qua cơ quan đại diện, đồng thời nghiên cứu về cách thức tổ chức tiến hành cụ thể việc trưng cầu ý kiến nhân dân.

+ Quốc hội cần phải hoàn thiện các quy định về bầu cử và quyền ứng cử của công dân. Đây thực sự là quyền chính trị rất quan trọng của công dân, từ đó đặt ra yêu cầu nghiên cứu sửa đổi bổ sung Luật bầu cử Quốc hội, Luật bầu cử Hội đồng nhân dân, trong đó xem xét lại cơ chế hiệp thương, giới thiệu đại biểu, cơ chế tranh cử; đồng thời, cũng cần khuyến khích cơ chế tự ứng cử của công dân.

+ Bảo đảm quyền được thông tin: Luật tiếp cận thông tin được soạn thảo từ năm 2008 và sau đó thể hiện cam kết với một số khuyến nghị UPR, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa được thông qua. Các quy định về tiếp cận thông tin nằm rải rác trong các luật và văn bản khác nhau, trong đó việc công khai thông tin không được quy định rõ ràng nhất quán và thiếu chế tài và cơ chế xử lý vi phạm. Ngay cả trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007, một văn bản tương đối chi tiết về những thông tin cần công khai với người dân cũng thiếu chế tài đối với các trường hợp không thực hiện các quy định. Quốc hội cần nhanh chóng ban

hành Luật Tiếp cận thông tin, trong đó quy định rõ các nghĩa vụ đảm bảo việc tiếp cận thông tin, cũng như thực thi đầy đủ quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá thông tin nói chung của các cá nhân và tổ chức theo điều 19 của ICCPR; đồng thời cần sửa đổi Luật Xuất bản, Luật Báo chí và những quy định liên quan để đảm bảo thực thi tự do thông tin của công dân.

+ Trong xã hội dân chủ và văn minh, quyền tự do lập hội và hội họp; tự do biểu tình, quyền đình công...là tất yếu. Quốc hội cần sớm ban hành Luật về Hội và Luật Biểu tình, Luật đình công trong đó quy định chi tiết, cụ thể những nội dung để bảo đảm việc lập hội và hoạt động biểu tình là vì những mục tiêu hợp pháp, vì quyền lợi chính đáng của người dân, người lao động, tránh để những thế lực xấu lợi dụng.

Hai là, đẩy mạnh hoạt động lập pháp đảm bảo các quyền và tự do, dân chủ của công dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa.

Điều 22 và Điều 32 của Hiến pháp năm 2013 quy định những nội dung về nơi ở và quyền có nhà ở của công dân. Vấn đề nhà ở xã hội là vấn đề nóng trong thời gian qua. Quốc hội cần đưa ra chính sách nhà ở toàn diện trong đó có các chương trình nhà ở xã hội để bảo đảm cho nhu cầu của những nhóm thiệt thòi, trong đó có người nghèo thành thị, cũng có thể tiếp cận được nhà ở. Nhà nước cần tích cực thực thi điều 11 Công ước về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR), đảm bảo quyền có mức sống thích đáng cho tất cả người dân, đặc biệt thực thi quyền có nhà ở thích đáng, chú ý đến người nghèo và những nhóm chịu nhiều thiệt thòi.

Quốc hội cần có các quyết sách để đảm bảo các dự án liên quan đến tái định cư người dân được tiến hành trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn quyền con người quốc tế, bao gồm Các nguyên tắc Căn bản và Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Phát triển liên quan đến cưỡng chế và di dời.

+ Quyền lao động của công dân

Cần làm rõ các quyền liên quan đến việc làm như quyền tự do tìm kiếm việc làm, nghề nghiệp, nơi làm việc phù hợp với sở thích, nhu cầu và khả năng; điều kiện làm việc, tiền công, tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, quyền

được đào tạo nâng cao tình độ chuyên môn, nghiệp vụ...; các quyền được đối xử bình đẳng và không phân biệt đối xử trong lao động và việc làm.

Quốc hội cần sửa đổi, bổ sung nhiều quy định trong Bộ luật lao động như: khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu lao động; hoàn thiện chế định pháp lý giải quyết tranh chấp lao động thông qua các cơ chế khác nhau; đồng thời sớm hình thành quy định pháp lý đảm bảo quyền lợi của người lao động khi bị sa thải, mất việc làm hay bị thất nghiệp; quy định cụ thể và nghiên cứu có chiều sâu để Quỹ trợ cấp thất nghiệp hoạt động có hiệu quả, tránh tiêu cực...

Quốc hội sớm nghiên cứu sửa đổi Luật công đoàn, đảm bảo tổ chức công đoàn thực sự là chỗ dựa vững chắc bảo vệ quyền và các lợi ích hợp pháp của người lao động, tránh hoạt động hình thức. Quốc hội cần có cơ chế đảm bảo thực thi các hình thức thương thảo tập thể, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Việt Nam cần nhanh chóng gia nhập Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền của người lao động di trú và thành viên gia đình họ (CMW) và các Công ước quan trọng khác về lao động di trú để đảm bảo lao động ở nước ngoài được bảo vệ về pháp lý và thực tiễn.

+ Về các quyền giáo dục, quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó, quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa...được quy định tại Điều 39, 40 và 41 Hiến pháp 1992. Nhằm cụ thể hóa Hiến pháp, cần sửa đổi bổ sung Luật phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật giáo dục năm 2005, Luật giáo dục Đại học năm 2013, Luật khoa học và công nghệ năm 2013 theo hướng tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các loại hình giáo dục đảm bảo cho mọi người dân đều có quyền và có cơ hội bình đẳng trong học tập phù hợp với lứa tuổi và khả năng; khuyến khích sự tham gia của xã hội, của cá nhân vào hoạt động nghiên cứu khoa học.

Ba là, đẩy mạnh hoạt động lập pháp bảo đảm quyền lợi của nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội

+ Đối với trẻ em, Quốc hội đã thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004. Tuy nhiên cần có những quy phạm rõ hơn trong Luật cũng như các văn bản hướng dẫn về vấn đề bỏ rơi và sao nhãng trẻ em. Nhà nước cần thực thi

đầy đủ các khuyến nghị của Ủy ban CRC; nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em; thiết lập một cơ sở dữ liệu quốc gia về trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi và trẻ vô gia cư; và tạo một cơ chế pháp lý phù hợp cho sự tham gia hiệu quả của các tổ chức quan tâm tới trẻ em và quyền trẻ em trong việc giám sát và vận động cho quyền trẻ em. Việc tăng cường hoạt động lập pháp trên lĩnh vực này đòi hỏi trước hết là hoàn thiện pháp luật về bảo vệ trẻ em trên tất cả các lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự, lao động, hôn nhân và gia đình cho phù hợp với Công ước quốc tế và quyền trẻ em.

+ Đối với phụ nữ, hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ đòi hỏi tất cả các quy định của pháp luật phải đảm bảo nguyên tắc không phân biệt đối xử và nguyên tắc bình đẳng giới trong các lĩnh vực lao động, việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, hôn nhân và gia đình, đất đai... Nhà nước cần thực hiện đầy đủ các khuyến nghị UPR và các khuyến nghị của các Ủy ban công ước khác, đặc biệt là của Ủy ban CEDAW, trong đó có việc thực hiện bình đẳng về tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ; tiến hành những biện pháp cụ thể để tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia chính trị ở mọi cấp... Hoàn thiện các quy định pháp luật đảm bảo tăng cường vai trò của Hội phụ nữ Việt Nam trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền của phụ nữ trong đời sống kinh tế xã hội.

+ Đối với người khuyết tật: Việt Nam đã ký Công ước về Quyền của Người khuyết tật (CRPD) vào tháng 10/2007, và chấp thuận 9 khuyến nghị UPR liên quan đến người khuyết tật, nhưng đến nay vẫn chưa phê chuẩn và chưa có lộ trình công khai cam kết việc trở thành thành viên Công ước. Do đó, cần xúc tiến nhanh việc phê chuẩn Công ước về Quyền của Người khuyết tật. Quyền được trợ giúp pháp lý của người khuyết tật đã được chi tiết hóa tại Nghị định số 14/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 5/2/2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/1/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, người khuyết tật lại ít tiếp cận được trợ giúp pháp lý trong các hoạt động tố tụng như thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hoặc hành vi hành chính, và trong tố tụng hình sự. Quốc hội

cần xây dựng những văn bản nhằm đảm bảo quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý của người khuyết tật trong hoạt động tư pháp.

+ Đối với người dân tộc thiểu số: Quốc hội cần thông qua Luật chống phân biệt đối xử, trong đó có quy định cấm mọi hình thức phân biệt đối xử dựa trên bất kỳ lý do nào. Nhà nước cần tích cực thực thi các khuyến nghị của Chuyên gia độc lập của Liên Hợp Quốc về các vấn đề thiểu số, bao gồm việc thực hiện các chương trình xây dựng năng lực cho các cán bộ công chức, đặc biệt là những người làm việc với các dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương, và nâng cao nhận thức chung trong công chúng cũng như trong hệ thống trường học về tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc khác nhau.

+ Đối với giới LGBT: Quốc hội cần ban hành Luật chống phân biệt đối xử để đảm bảo quyền bình đẳng của tất cả mọi người, bao gồm những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác biệt; cần tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo quyền bình đẳng của người LGBT trên nguyên tắc và trong thực tiễn, đặc biệt thông qua việc áp dụng các Nguyên tắc Yogyakarta làm hướng dẫn thực thi chính sách để áp dụng các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế về xu hướng tính dục và bản dạng giới; cần phổ biến thông tin, vận động, giáo dục công chúng và nâng cao năng lực cho công chức, viên chức để thực thi những nghĩa vụ trên. Đồng thời, cần công nhận quyền nhân thân của mọi người, bất kể bản dạng giới hay biểu đạt về giới của cộng đồng LGBT, đây là một nội dung quyền con người rất quan trọng tuy nhiên ở Việt Nam vẫn còn khá sơ khai và chưa được thừa nhận rộng rãi.

Bốn là, hoạt động lập pháp của Quốc hội phải phù hợp với các Công ước quốc tế về quyền con người mà Nhà nước tham gia ký kết, phê chuẩn hay gia nhập

Quyền con người đã chính thức được đặt trên nền tảng quốc tế, bên cạnh pháp luật quốc gia điều chỉnh, quyền con người còn thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật quốc tế. Tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người, Việt Nam ý thức sâu sắc đó là sự cam kết chính trị pháp lý của Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ nhân quyền trước cộng đồng quốc tế. Cả trong các văn kiện của Đảng cộng sản Việt Nam cũng như pháp luật của Nhà nước đều thể hiện rõ sự tự nguyện cam kết thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ điều ước quốc tế mà Việt Nam là một bên tham gia.

Thực tiễn ở nước ta cho thấy các quy định quốc tế về quyền con người mà Việt Nam tham gia khó có thể được thực thi trong phạm vi lãnh thổ, nếu như không có quá trình "nội luật hóa" quy phạm luật quốc tế thành pháp luật quốc gia. Do đó, việc rà soát văn bản pháp luật hiện hành để kịp thời bổ sung, sửa đổi các quy định pháp luật trong nước cho phù hợp với quy định quốc tế hay ban hành văn bản pháp luật là việc làm hết sức quan trọng. Điều đó, đòi hỏi nâng cao vai trò lập pháp của Quốc hội, đó là yêu cầu mang tính chất quyết định để đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế về quyền con người.

3.2.2. Cải thiện việc thực hiện chức năng "Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước" của Quốc hội

Mỗi quyết định của Quốc hội đều có tầm quan trọng đặc biệt, đều có liên quan, ảnh hưởng đến quyền con người. Vì vậy, sự thận trọng, dân chủ trước khi đi đến các quyết định của Quốc hội có ý nghĩa to lớn. Các quyết định của Quốc hội thay mặt nhân dân phải sáng suốt, bảo đảm sự hài hòa giữa các lợi ích; lợi ích cá nhân với cộng đồng, lợi ích của các cộng đồng dân tộc với nhau cũng như lợi ích của Nhà nước nói chung. Trong Báo cáo tổng kết hoạt động của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011), Quốc hội đưa ra những giải pháp chính như sau:

Đề cao hơn nữa trách nhiệm và nâng cao chất lượng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nhất là các vấn đề về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, tổ chức và nhân sự bộ máy nhà nước, bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Xác định rõ trách nhiệm của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban trong công tác thẩm định công trình dự án, đề án. Chú trọng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và các điều kiện đảm bảo để Quốc hội xem xét, quyết định [28].

Trên tinh thần đó, hoạt động của Quốc hội đối với các vấn đề quan trọng của đất nước đảm bảo quyền con người cần phải đáp ứng những đòi hỏi sau:

Một là, các quyết định của Quốc hội đối với những vấn đề quan trọng của đất nước phải đảm bảo dân chủ và chú ý vấn đề quyền con người

Muốn bảo đảm được quyền con người, trước hết, mỗi quyết định của Quốc hội phải tính đến đầy đủ các nhóm lợi ích khác nhau, đặc biệt là những quyết định chính sách phát triển kinh tế vùng, miền; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo...Điều này còn đặc biệt quan trọng khi quyết định các vấn đề có nội dung ảnh hưởng đến quyền con người như quyết định vấn đề chiến tranh hay hòa bình, tình trạng khẩn cấp, quyết định các công trình quốc gia quan trọng...Đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân, như phải di chuyển dân và có tác động xấu về môi trường, sinh thái, trước năm 1997, vấn đề này do Chính phủ tự quyết định. Hiện nay, việc giao quyền cho Quốc hội quyết định đã thể hiện rõ hơn tính trách nhiệm của Quốc hội đối với cuộc sống của nhân dân. Vấn đề đặt ra là khi quyết định thực hiện các dự án, công trình vì lợi ích của số đông, vẫn giải quyết được quyền lợi của bộ phận dân cư, nên cần phải có sự thận trọng, đặt yếu tố đảm bảo quyền con người lên trên hết.

Hai là, hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định về các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội

- Bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Quốc hội trong Luật tổ chức Quốc hội sửa đổi thời gian tới theo hướng bao quát đủ các nội dung thuộc phạm vi các vấn đề quan trọng của đất nước.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Quốc hội theo hướng đề cao hơn nữa nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội, nhất là cơ quan chủ trì thẩm tra dự thảo Nghị quyết có quyền xem xét, quyết định về việc đưa dự án, dự thảo ra trình Quốc hội. Quy định thêm thẩm quyền cho các cơ quan của Quốc hội trong tổ chức thảo luận, điều trần để khi cần thiết có thể có hình thức đánh giá thích hợp đối với cơ quan trình báo cáo để hoạt động giám sát mang lại hiệu quả.

- Cần quy định đầy đủ về các nội dung thuộc phạm vi các vấn đề quan trọng của đất nước vào quy trình Quốc hội xem xét, quyết định trong Luật tổ chức Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội, Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Cần làm rõ những nội dung cần trình Quốc hội xem xét, quyết định tại một hay hai kỳ họp Quốc hội.

- Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung nhiệm vụ quyền hạn: "*Quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách TW và ngân sách địa phương, quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ*" [18, Điều 70]. Với quy định này, trách nhiệm của Quốc hội được tăng cường trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, mở đường cho việc sửa đổi toàn diện Luật ngân sách nhà nước theo hướng khắc phục những tồn tại của Luật ngân sách nhà nước hiện hành để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước, tạo động lực phát triển các nguồn lực, phân bổ ngân sách một cách hợp lý, bảo đảm công bằng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng đất nước; ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia, tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội. Làm rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội, UBTWQH, Chính phủ; tăng cường quyền hạn của các bộ, ngành trung ương, HĐND, UBND các cấp và đơn vị sử dụng ngân sách trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Ba là, xây dựng quy trình, thủ tục chặt chẽ về nội dung và hình thức trong hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước về kinh tế - xã hội, nhất là các vấn đề có nội dung ảnh hưởng, chứa đựng quy phạm về quyền con người

Việc đảm bảo quyền con người trong mỗi quyết định của Quốc hội còn đòi hỏi tùy theo nội dung vấn đề mà có quy trình phù hợp. Thực tế thì những quan hệ xã hội được quy định bằng hình thức văn bản luật, pháp lệnh đã có quy trình thống nhất, nhưng đối với những vấn đề quan trọng của đất nước được Quốc hội, UBTWQH quyết định thể hiện bằng hình thức văn bản Nghị quyết lại chưa có quy trình cũng như hình thức thể hiện văn bản phù hợp với nội dung của vấn đề. Thực tế cho thấy nhiều Nghị quyết của Quốc hội mang tính văn bản quy phạm pháp luật, nhưng cũng có nhiều Nghị quyết không mang tính quy phạm. Chính vì vậy, hoàn thiện quy trình Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt đối với những vấn đề Quốc hội, UBTWQH quyết định có ảnh hưởng đến quyền con người và chứa đựng quy phạm pháp luật về quyền con người.

Đối với lĩnh vực kinh tế, ngân sách, tại kỳ họp Quốc hội chỉ nên thảo luận, quyết định những vấn đề trọng yếu mang tính chiến lược như mục tiêu tổng quát, một số chỉ tiêu quan trọng, một số giải pháp chính trong kế hoạch phát triển kinh tế

- xã hội, ngân sách dài hạn, trung hạn, vấn đề cân đối ngân sách, nguồn bù đắp bội chi ngân sách. Những vấn đề tài chính - ngân sách mang tầm địa phương hoặc thuộc công việc quản lý, điều hành hàng ngày thì nên thảo luận, chất vấn ở cấp các cơ quan của Quốc hội. Bên cạnh quy trình chung, phải làm rõ hơn trình tự, thủ tục từ khi soạn thảo, đến khi thảo luận và thông qua các quyết định tại kỳ họp của Quốc hội, UBTVQH. Chẳng hạn việc quyết định các dự án, công trình quan trọng của quốc gia phải theo một trình tự, thủ tục nhất định khác với quyết định chiến tranh, hòa bình, quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo...

Cần có sự phân biệt nội dung vấn đề để lựa chọn hình thức văn bản thể hiện phù hợp đặc biệt những vấn đề có nội dung thể hiện, chứa đựng quy phạm pháp luật về quyền con người. Nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH cũng là văn bản quy phạm pháp luật và trên thực tế nhiều Nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH điều chỉnh quan hệ xã hội có liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Do vậy, cần đổi hình thức văn bản là hình thức văn bản luật, không phải là Nghị quyết.

Quốc hội cần bố trí hợp lý quỹ thời gian cho các đại biểu Quốc hội, các cơ quan Quốc hội nghiên cứu và chuẩn bị về các nội dung thảo luận tại phiên họp toàn thể; trình tự, thủ tục tiến hành các phiên họp toàn thể được tổ chức theo đúng yêu cầu của Luật tổ chức Quốc hội và phải có các quy định về chế tài kỷ luật đối với đại biểu có vi phạm.

Bốn là, bảo đảm hiệu lực thực thi các quyết định quan trọng của Quốc hội

Nghiên cứu đổi mới hình thức thể hiện các quyết định của Quốc hội bằng Nghị quyết, cần xây dựng Nghị quyết theo hướng quy phạm hoá, lượng hoá các quyết định của Quốc hội để nâng cao giá trị và tính pháp lý, loại bỏ cách thể hiện Nghị quyết theo cách nêu chủ trương, khẩu hiệu hay chỉ thể hiện thái độ chung chung của Quốc hội (Ví dụ như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và năm năm phải được thông qua dưới hình thức Nghị quyết có giá trị pháp lý như luật). Đồng thời, dựa trên cơ sở phân nhóm các vấn đề quan trọng của đất nước để xây dựng các mẫu Nghị quyết tương ứng. Về lâu dài, cần tiến tới chỉ những vấn đề quyết định về nhân sự và chưa thể ban hành luật thì mới ban hành văn bản dưới dạng Nghị quyết của Quốc hội, các vấn đề còn lại thì nên ban hành luật để đảm bảo

sự thống nhất về hình thức, nâng cao hiệu lực của quyết định và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thẩm tra và thông qua, cùng như triển khai thực hiện.

Tăng cường chức năng giám sát của Quốc hội đối với việc thực thi của các cơ quan đối với các vấn đề quan trọng của đất nước. Hoạt động giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đối với việc thực hiện nội dung của các quyết định chính là để bảo đảm tính hiệu lực của Nghị quyết của Quốc hội về các vấn đề quan trọng của đất nước. Ví dụ trong lĩnh vực ngân sách, sau khi Quốc hội quyết định thông qua dự toán ngân sách hàng năm thì cần phải tổ chức thực hiện và giám sát hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện quyền giám sát, Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể chất vấn và yêu cầu cung cấp thông tin; giám sát theo mục tiêu ngân sách đã đề ra để điều chỉnh dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết và thông qua quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm. Để quyết định dự toán ngân sách và tiếp đó là phê chuẩn quyết toán ngân sách hàng năm, đòi hỏi Quốc hội phải có sự theo dõi, giám sát việc thực hiện triển khai hoạt động tài chính, ngân sách một cách thường xuyên. Qua giám sát, cần phát hiện kịp thời những bất cập trong việc triển khai thực hiện để kịp thời kiến nghị các giải pháp đối với các cơ quan quản lý nhà nước, khắc phục những hạn chế, yếu kém để thực hiện tốt hơn hoặc kiến nghị điều chỉnh các nội dung khi cần thiết.

Năm là, tăng cường hình thức tham vấn lấy ý kiến nhân dân trong việc xây dựng và thực thi các quyết định quan trọng của Nhà nước

Đáp ứng tiêu chí dân chủ và đảm bảo được quyền con người trong mỗi quyết định của Quốc hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền đòi hỏi các quyết định của Quốc hội trước khi thông qua phải được các đại biểu thay mặt nhân dân bàn bạc, thảo luận kỹ lưỡng; phản ánh được ý chí, nguyện vọng thực sự của nhân dân. vì vậy, vấn đề thăm dò dư luận xã hội, thông qua việc đại biểu Quốc hội tiếp công dân, tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp; việc tổng hợp nguyện vọng của nhân dân cả nước và lựa chọn những vấn đề quan trọng đưa ra lấy ý kiến của nhân dân, tiến tới để nhân dân quyết định trực tiếp bằng hình thức trưng cầu dân ý một số vấn đề quan trọng của đất nước có ý nghĩa rất quan trọng trong sinh hoạt dân chủ.

Theo quy định hiện hành thì chỉ có các dự án luật, pháp lệnh mới được lấy ý kiến của nhân dân. Việc thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân vào quá trình xây dựng chính sách và giám sát việc thực hiện chính sách trong các quyết định nhà nước đã được quy định trong một số văn bản qui phạm pháp luật như trong các qui định của luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật (Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Quy chế dân chủ cơ sở...). Tuy nhiên các quy định này vẫn còn chung chung, chưa thật rõ ràng minh bạch và có tính bắt buộc. Vì vậy còn khó khăn trong việc thực hiện tham vấn nhân dân. Việc xây dựng luật về tham vấn ý kiến nhân dân có ý nghĩa rất quan trọng vì sẽ tạo cơ sở pháp lý để cho người dân được nói, được bàn về những vấn đề ảnh hưởng đến cuộc sống của mình, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu nhận được nhiều ý kiến trí tuệ từ các cuộc tham vấn để phục vụ cho việc ban hành các quyết định nhà nước và giám sát thực hiện các quyết định nhà nước đó, đồng thời nhân dân có điều kiện nhận được những phản hồi từ nhà nước và có niềm tin rằng những thông tin họ cung cấp tại các cuộc tham vấn có tác động đến hoạch định chính sách.

3.2.3 Nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động giám sát tối cao

Trước hết, cần sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về nội dung giám sát tối cao của Quốc hội.

Sau khi Hiến pháp năm 2013 đã hiến định hai thiết chế độc lập là Hội đồng Bầu cử Quốc gia và Kiểm toán Nhà nước, đặt ra yêu cầu phải bổ sung nội dung về giám sát tối cao của Quốc hội đối với hai thiết chế mới này trong Luật tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội...

Cần xác định rõ hơn phạm vi, đối tượng chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội; thẩm quyền giám sát của các chủ thể; hình thức, cách thức, trình tự, thủ tục tiến hành giám sát, hậu quả pháp lý sau giám sát.

Cần có những quy định cụ thể nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp UBTVQH, bảo đảm phát huy mạnh mẽ dân chủ, tăng tính tranh luận, đi sâu phân tích làm rõ vấn đề. Trong giám sát theo chuyên đề cần chú trọng hơn nữa về chiều sâu và vấn đề hậu giám sát.

Tiếp tục mở rộng tổ chức hoạt động giải trình tại Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; nghiên cứu giao quyền chất vấn cho Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Đổi mới, phát huy hiệu lực của công tác chất vấn và trả lời chất vấn

Nâng cao hơn chất lượng, hiệu lực, hiệu quả giám sát của Quốc hội. Sửa đổi, bổ sung Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan theo hướng xác định rõ phạm vi, đối tượng chịu sự giám sát của Quốc hội; thẩm quyền giám sát của các chủ thể; hình thức, cách thức, trình tự, thủ tục tiến hành giám sát, hậu quả pháp lý sau giám sát. Tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp UBTVQH, bảo đảm phát huy mạnh mẽ dân chủ, tăng tính tranh luận, đi sâu phân tích làm rõ vấn đề. Trong giám sát theo chuyên đề cần chú trọng hơn nữa về chiều sâu và vấn đề hậu giám sát. Tiếp tục mở rộng tổ chức hoạt động giải trình tại Hội đồng dân tộc và các Ủy ban; nghiên cứu giao quyền chất vấn cho Hội đồng dân tộc và các Ủy ban.

Đẩy mạnh hoạt động giám sát tối cao đối với các cơ quan tư pháp

Tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội đối với cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm quyền con người đòi hỏi cần có sự đổi mới cả về nội dung cũng như hình thức. Quyền con người trong tư pháp hình sự là những quyền tự do không bị bắt, giam giữ, xét xử oan sai; không bị tra tấn, bức cung, nhục hình; được xét xử công bằng; được tôn trọng danh dự, nhân phẩm... Đây là những quyền biểu hiện mức độ cao nhất và cũng là tối thiểu của tự do cá nhân; đó cũng là ngưỡng của sự có hay không quyền con người trong một xã hội; đồng thời, cũng là tiêu chí đánh giá bản chất giai cấp của Nhà nước, mức độ hưởng thụ tự do cá nhân. Đối với việc giám sát của Quốc hội trong hoạt động tư pháp, Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị ngày 2/1/2002 cũng nhấn mạnh:

Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, HĐND, của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp. Công tác giám sát của Quốc hội, của HĐND đối với các cơ quan tư pháp tập trung vào việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử, thi hành

án và giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tư pháp [33].

Cụ thể nội dung như sau:

Một là, đổi mới việc xem xét, đánh giá về nội dung báo cáo hoạt động của Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng VKSND tối cao trước Quốc hội và UBTVQH. Dưới góc độ xem xét bảo đảm quyền con người, trong các báo cáo phải nêu được các con số cụ thể như hàng năm có bao nhiêu vụ án được thụ lý, số đã giải quyết, số còn tồn đọng; trong đó nêu rõ số vụ án bị khiếu nại và xét xử lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội, đồng thời có sự tổng hợp, thống kê số vụ án bị bắt, tạm giam, tạm giữ oan sai cũng như các vụ án bị xét xử oan sai, đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của những sai lầm đó... VKSND ngoài chức năng thực hành quyền công tố, còn kiểm sát hoạt động giam giữ, cải tạo, bảo đảm chế độ giam giữ phải đúng theo các quy định của pháp luật về quy chế trại giam, nhà tạm giữ. Do vậy, nội dung của báo cáo cần nêu rõ những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động giam giữ, cải tạo đặc biệt đối với các phạm nhân, bởi cải tạo cũng là một trong những khâu mà quyền và nhân phẩm của phạm nhân, người bị tạm giam, tạm giữ dễ bị xâm phạm. Thông qua những nội dung thể hiện trong báo cáo, Quốc hội có cơ sở xem xét trách nhiệm của người đứng đầu, kịp thời sửa đổi, bổ sung những nội dung thuộc về trách nhiệm của Quốc hội.

Hai là, tăng cường công tác giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của TAND tối cao và VKSND tối cao theo một quy trình chặt chẽ trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội. Dưới góc độ quyền con người, tăng cường giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của TAND, VKSND là bảo đảm cho Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, chỉ thị, quyết định thông tư của Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao ban hành phù hợp với các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội và phù hợp với pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH. Văn bản ban hành mang tính hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật phải có quy

định để quyền con người được thực hiện dễ dàng; không được hạn chế việc bảo đảm thực hiện từ phía cá nhân, công dân.

Để bảo đảm tính phù hợp cả về nội dung, hình thức, thẩm quyền ban hành văn bản, nhất là những văn bản có nội dung liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, hạn chế giải quyết hậu quả khi văn bản đã được ban hành, có hiệu lực pháp luật và đã được áp dụng trong thực tế, sự tham gia của cơ quan của Quốc hội, cụ thể là Ủy ban pháp luật ngay từ khâu soạn thảo là rất quan trọng.

Ba là, tăng cường công tác giám sát vụ án cụ thể thông qua việc chất vấn của đại biểu và cử đoàn giám sát tại cơ sở. Việc giám sát các vụ án cụ thể không có nghĩa là Quốc hội can thiệp vào hoạt động của cơ quan tư pháp, Quốc hội làm thay công việc xét xử của Tòa án, mà công tác giám sát ở đây là giám sát những bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật với điều kiện đã có khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền theo luật định nhưng không được giải quyết. Đối với những vụ án có bằng chứng rõ ràng về sự vi phạm trong quá trình tố tụng dẫn đến phán quyết của Tòa án không được khách quan, vô tư, quyền công dân bị vi phạm, công dân và các phương tiện thông tin đại chúng đã nêu nhưng không được cơ quan hữu quan giải quyết, thì có thể đưa ra chất vấn tại phiên họp của Quốc hội hay UBTVQH.

Đẩy mạnh hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân nhằm bảo đảm quyền con người thông qua thực hiện quyền giám sát tối cao.

Khiếu nại, tố cáo của công dân trong những năm gần đây trở thành vấn đề cực kỳ bức xúc. Nội dung của khiếu nại, tố cáo rất đa dạng, phong phú, nhưng nhìn chung khiếu nại, tố cáo đều cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bị xâm phạm. Quốc hội phải có cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân một cách nhanh chóng với tinh thần trách nhiệm cao. Do tính chất quan trọng của vấn đề, pháp luật đề cao vai trò của Quốc hội trong việc giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Để tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của công tác giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi tới Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cần có những biện pháp sau:

Một là, có cơ chế tiếp nhận, xử lý, đôn đốc và giám sát các cơ quan hữu quan giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân nhanh chóng. Hiệu quả trong hoạt

động giám sát của Quốc hội đối với việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân phải được tính bằng số vụ việc cụ thể mà Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội giải quyết. Quốc hội mặc dù không trực tiếp ra những phán quyết mang tính chất khẳng định đúng hay sai, mà khi nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo thì khâu đầu tiên là nghiên cứu rồi chuyển khiếu nại, tố cáo đến cơ quan tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo pháp luật. Nhưng thực tiễn cho thấy có nhiều trường hợp công dân gửi đơn thư đến Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đề nghị giải quyết nghĩa là công dân đã gửi đến các cơ quan khác có thẩm quyền giải quyết nhưng họ không giải quyết dứt điểm, có lý có tình. Do vậy, vấn đề cấp bách đặt ra là có cơ chế tiếp nhận, xử lý, đôn đốc và giám sát các cơ quan hữu quan nhằm bảo đảm việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện nhanh chóng và dứt điểm. Cần có sự phân loại đơn thư để có cách giải quyết phù hợp, như đơn thư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước; lĩnh vực hành chính; lĩnh vực tư pháp...để từ đó có phương thức phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất khi thực hiện quyền giám sát giải quyết. Đôn đốc, giám sát giải quyết cụ thể từng đơn thư của công dân là tối quan trọng để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động giám sát, qua đó thể hiện rõ tính trách nhiệm của Quốc hội trước nhân dân. Kết quả của giám sát trong trường hợp phát hiện có sự vi phạm nghiêm trọng làm thiệt hại quyền và lợi ích của Nhà nước cũng như lợi ích hợp pháp của công dân, bên cạnh việc buộc phải khôi phục quyền lợi của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân là việc làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền.

Hai là, xây dựng cơ chế thích hợp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Theo Luật khiếu nại, tố cáo, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đều có thẩm quyền giám sát việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân. Theo Điều 85 Luật khiếu nại tố cáo, Quốc hội giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo thông qua việc xem xét báo cáo hàng năm của Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao tại kỳ họp cuối năm; UBTVQH giám sát thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo thông qua việc xem xét báo cáo của Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao; thành lập đoàn giám sát cơ sở. Điều 86 quy định nhiệm vụ quyền

hạn của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo... Như vậy, trong cơ chế của Quốc hội hiện nay, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các cơ quan của Quốc hội. Điều này không tránh khỏi dẫn đến một thực tế là có sự chồng chéo, vì chưa đưa về đầu mối chung. Vì vậy, xây dựng cơ chế thích hợp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội để tiếp nhận, xử lý, theo dõi, đôn đốc và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân nói chung gửi tới không chỉ Quốc hội, UBTVQH mà cả Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là cần thiết để bảo đảm tính tập trung về một đầu mối với chức năng, thẩm quyền độc lập trong sự phối hợp với các cơ quan chuyên môn sẽ bảo đảm tính hiệu quả không chỉ nhanh về mặt thời gian, mà còn tránh sự chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

Nâng cao hiệu quả của công tác dân nguyện của Quốc hội nói chung và của Ban dân nguyện trong thời gian tới.

Để từng bước giúp Quốc hội thực hiện tốt công tác dân nguyện, trong những nhiệm kỳ tới, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan giúp Quốc hội thực hiện công tác dân nguyện, bảo đảm tính chuyên sâu, tập trung vào một đầu mối; cơ quan đó phải có địa vị pháp lý phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và đòi hỏi của thực tiễn; cụ thể là cần thành lập Ủy ban dân nguyện của Quốc hội trên cơ sở nâng cấp Ban dân nguyện của UBTVQH, để Ủy ban này giúp Quốc hội thực hiện công tác dân nguyện. UBTVQH cần tăng cường chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội phối hợp chặt chẽ với Ban dân nguyện trong các mặt công tác có liên quan, nhất là công tác tiếp dân trong các kỳ họp Quốc hội. Trong khi chưa thành lập Ủy ban dân nguyện của Quốc hội thì UBTVQH cần tăng cường chỉ đạo và tạo điều kiện để Ban dân nguyện có thể chủ động thực hiện các hoạt động giám sát. Qua việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo cụ thể như đã nêu trên đây cho thấy, trong nhiều trường hợp công tác giám sát việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo cụ thể thì không nhất thiết phải thành lập đoàn giám sát theo quy định của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, mà vẫn đảm bảo được hiệu quả thiết thực. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật hoạt động giám sát của Quốc hội để hoạt

động giám sát việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo cụ thể được linh hoạt hơn, đồng thời tiết kiệm được thời gian, nhân lực mà vẫn đạt yêu cầu đề ra.

3.2.4. Tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan của Quốc hội

Trong điều kiện Quốc hội nước ta không họp được thường xuyên, chưa phải là Quốc hội chuyên nghiệp và chưa có cơ quan chuyên trách về quyền con người thì UBTVQH, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có vị trí, vai trò quan trọng và khi xét đến bảo đảm quyền con người cần phải xem xét đến hoạt động của các cơ quan này.

**** Ủy ban thường vụ Quốc hội***

Theo Hiến pháp năm 2013, "*UBTVQH là cơ quan thường trực của Quốc hội giữa hai kỳ họp*" [18, Điều 73]. Đảm bảo quyền con người trong hoạt động của UBTVQH thông qua việc thực hiện chức năng ủy quyền của Quốc hội, đó là chức năng lập pháp ủy quyền, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước do Quốc hội quy định và thực hiện quyền giám sát, mà chủ yếu là tăng cường hiệu lực và hiệu quả trong việc giám sát nói chung, đặc biệt tập trung giám sát hoạt động tư pháp và giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân: Giám sát là một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của UBTVQH được quy định tại Điều 91 Hiến pháp năm 1992, khác với hoạt động giám sát của Quốc hội được tiến hành tại các kỳ họp, giám sát của UBTVQH là hoạt động giám sát thường xuyên.

**** Hội đồng dân tộc***

Theo Điều 26 Luật tổ chức Quốc hội, Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Hội đồng dân tộc có thẩm quyền thẩm tra dự án luật, pháp lệnh liên quan đến vấn đề dân tộc. Với thẩm quyền này, hoạt động của Hội đồng dân tộc đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, bảo vệ quyền của các dân tộc, đặc biệt là quyền bình đẳng trong chính sách và hưởng thụ quyền con người của các dân tộc thiểu số. Tăng cường vai trò của Hội đồng dân tộc trong việc bảo đảm quyền con người, đòi hỏi khâu thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh cũng như trong hoạt động giám sát của Hội đồng phải bảo đảm thực hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước về chính sách dân tộc, về sự ưu tiên, bình đẳng và đảm

bảo sự phù hợp các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề dân tộc với cá quy định của quốc tế về quyền của các dân tộc thiểu số.

*** Các Ủy ban của Quốc hội**

- Ủy ban pháp luật: *"Tăng cường vai trò của Ủy ban pháp luật cũng đòi hỏi ngay từ khâu thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật là rất quan trọng"* [26]. Văn bản thuộc lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính có ảnh hưởng nhiều nhất đến quyền lợi của công dân, nên ngay từ khâu thẩm tra đòi hỏi phải rất thận trọng, chính xác, bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế, tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật nói chung.

- Ủy ban tư pháp: Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, cải cách tư pháp, phúc đáp yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XII, căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Quốc hội đã thành lập Ủy ban tư pháp để tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả, tính đúng đắn và tuân thủ pháp luật trong hoạt động của các cơ quan này; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Trong thời gian tới, hoạt động giám sát của Ủy ban cần tránh dàn trải, đi vào chiều sâu; lập chương trình kế hoạch và xác định nội dung giám sát việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; tổ chức giám sát các vụ tham nhũng cụ thể và việc tuân thủ pháp luật trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng của các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là đối với những vụ án mà dư luận quần chúng nhân dân còn bức xúc, chưa đồng tình với việc giải quyết của các cơ quan tiến hành tố tụng; đẩy mạnh công tác phối hợp với các cơ quan chuyên trách phòng chống tham nhũng để nắm bắt thông tin, tiến hành giám sát. *"Tập trung giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, của TAND tối cao, VKSND tối cao thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách"* [27].

- Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng: Theo Điều 30 Luật tổ chức Quốc hội, hoạt động của Ủy ban có nhiều liên quan đến bảo đảm các quyền con người trên lĩnh vực văn hóa giáo dục, quyền của trẻ em. Tăng cường vai trò của Ủy ban trong việc đảm bảo quyền con người chính là việc thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh có liên quan đến quyền về văn hóa, quyền giáo dục, đặc biệt quyền trẻ em được ghi nhận trong các điều ước quốc tế. Một mặt, việc thẩm tra đòi hỏi các dự án luật, pháp lệnh phải phù hợp với thực tế khách quan của nền kinh tế; mặt khác, phải phù hợp với chuẩn mực liên quan đến quyền con người của trẻ em.

- Ủy ban các vấn đề xã hội: hoạt động của Ủy ban liên quan đến bảo đảm các quyền con người về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền bình đẳng của phụ nữ. Hoạt động của Ủy ban phải đảm bảo được quyền lợi của người lao động, đó là chính sách việc làm, chính sách trợ cấp xã hội, bảo hiểm xã hội, chính sách ưu tiên của Đảng, Nhà nước đối với những gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng và quyền lợi của phụ nữ.

- Ủy ban kinh tế và ngân sách: có quyền thẩm tra dự án luật, pháp lệnh thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, hoạt động kinh doanh, ngân sách, tài chính, tiền tệ, đòi hỏi luật, pháp lệnh cũng như các chương trình kinh tế, xã hội của Chính phủ phải đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm và tính cân đối giữa các vùng, miền của đất nước, bảo đảm ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn khác.

- Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường: Điều 32 Luật tổ chức Quốc hội, được giao nhiệm vụ thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường sinh thái. Với thẩm quyền này, hoạt động của Ủy ban liên quan đến bảo đảm các quyền con người trên lĩnh vực môi trường, quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả...

- Ủy ban đối ngoại: có nghĩa vụ thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực hoạt động đối ngoại của Nhà nước. Tăng cường vai trò của Ủy ban trong việc bảo đảm quyền con người, thông qua hoạt động đối ngoại để gắn kết, truyền tải, chia sẻ quan điểm của Đảng, Nhà nước về quyền con người với bạn bè quốc tế; đặc biệt trao đổi và học hỏi kinh nghiệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động của Nghị viện các nước; góp phần cùng Nghị viện các nước trong khu vực và quốc

tế thúc đẩy những giá trị chung về quyền con người; xây dựng những chuẩn mực, nguyên tắc quyền con người trong khu vực. Kịp thời phê phán bác bỏ những quan điểm sai trái, lợi dụng dân chủ, quyền con người can thiệp công việc nội bộ quốc gia cản trở thành một trong những nội dung cần ưu tiên trong hoạt động của Ủy ban.

*** Đoàn đại biểu Quốc hội**

Đoàn đại biểu Quốc hội là tổ chức đặc thù trong hoạt động của Quốc hội. Đoàn đại biểu Quốc hội không được coi là một cơ quan của Quốc hội, *"các đại biểu Quốc hội được bầu trong một tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW hợp thành Đoàn đại biểu Quốc hội"* [40]. Hiệu quả hoạt động của Quốc hội, bên cạnh được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp của Quốc hội, hoạt động của UBTVQH, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội còn được bảo đảm bằng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội. Qua việc tiếp dân và tiếp xúc cử tri, đại biểu Quốc hội hiểu được tâm tư, ý nguyện của nhân dân để nghiên cứu, đề đạt các chủ trương, biện pháp, chính sách mới và thực hiện quyền lực ủy quyền của nhân dân tại Quốc hội, đảm bảo quyền con người được thực hiện tốt hơn. Đồng thời với việc theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, Đoàn yêu cầu cơ quan hữu quan xem xét đơn thư khiếu nại, tố cáo mà Đoàn chuyển đến. Khi cần thiết có thể tổ chức kiểm tra, giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH và các văn bản pháp quy của Chính phủ, Thủ tướng ở địa phương. Qua đó, Đoàn nghiên cứu, nắm bắt tình hình, thu thập tài liệu, thông tin giúp việc thảo luận và tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước có liên quan đến quyền con người một cách chính xác, đầy đủ và thận trọng.

*** Đại biểu Quốc hội**

Thứ nhất, đại biểu Quốc hội phải liên hệ mật thiết với nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân. Hoạt động của đại biểu Quốc hội là đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do vậy, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của nhân dân địa phương và nhân dân cả nước. Đại biểu Quốc hội phải có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua việc thực hiện các

hoạt động như: chất vấn đối tượng chịu sự giám sát; kiến nghị UBND xem xét trình Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn trong trường hợp cá nhân, cơ quan nhà nước gây thiệt hại cho Nhà nước (Điều 50); tiếp công dân và khi nhận được kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến cho người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người kiến nghị, khiếu nại, tố cáo biết; đồng thời đôn đốc và theo dõi việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Quốc hội về kết quả giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đó trong thời hạn theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và Luật hoạt động giám sát của Quốc hội. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại tố cáo không thỏa đáng, đại biểu Quốc hội có quyền gặp người đứng đầu cơ quan hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại. Như vậy, đại biểu Quốc hội không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân một cách trực tiếp, nhưng có thể yêu cầu, kiến nghị đối với cá nhân, cơ quan có thẩm quyền và đôn đốc, theo dõi quá trình giải quyết. Điều đó đã thể hiện rõ vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thứ hai, bãi nhiệm các đại biểu không được tín nhiệm. Trên thực tế, có những đại biểu đã không còn được tín nhiệm thì cử tri cũng không tự bãi nhiệm được bởi việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội phải do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức để cử tri bỏ phiếu, nhưng pháp luật chưa quy định rõ ràng các thủ tục. Do vậy, "cần quy định trong Luật Bầu cử về trách nhiệm của cơ quan nhà nước, các thủ tục tiến hành việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND khi có yêu cầu xác đáng của cử tri" [29].

Thứ ba, đại biểu Quốc hội phải chuyên trách, không kiêm nhiệm. Đại biểu Quốc hội là một nghề, nên cũng như mọi nghề nghiệp khác, muốn giỏi nghề thì phải có kỹ năng nghề nghiệp. Một trong những nguyên nhân quan trọng của những năm trước đây Quốc hội không hoạt động có hiệu quả là vì hoạt động các đại biểu là kiêm nhiệm. Sự chuyên tâm bao giờ cũng là điều kiện cần thiết cho việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Với tư cách là một chính khách, đại biểu Quốc hội cần phải biết làm việc với cử tri, với các tầng lớp nhân dân khác nhau để lấy ý kiến tâm tư

nguyện vọng của họ. Người đại biểu muốn làm tốt chức năng của mình thì phải xây dựng cho mình một mối quan hệ làm việc bao gồm các quan hệ rộng khắp với những người có chức vụ, các nhà khoa học, các nhà doanh nghiệp, các luật sư...Đó là những người có khả năng nhất cho việc giúp đại biểu nhận biết những vấn đề cần phải quyết định trong các kì họp của Quốc hội, và trong việc thực hiện trách nhiệm của đại biểu giúp đỡ cử tri giải quyết những vướng mắc của họ.

Thứ tư, cần đa dạng hóa thành phần đại biểu Quốc hội. Cùng với việc đề nghị giảm bớt số đại biểu thuộc cơ quan Đảng, Chính phủ, các đại biểu đề nghị cần tăng số lượng đại biểu là người ngoài Đảng. GS Lưu Văn Đạt (nguyên tổng thư ký Hội Luật gia Việt Nam) cho rằng cơ cấu 90% đại biểu là Đảng viên là không hợp lý trong bối cảnh ngoài Đảng có nhiều hiền tài cần phải kêu gọi tham gia Quốc hội. Bên cạnh những đề nghị tăng số lượng đại biểu là người ngoài Đảng, nhiều đại biểu cũng bày tỏ sự ngạc nhiên khi dự kiến cơ cấu không dành tỉ lệ cho đại biểu là những người ứng cử tự do. Cơ cấu này không có số lượng cho đại biểu tự do ứng cử. Nói cách khác là quyền tự do ứng cử của tất cả người dân đã bị loại trừ. Cần phải nhìn nhận người tự ứng cử là người có tâm huyết, có đủ điều kiện tham gia Quốc hội chứ không phải họ là người bất mãn.

3.2.5. Hoàn thiện bộ máy chuyên trách về quyền con người trong tổ chức của Quốc hội

Như đã phân tích ở Chương I, Quốc hội đóng vai trò nổi trội hơn so với các cơ quan nhà nước khác trong việc bảo vệ, thúc đẩy quyền con người. Trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội hiện nay, hầu hết các cơ quan của Quốc hội đều có thẩm quyền bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người thông qua việc thẩm tra các dự án luật, dự án pháp lệnh, và thực hiện quyền giám sát nói chung, trong đó có giám sát bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nhưng quyền con người, quyền công dân có nội dung rộng lớn, bao quát hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, thẩm tra một dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội hay UBTVQH cũng không thể giao cho tất cả các ủy ban chuyên môn để xem xét cả khía cạnh khác nhau của quyền con người. Mặc dù, Ủy ban pháp luật có nhiệm vụ xem xét tính hợp hiến, hợp pháp của các dự án luật, nhưng với số lượng công việc khổng lồ

như hiện nay thì cũng không thể quán xuyến hết tính phù hợp không chỉ các quy định về quyền con người trong Hiến pháp mà còn bảo đảm tính phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người.

Hơn nữa, cũng trong hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ chế giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân cũng bộc lộ những khiếm khuyết nhất định. Trong đó, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đều tham gia giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Điều này không khỏi có sự chồng chéo, đùn đẩy. Mặc dù việc thành lập Ban dân nguyện là cơ quan nhận, xử lý, theo dõi và đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, nhưng cũng chỉ là cơ quan thuộc UBTVQH chứ không phải là cơ quan của Quốc hội. Hàng năm các cá nhân đại biểu Quốc hội nhận được khoảng 28.000 khiếu nại từ phía người dân, trong đó có khoảng 10.000 khiếu nại liên quan đến những vấn đề thuộc về trách nhiệm của các Ủy ban khác nhau của Quốc hội. Ngoài ra, còn có rất nhiều đơn thư khiếu nại gửi đến Chủ tịch Quốc hội, UBTVQH, các Ủy ban của Quốc hội hoặc gửi trực tiếp đến Quốc hội. Trên thực tế, việc giám sát giải quyết khiếu nại tố cáo của Quốc hội mới chỉ dừng lại ở việc chuyển đơn thư đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và nhận báo cáo về việc giải quyết của các cơ quan đó trong vòng 07 ngày kể từ khi họ ra quyết định. Song hầu như chỉ có 20% đến 30% các cơ quan thông báo lại với Ban Dân nguyện về những quyết định mà họ đã đưa ra và Ban Dân nguyện cũng không thông báo với những người khiếu nại về việc các khiếu nại của họ được xử lý như thế nào. Nếu có một thiết chế được thành lập ở Việt Nam với chức năng vừa tiếp nhận vừa giải quyết đơn thư khiếu kiện, vừa tiến hành các hoạt động điều tra sẽ giúp Quốc hội thực hiện tốt nhiệm vụ giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân; bên cạnh đó, thiết chế này sẽ giám sát hữu hiệu trong việc chống tham nhũng, lãng phí và các hình thức vi phạm pháp luật khác của các quan chức Chính phủ, của chính quyền địa phương. Đồng thời, Thanh tra Quốc hội đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và tự do cơ bản cho nhân dân cũng như quyền được hưởng thụ các phúc lợi xã hội. Ngoài ra, Thanh tra Quốc hội được Quốc hội bầu ra từ những người có tiêu chuẩn cao về đạo đức, có kinh nghiệm hoạt

động trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, có uy tín và tâm huyết với nghề nghiệp nên sẽ nâng cao được chất lượng hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Dưới góc độ pháp lý quốc tế, Nhà nước ta đã phê chuẩn, gia nhập một số lượng lớn Công ước quốc tế về quyền con người hoặc có liên quan đến quyền con người, trong số đó, có những công ước đòi hỏi thủ tục báo cáo quốc gia. Nhưng hiện chưa có cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc làm báo cáo theo quy định của công ước, việc làm báo cáo thực hiện công ước không là công việc chuyên môn, mà phải có sự phối kết hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan. Tình hình đó cũng đã gây ra sự không kịp thời và hiệu quả thấp.

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng Hiến pháp năm 2013 các nhà lập hiến đã chưa thể đưa vào những quy định về việc xây dựng một cơ quan quốc gia về quyền con người trong Quốc hội. Vì vậy, người viết kiến nghị ở lần sửa đổi tiếp theo của Hiến pháp, cần phải đưa vào nội dung về Thanh tra Quốc hội, nằm trong một chương riêng về các thiết chế hiến định hiện đại bên cạnh Hội đồng Bầu cử quốc gia và Kiểm toán Nhà nước. Vị thế hiến định sẽ giúp khẳng định và tăng cường vị trí, vai trò của thiết chế quan trọng này trong đời sống chính trị, xã hội của đất nước. Tổ chức, nhiệm vụ của Thanh tra Quốc hội ở Việt Nam cần được hiến định như sau:

- Cơ quan này có trách nhiệm giải trình trước Quốc hội và độc lập với các cơ quan nhà nước khác.

- Cơ quan này gồm những thành viên chủ yếu là những người có trình độ cao về luật, đặc biệt là pháp luật liên quan đến quyền con người, họ là những chuyên gia đầu ngành chuyên nghiên cứu về quyền con người hoặc những người đã từng trong Nhà nước, mà công việc của họ có liên quan đến quyền con người.

- Thanh tra Quốc hội cần có những chức năng, nhiệm vụ quyền hạn sau:

- + Hỗ trợ giáo dục, đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chúng, công chức, viên chức nhà nước về quyền con người, quyền công dân;

- + Tư vấn cho Quốc hội về các vấn đề về quyền con người, quyền công dân, gửi báo cáo tình hình giám sát thực thi quyền con người hàng năm lên Quốc hội;

- + Nghiên cứu, đề xuất với Quốc hội về việc phê chuẩn, gia nhập, tham gia các điều ước và cơ chế quốc tế, khu vực về quyền con người;

+ Nghiên cứu, đề xuất với Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, thông qua các luật, Nghị quyết về quyền con người, quyền công dân;

+ Tiếp nhận, thẩm tra những khiếu nại cho rằng họ bị vi phạm các quyền con người, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp, pháp luật quốc gia hoặc trong các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên;

+ Hỗ trợ các cơ quan nhà nước xây dựng và thẩm định báo cáo định kỳ toàn thể (UPR) và báo cáo quốc gia về việc thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên;

+ Hợp tác với các cơ quan Liên hợp quốc và các cơ chế khu vực, các cơ quan quốc gia về quyền con người ở những quốc gia khác.

- Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức và ngân sách hàng năm của Thanh tra Quốc hội.

Ngoài ngân sách nhà nước, Cơ quan Thanh tra Quốc hội có quyền tiếp nhận các nguồn tài trợ từ các cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài nước để sử dụng cho các hoạt động chuyên môn, theo các thủ tục do luật định.

KẾT LUẬN

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước, tăng cường đoàn kết toàn dân tộc. Tình hình chính trị xã hội ổn định, uy tín và vị thế của nước ta được nâng cao, quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bên cạnh những thuận lợi, đất nước vẫn gặp không ít khó khăn, thách thức, đó là nền kinh tế trình độ thấp; cơ sở hạ tầng còn nhiều bất cập, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng; thiên tai, dịch bệnh xảy ra nhiều nơi. Tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Nguy cơ gây mất ổn định liên quan đến tranh chấp lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên...không còn mơ hồ nữa mà đang hiển hiện.

Trong tình hình đó, vấn đề bảo đảm và thúc đẩy quyền con người được xem là một nhân tố khẳng định tính chất pháp quyền của Nhà nước, vừa là mục tiêu, là yêu cầu đòi hỏi các cơ quan trong bộ máy nhà nước phải chú trọng thực hiện. Với vị trí, tính chất và chức năng do Hiến pháp và luật quy định, so với cơ quan nhà nước khác, Quốc hội có ưu thế và đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền lực nhà nước về bảo đảm quyền con người.

Trong những khóa Quốc hội gần đây, nhiệm vụ bảo đảm quyền con người thông qua hoạt động của Quốc hội có nhiều tích cực.

Thứ nhất, hoạt động lập hiến có những điểm đáng chú ý. Chương "Quyền con người, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân" được đưa lên Chương II trong Hiến pháp năm 2013, đó là một sự thay đổi về nhận thức, thể hiện quan điểm đề cao nhân tố con người của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Hiến pháp mới đã có sự phân biệt "quyền con người" và "quyền công dân", đồng thời quy định quyền con người được hưởng một cách mặc nhiên và Nhà nước phải có trách nhiệm đảm bảo cũng như phải bảo vệ cho những quyền đó. Hiến pháp 2013 lần đầu tiên quy định quyền sống; quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, nghiên cứu và thụ hưởng các kết quả khoa học;

quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền được sống trong môi trường trong lành....

Thứ hai, hoạt động lập pháp tiếp tục được đẩy mạnh, được coi là một trong những chức năng quan trọng nhất, tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm thực hiện quyền con người. Quốc hội đã tập trung vào việc xây dựng các đạo luật với quan điểm ưu tiên các luật về kinh tế và luật bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của con người, của công dân.

Thứ ba, Quốc hội luôn đề cao vai trò, trách nhiệm và nâng cao chất lượng việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân, thảo luận, tranh luận thẳng thắn, để có những quyết sách, những giải pháp phù hợp, đúng đắn, góp phần làm chuyển biến tình hình, bảo đảm ổn định và phát triển.

Thứ tư, hoạt động giám sát được tăng cường, có nhiều đổi mới về cách thức tiến hành, nhất là trong hoạt động chất vấn và giám sát theo chuyên đề. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, một hình thức giám sát trực tiếp và quan trọng của Quốc hội, tiếp tục có những cải tiến mạnh mẽ theo hướng thực chất hơn, tập trung vào các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc nhất, thời sự nhất, phản ánh sát thực những tâm tư, nguyện vọng của cử tri và nhân dân, làm rõ thêm tình hình, sâu sắc thêm nguyên nhân, chỉ ra trách nhiệm và giải pháp nhằm thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội.

Bên cạnh những thành tựu nói trên, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi cần nâng cao hơn nữa hiệu quả bảo đảm quyền con người trong hoạt động thực hiện chức năng của Quốc hội.

Một là, tiếp tục tăng cường năng lực và nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội, bảo đảm tốt hơn tính dân chủ, pháp chế, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật. Quán triệt, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và phân tích, nắm chắc yêu cầu thực tiễn cuộc sống để xác định thứ tự ưu tiên các lĩnh vực, dự án luật trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm và cả nhiệm kỳ. Việc quy định quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, nhất thiết phải do Quốc hội quyết định chứ không giao cho UBTVQH.

Hai là, Quốc hội thực hiện quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước phải bảo đảm dân chủ và quyền con người và các quyết định của Quốc hội phải phản ánh được đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước, thận trọng trước khi quyết định. Nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH có chứa đựng quy phạm pháp luật về quyền con người cần được quy định bằng văn bản luật. Quốc hội cần sớm nghiên cứu ban hành Luật trưng cầu dân ý để đưa các vấn đề quan trọng của đất nước do nhân dân quyết định trực tiếp.

Ba là, hoạt động giám sát tối cao phải đảm bảo nguyên tắc có sự phân công, phân nhiệm, kiểm soát trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan theo hướng xác định rõ phạm vi, đối tượng chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội; thẩm quyền giám sát của các chủ thể. Tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp UBTVQH, bảo đảm phát huy mạnh mẽ dân chủ, tăng tính tranh luận, đi sâu phân tích làm rõ vấn đề. Bên cạnh đó, để giám sát bảo đảm quyền con người, Quốc hội tập trung giám sát hoạt động tư pháp gồm giám sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, giám sát công tác trại giam và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Phát huy vai trò của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội theo hướng nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan này. Thành lập Thanh tra Quốc hội trực thuộc Quốc hội sẽ là một trong những giải pháp tốt, góp phần nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động của Quốc hội đối với việc đảm bảo quyền con người ở nước ta hiện nay cũng như trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Đăng Dung (2001), *Quốc hội Việt Nam trong nhà nước pháp quyền*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao và Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên) (2010), *Giáo trình lý luận và Pháp luật về Quyền con người*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Đại hội đồng Liên hiệp quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948 - Mục tiêu chung của nhân loại*, Nhà xuất bản Lao động - xã hội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Ngọc Đường, Ngô Đức Mạnh (2008), *"Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội"*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Bùi Xuân Đức (8/2012), *"Chế định về Quốc hội trong Hiến pháp 1992: Những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung"*, Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992: *Những vấn đề lý luận & thực tiễn*, tập 1: Những vấn đề chung về hiến pháp và bộ máy nhà nước, Trung tâm thông tin, thư viện & nghiên cứu khoa học - Văn phòng Quốc hội, Khoa luật đại học quốc gia Hà Nội.
7. Lê Cẩm (8/2012), *"Bàn về quyền lập pháp trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền"*, Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992: *Những vấn đề lý luận & thực tiễn*, tập 1: Những vấn đề chung về Hiến pháp và bộ máy Nhà nước, Trung tâm thông tin, thư viện & nghiên cứu khoa học - Văn phòng Quốc hội, Khoa luật đại học quốc gia Hà Nội.
8. Võ Trí Hào (8/2012), *"Nâng cao địa vị và hoàn thiện hoạt động của Quốc hội"*, Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992: *Những vấn đề lý luận & thực tiễn*, tập 1: Những vấn đề chung về Hiến pháp và bộ máy Nhà nước, Trung tâm thông tin, thư viện & nghiên cứu khoa học - Văn phòng Quốc hội, Khoa luật đại học quốc gia Hà Nội.

9. Trung tâm thông tin, thư viện & nghiên cứu khoa học - Văn phòng Quốc hội, Khoa luật đại học quốc gia Hà Nội (2012), *"Cơ quan nhân quyền Quốc gia và đề xuất bổ sung quy định vào Hiến pháp 1992"*, Sửa đổi, bổ sung hiến pháp 1992: *Những vấn đề lý luận & thực tiễn, tập 1*: Những vấn đề chung về hiến pháp và bộ máy nhà nước.
10. Đào Trí Úc - GS.TS. Nguyễn Thị Mơ, TS. Nguyễn Văn Thuận - TS. Vũ Công Giao (2013), *Sự tham gia của nhân dân vào quy trình lập hiến, lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*, Viện Chính sách Công & Pháp luật (trực thuộc liên hiệp các Hội khoa học & Kỹ thuật Việt Nam), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Đào Trí Úc - GS.TS. Nguyễn Thị Mơ, TS. Nguyễn Văn Thuận - TS. Vũ Công Giao (2013), *Các thiết chế hiến định độc lập - kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Viện Chính sách Công & Pháp luật (trực thuộc liên hiệp các Hội khoa học & Kỹ thuật Việt Nam), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Đào Trí Úc, PGS.TS. Trịnh Đức Thảo, TS. Vũ Công Giao, TS. Trương Hồ Hải (2014), *Kỷ yếu hội thảo - Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam*, Viện chính sách công & Pháp luật, Viện nhà nước & Pháp luật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. GPAR, GENCOMNET và CIFPEN (2013), *Báo cáo chung của các bên liên quan gửi hội đồng nhân quyền liên hợp quốc cho kiểm điểm định kỳ toàn cầu của Việt Nam năm 2014*.
14. Trần Thị Hòe (2002), *Vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo Quyền con người ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Tường Duy Kiên (2005), *"Tăng cường hoạt động lập pháp bảo đảm quyền con người đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam"*, Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật.
16. Tường Duy Kiên (2006), *Đảm bảo quyền con người trong hoạt động của Quốc hội Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

17. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), *Cơ quan nhân quyền quốc gia, Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Hà Nội.
18. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Có hiệu lực từ 01/01/2014)*, NXB Tư Pháp.
19. Thái Vĩnh Thắng (2009), "Quyền tiếp cận thông tin - điều kiện thực hiện các quyền con người và quyền công dân", *Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Quốc hội*, (17), tr.6 - 11.
20. Thái Vĩnh Thắng (2010), "Sửa đổi, bổ sung hiến pháp 1992 đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", *Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật*, (4), tr.3 - 13.
21. Thái Vĩnh Thắng (2013), *"Bàn về một số chế định trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp"*, Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp.
22. Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu khoa học, Văn phòng Quốc hội (2011), *Hoạt động của Quốc hội Khóa XII: Các số liệu thống kê và phân tích*.
23. Trường Đại học Luật Hà Nội, khoa Hành chính nhà nước (2011), *Chế độ bầu cử và vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
24. UBTVQH (2011), *Báo cáo tổng kết hoạt động của UBTVQH nhiệm kỳ quốc hội khóa XII (2007 - 2011)*
25. UBTVQH, Ban dân nguyện (2011), *Báo cáo tổng kết công tác của Ban dân nguyện nhiệm kỳ quốc hội khóa XII (2007 - 2011)*
26. Ủy ban pháp luật Quốc hội khóa XII (2011), *Báo cáo tổng kết công tác của Ủy ban pháp luật nhiệm kỳ quốc hội khóa XII (2007 - 2011)*
27. Ủy ban tư pháp Quốc hội khóa XII (2011), *Báo cáo tổng kết công tác của Ủy ban tư pháp nhiệm kỳ quốc hội khóa XII (2007 - 2011)*
28. Văn phòng Quốc hội (2011), *Báo cáo công tác của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011)*
29. Viện chính sách công và pháp luật, Viện nghiên cứu lập pháp (2013), *Kỷ yếu hội thảo khoa học "Tổ chức bộ máy nhà nước theo Hiến pháp năm 2013"*
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia

31. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Dự thảo Báo cáo quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ cập (UPR) Chu kỳ II*.

II. WEBSITE

32. Bộ Ngoại giao (2009), "*Báo cáo quốc gia kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam năm 2009*", <http://www.mofa.gov.vn>.
33. Bộ Chính trị (2002), "*Nghị quyết số 08 - NQ-TW ngày 2/1/2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*", <http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet-so-08-NQ-TW-2002-nhiem-vu-trong-tam-cong-tac-tu-phap-vb165169.aspx>, truy cập ngày 8/7/2014.
34. Đảng cộng sản Việt Nam (2003), "*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*", http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=226&id=BT25110530192, truy cập ngày 15/7/2014.
35. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), "*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*", http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30621&cn_id=41714
36. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Hiến pháp năm 1992, sửa đổi bổ sung năm 2001*, http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=11243, truy cập ngày 1/7/2014.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 53/2013/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014*, <http://vea.gov.vn/vn/tintuc/tinnoibo/Documents/19122013%20%285%29.pdf>
38. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*,

- http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=12817 , truy cập ngày 10/7/2014.
39. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật hoạt động giám sát của Quốc hội*,
http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=446&mode=detail&document_id=93603, truy cập ngày 10/7/2014.
40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Luật tổ chức Quốc hội năm 2001*,
http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=22862 , truy cập ngày 6/7/2014.
41. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004), *Nghị quyết số 743/2004 về trang phục của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự*,
<http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet/Nghi-quyet-743-2004-NQ-UBTVQH11-trang-phuc-cua-bi-cai-tai-phiien-toa-xet-xu-vu-an-hinh-su-vb52783t13.aspx> , truy cập ngày 14/7/2014.
42. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1998), *Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế*,
http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=7566, truy cập ngày 6/7/2014.
43. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2013), *Báo cáo Tổng hợp ý kiến của nhân dân về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992*,
<http://hienphap.net/2013/06/13/bao-cao-tong-hop-y-kiem-nhan-dan-ve-du-thao-sua-doi-hien-phap-nam-1992-cua-mat-tran-to-quoc-viet-nam/>, truy cập ngày 6/7/2014.